DEOCA
INFRASTRUCTURE



KIẾN TẠO KỲ TÍCH

TRÊN CUNG ĐƯỜNG VIỆT

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN **2025**

MỤC LỤC

DEOCA INFRASTRUCTURE

01
Chương I
Thông điệp

Thư ngỏ của Chủ tịch Hội đồng quản trị **06**

Dấu ấn 2025 **08**

02
Chương II
Tổng quan về Công ty

Thông tin chung **12**

Tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi **14**

Quá trình hình thành và phát triển **16**

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh **19**

Mô hình tổ chức **21**

Giới thiệu nhân sự **22**

Định hướng phát triển **32**

03
Chương III
Báo cáo tình hình hoạt động năm 2025

Báo cáo của Ban Tổng giám đốc **36**

Báo cáo của Hội đồng quản trị **38**

Báo cáo của các đơn vị thành viên **42**

Báo cáo phát triển bền vững **44**

04
Chương IV
Quản trị doanh nghiệp

Thông tin cổ phiếu và cơ cấu cổ đông **54**

Hoạt động của Hội đồng quản trị **57**

Hoạt động của Ban kiểm soát **70**

Giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát **73**

05
Chương V
Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính **86**



Chương I

Thông điệp

Thư ngỏ của Chủ tịch Hội đồng quản trị 06

Dấu ấn 2025 08

THƯ NGỎ CỦA
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Thay mặt Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng giao thông Đèo Cả (HHV), tôi xin gửi tới Quý cổ đông, Quý đối tác cùng toàn thể cán bộ, công nhân viên lời cảm ơn chân thành vì sự đồng hành, tin tưởng và đóng góp quý báu trong suốt thời gian qua. Chính sự gắn bó và niềm tin của Quý vị đã tạo nên nền tảng vững chắc để HHV không ngừng phát triển, từng bước khẳng định vị thế doanh nghiệp trong lĩnh vực hạ tầng giao thông tại Việt Nam.

Ông **HỒ MINH HOÀNG**
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Trải qua hơn 50 năm hình thành và phát triển, HHV đã xây dựng được năng lực toàn diện trên ba lĩnh vực cốt lõi là: Đầu tư - Thi công xây lắp - Quản lý vận hành công trình giao thông. Những tuyến đường, cây cầu, hầm xuyên núi do HHV đầu tư, xây dựng, quản lý không chỉ góp phần kết nối giao thương, mở rộng không gian phát triển cho các địa phương, mà còn hiện thực hóa khát vọng phát triển đất nước bằng những sản phẩm thực, giá trị thực, bền vững và lâu dài.

Năm 2025 là năm nhiều dấu ấn đối với HHV, trong dòng chảy sôi động của ngành giao thông, HHV cùng Tập đoàn Đèo Cả (Công ty mẹ) và các đối tác đã tham gia triển khai nhiều dự án trọng điểm, góp phần quan trọng vào mục tiêu phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng quốc gia. Những kết quả đạt được thể hiện năng lực tổ chức thực hiện, năng lực quản trị và bản lĩnh của một doanh nghiệp luôn sẵn sàng nhận nhiệm vụ khó, kiên trì theo đuổi mục tiêu đến cùng.

Đằng sau những con số tăng trưởng, những dự án, những công trình hoàn thành là sự nỗ lực bền bỉ và cống hiến thầm lặng của đội ngũ người lao động Đèo Cả. Từ những cán bộ, kỹ sư, công nhân bám công trường trong điều kiện khắc nghiệt, đến các bộ phận vận hành, kỹ thuật, tài chính, quản trị… tất cả đã góp phần tạo nên một hệ thống vận hành đồng bộ, kỷ luật và hiệu quả. Tôi trân trọng và tri ân những đóng góp của toàn thể cán bộ, công nhân viên HHV.

Bên cạnh những thành quả đạt được, năm 2025 cũng tiếp tục đặt ra yêu cầu về sự tỉnh táo trong lựa chọn, bản lĩnh trong hành động và trách nhiệm trong phát triển. HHV kiên định với định hướng phát triển bền vững, không đánh đổi chất lượng và hiệu quả dài hạn để lấy tăng trưởng trong ngắn hạn; đặt lợi ích hài hòa của doanh nghiệp, cổ đông, người lao động và xã hội làm trọng tâm. Đây cũng là cách chúng tôi hiện thực hóa các giá trị cốt lõi: **Khát vọng - Kiên định - Tri ân.**

Bước sang năm 2026, trong bối cảnh đất nước bước vào giai đoạn phát triển mới với nhiều cơ hội và thách thức, HHV tiếp tục tiến bước với tâm thế chủ động, phát huy vai trò là đơn vị chủ lực của Tập đoàn Đèo Cả, tập trung hoàn thành các nhiệm vụ đang triển khai; nâng cao năng lực quản trị, năng lực tài chính và chất lượng nguồn nhân lực; củng cố vị thế doanh nghiệp hạ tầng giao thông hàng đầu Việt Nam và từng bước vươn tầm quốc tế.

Mục tiêu của Chính phủ đến năm 2030 cả nước sẽ có 5.000km đường cao tốc và hoàn thiện hệ thống hạ tầng giao thông đồng bộ, hiện đại, với định hướng “giao thông đi trước mở đường” - đây không chỉ là nhiệm vụ mà còn là sứ mệnh chung của những người làm hạ tầng giao thông.

Trên tinh thần đó, HHV tiếp tục cầu thị, đổi mới sáng tạo, phát huy tư duy **“nghĩ khác biệt, tạo cách biệt”**, đề cao tinh thần dám nghĩ - dám làm - dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Với Người Đèo Cả, mọi con đường phải có đích đến, và đích đến của chúng tôi là kiến tạo những công trình chất lượng, an toàn, bền vững - mang lại giá trị thực cho xã hội, đồng thời gia tăng lợi ích cho cổ đông và người lao động.

Trong giai đoạn phát triển mới, HHV tiếp tục lấy con người làm trung tâm, lấy chất lượng công trình và hiệu quả vận hành làm thước đo, lấy uy tín và trách nhiệm làm nền móng cho sự phát triển dài hạn. Với nền tảng đã tích lũy qua nhiều năm, HHV tin tưởng sẽ vững bước trên hành trình kiến tạo các công trình hạ tầng giao thông hiện đại, góp phần vì cuộc sống sung túc hơn cho con người và đất nước Việt Nam.

Trân trọng!

Thay mặt Hội đồng quản trị

Chủ tịch

HỒ MINH HOÀNG

DẤU ẤN 2025

671 tỷ đồng

Lợi nhuận sau thuế, tăng 36%
so với năm 2024
và vượt kế hoạch 21%

507km đường cao tốc và quốc lộ, 33km hầm đường bộ, 21 trạm thu phí BOT

Được quản lý vận hành, bảo đảm an toàn giao thông thông suốt từ HHV

3.801 tỷ đồng

Doanh thu tăng 15%
so với năm 2024, vượt kế hoạch 6%

3.943 tỷ đồng

Vốn HHV tham gia trong 6 dự án đầu tư (dự án mở rộng Quốc lộ 1 – Tỉnh Khánh Hòa, hầm đường bộ Phước Tượng - Phú Gia, hầm đường bộ qua Đèo Cả, Cao tốc Bắc Giang – Lạng Sơn, Cao tốc Đồng Đăng – Trà Lĩnh, Cao tốc Cao Lâm – Vĩnh Hảo)

2.179 tỷ đồng

Doanh thu thu phí, tăng 14%
so với năm 2024

Hệ sinh thái toàn diện

Với 94 ngành nghề, 02 Văn phòng đại diện và 12 Chi nhánh hoạt động quản lý vận hành, thi công xây lắp, thương mại dịch vụ.

Nhà đầu tư uy tín

Tổng thầu thi công hạ tầng giao thông hàng đầu trong nước.

Nguồn nhân lực chất lượng cao

Bắt nhịp với sự thay đổi cập nhật công nghệ kỹ thuật không ngừng của thế giới, "đón đầu" khối lượng công việc lớn về phát triển hạ tầng đường sắt trong giai đoạn tới.

Kiên định với chiến lược

Phát triển bền vững, luôn nỗ lực chăm chút đến từng khâu trong hoạt động sản xuất, đảm bảo giảm thiểu rủi ro và nâng cao hiệu quả hoạt động trong hàng loạt các công trình, dự án trọng điểm, cấp quốc gia, đóng góp tích cực vào sự phát triển của nền kinh tế nước nhà, từng bước "Vươn tầm thế giới".





Chương II

Tổng quan về Công ty

Thông tin chung 12

Tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi 14

Quá trình hình thành và phát triển 16

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh 19

Mô hình tổ chức 21

Giới thiệu nhân sự 22

Định hướng phát triển 32

THÔNG TIN CHUNG

Tên Công ty	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ
Mã cổ phiếu	HHV
Tên viết tắt	DII
Tên tiếng Anh	DEO CA TRAFFIC INFRASTRUCTURE INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY
Biểu tượng của Công ty	DEOCA INFRASTRUCTURE
Trụ sở	Km11 + 500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, thành phố Đà Nẵng
Điện thoại	0236 3730 574
FAX	0236 3842 713
Email	info@hhv.com.vn
Website	https://www.hhv.com.vn/
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và mã số thuế	0400101965 do Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng) cấp ngày 24/6/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 38 ngày 24/3/2026
Vốn điều lệ (tại thời điểm báo cáo)	5.471.662.960.000 đồng *(Bằng chữ: Năm nghìn bốn trăm bảy mươi mươi mốt tỷ, sáu trăm sáu mươi hai triệu, chín trăm sáu mươi nghìn đồng)*
Số lượng cổ phiếu lưu hành	547.166.296 cổ phiếu
Số lượng lao động	1.336 lao động
Người đại diện theo pháp luật	Ông Ngọ Trường Nam - Tổng Giám đốc



TẦM NHÌN, SỨ MỆNH VÀ GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Tầm nhìn

Doanh nghiệp hạ tầng giao thông hàng đầu Việt Nam, vươn tầm quốc tế

Sứ mệnh

VÌ CUỘC SỐNG AN TOÀN, SUNG TÚC CHO CON NGƯỜI, ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM

Giá trị cốt lõi

TRI ÂN

Đền ơn, đáp nghĩa với những người đã tin tưởng, hỗ trợ, chia sẻ, đồng hành cùng sự phát triển của Doanh nghiệp.

KHÁT VỌNG

Có ước mơ, hoài bão, dám làm những việc lớn, việc khó. Lấy khát vọng làm động lực vươn lên, vượt qua trở ngại để đạt được thành quả lớn lao, hướng đến sự phát triển của Công ty và xã hội.

Luôn tìm thấy ý nghĩa lớn lao trong từng công việc, dù là nhỏ nhất, để hoàn thành công việc một cách trọn vẹn.

KIÊN ĐỊNH

Không bao giờ từ bỏ mục tiêu đúng đắn đã lựa chọn.

Tìm cách vượt qua mọi khó khăn, thách thức để đạt được mục tiêu, không bàn lùi, không rẽ ngang.

Mỗi lần vấp ngã, đều đứng dậy với ý chí mạnh mẽ hơn để bước tiếp đến đích.

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Giai đoạn 1

1974 - 2014

KIẾN TẠO

Giai đoạn 2

2015 - 2020

KIỆN TOÀN

Năm 1974

Tiền thân của Công ty là Xưởng Thống Nhất trực thuộc Ban Xây dựng 67 theo Quyết định số 574/QĐ-TC ngày 10/05/1974, đến năm 1975 đổi tên thành Xí nghiệp Đại tu Ô tô Thống Nhất tại cầu Cúp tỉnh Quảng Bình.

Năm 2009

Sau nhiều lần thay đổi, Xí nghiệp trở thành doanh nghiệp nhà nước lấy tên là Công ty TNHH MTV Quản lý và Khai thác hầm đường bộ Hải Vân.

Năm 2014

Thực hiện phương án cổ phần hóa theo Quyết định số 3079/QĐ-BGTVT của Bộ Giao thông Vận tải, Công ty chuyển đổi loại hình thành Công ty cổ phần Quản lý và Khai thác hầm đường bộ Hải Vân với hoạt động chính là quản lý vận hành và bảo trì thường xuyên công trình hầm đường bộ Hải Vân - hầm đường bộ dài nhất Đông Nam Á.

Năm 2015

Chính thức trở thành công ty đại chúng theo Văn bản số 1516/UBCK-QLPH của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Ngày 24/11/2015, cổ phiếu của Công ty được chấp thuận đăng ký giao dịch lần đầu trên sàn UPCoM với mã chứng khoán HHV.

Năm 2019

Công ty cổ phần Quản lý và Khai thác hầm đường bộ Hải Vân chính thức đổi tên thành **Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả** vào ngày 26/07/2019.

Năm 2020

Trải qua nhiều lần phát hành thêm cổ phần để tăng vốn, tổng vốn điều lệ của Công ty đạt 2.673.840.900.000 đồng. Công ty trở thành nhà đầu tư, công ty mẹ của nhiều Doanh nghiệp dự án như CTCP Đầu tư Đèo Cả, CTCP BOT Bắc Giang - Lạng Sơn, CTCP Phước Tượng Phú Gia BOT,...

Giai đoạn 3

2021 - nay

VƯƠN XA

Năm 2021

Ngày 23/12/2021, cổ phiếu HHV của Công ty được chấp thuận niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) theo Quyết định số 717/QĐ-SGDHCM. Ngày 20/01/2022 là ngày giao dịch chính thức đầu tiên của cổ phiếu HHV trên HOSE.

Năm 2022 - 2025

Công ty thực hiện tăng quy mô vốn điều lệ để tiếp tục đầu tư hàng loạt các dự án hạ tầng giao thông theo hình thức PPP mới như: cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo, cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh.... và mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, thực hiện thi công các dự án trọng điểm như cao tốc Quảng Ngãi - Hoài Nhơn, mở rộng đèo Prenn, dự án đường nối Cảng Liên Chiểu, Ven biển Bình Định, Xây dựng hạ tầng ITS Mai Sơn, Quốc lộ 45…

Hiện nay

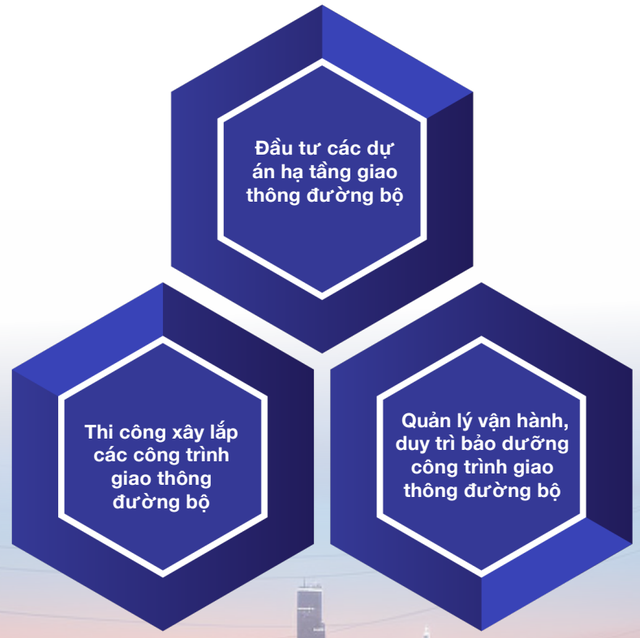
Công ty đang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - con với 03 Công ty con và 04 Công ty liên kết. Công ty đang là nhà đầu tư, nhà thầu thi công các dự án hạ tầng giao thông hàng đầu Việt Nam, sẵn sàng hội nhập với quốc tế.

DEOCA INFRASTRUCTURE

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề lĩnh vực hoạt động

Công ty đã đăng ký tổng cộng 94 ngành, nghề trên nhiều lĩnh vực sản xuất, kinh doanh khác nhau với ngành, nghề chính là hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ (mã ngành: 5225). Lĩnh vực hoạt động của Công ty tập trung trên 03 nhóm ngành chính, chiếm đa số trong tổng doanh thu của Công ty:



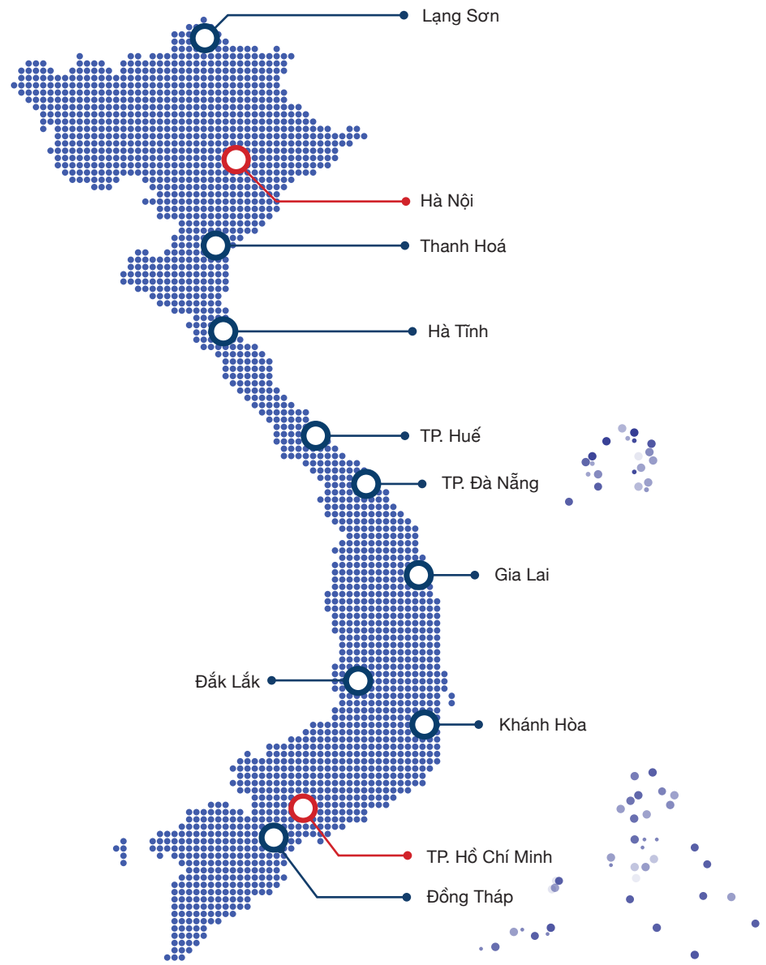


NGÀNH NGHỀ
VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH *(Tiếp theo)*

Địa bàn kinh doanh

Tại thời điểm báo cáo, Công ty hiện có 12 Chi nhánh là các Xí nghiệp hoạt động quản lý vận hành, thi công xây lắp, thương mại dịch vụ trải rộng tại các địa phương khắp cả nước và hoạt động tập trung chủ yếu tại TP. Đà Nẵng, TP. Huế, tỉnh Lạng Sơn, Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Gia Lai, Đắk Lắk, Khánh Hòa, Đồng Tháp,... và các tỉnh thành khác.

Văn phòng đại diện: Công ty hiện có 02 Văn phòng đại diện tại Hà Nội (số 278 Thụy Khuê, phường Tây Hồ, TP. Hà Nội) và TP. Hồ Chí Minh (số 32 Thạch Thị Thanh, phường Tân Định, TP. Hồ Chí Minh).



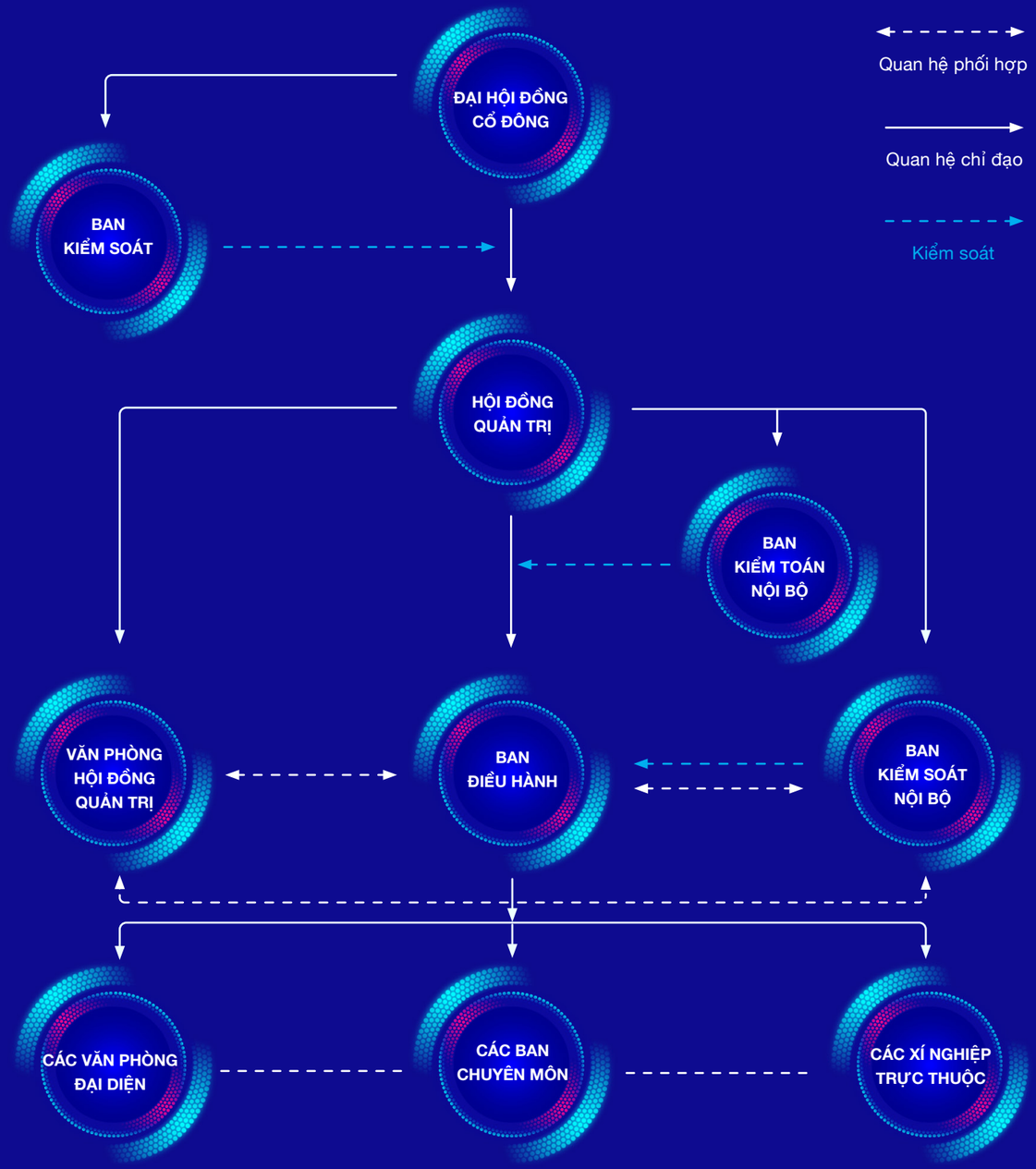
Xí nghiệp là các Chi nhánh hoạt động quản lý vận hành, thi công xây lắp, thương mại dịch vụ và các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh khác.

Văn phòng đại diện

MÔ HÌNH TỔ CHỨC

Mô hình quản trị: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc.

Cơ cấu bộ máy quản lý:



GIỚI THIỆU NHÂN SỰ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Danh sách thành viên HĐQT

STT	Họ tên	Chức vụ	Nhiệm kỳ	Số lượng cổ phiếu sở hữu tại ngày 31/12/2025	
				Số lượng (cổ phiếu)	Tỷ lệ (%)
1	**Hồ Minh Hoàng**	Chủ tịch HĐQT (Thành viên không điều hành)	2024 - 2029	2.123.415	0,43%
2	**Nguyễn Tấn Đông**	Phó Chủ tịch HĐQT (Thành viên không điều hành)	2024 - 2029	6.260.024	1,26%
3	**Nguyễn Hữu Hùng**	Phó Chủ tịch HĐQT (Thành viên không điều hành)	2024 - 2029	0	0%
4	**Võ Thụy Linh**	Thành viên không điều hành	2024 - 2029	73.021.881	14,68%
5	**Trần Chủng**	Thành viên không điều hành	2024 - 2029	0	0%
6	**Nguyễn Quang Huy**	Thành viên không điều hành	2024 - 2029	271.325	0,05%
7	**Hoàng Văn Hải**	Thành viên độc lập	2024 - 2029	0	0%
8	**Hồ Quang Lợi**	Thành viên độc lập	2024 - 2029	0	0%



Ông **HỒ MINH HOÀNG**

Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Năm sinh: 1972

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Hiện là: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Tập đoàn Đèo Cả, Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận, Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Đèo Cả Capital; Chủ tịch HĐTV Công ty TNHH BOT Cao tốc Sài Gòn - Mỹ Thuận

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu HHV: 2.123.415 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 0,43% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.



Ông **NGUYỄN TẤN ĐÔNG**

Chức vụ: Phó Chủ tịch HĐQT

Năm sinh: 1977

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cầu đường, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh (Chương trình ExMBA)

Hiện là: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Tập đoàn Đèo Cả, Phó Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận, Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT, Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo, Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng Cầu đường Sài Gòn - Phú Yên.

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu HHV:

- Sở hữu cá nhân: 141.561 cổ phiếu, chiếm 0,03% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty
- Đại diện CTCP Tập đoàn Đèo Cả sở hữu 6.118.463 cổ phiếu, chiếm 1,23% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty



Ông **NGUYỄN HỮU HÙNG**

Chức vụ: Phó Chủ tịch HĐQT

Năm sinh: 1983

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán, Cử nhân Tin Kinh tế chuyên ngành hệ thống quản lý, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh (Chương trình ExMBA)

Hiện là: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Tập đoàn Đèo Cả, Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh, Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Cao tốc Hữu Nghị - Chi Lăng, Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa, Chủ tịch HĐTV Công ty TNHH Hạ tầng đô thị Đèo Cả.

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu HHV: 0 cổ phiếu, chiếm 0% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty.

GIỚI THIỆU NHÂN SỰ *(Tiếp theo)*



Ông **VÕ THỤY LINH**

Chức vụ: Thành viên HĐQT không điều hành

Năm sinh: 1971

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh (Chương trình ExMBA)

Hiện là: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Tập đoàn Đèo Cả, Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư Hải Thạch B.O.T, Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cả, Trưởng Ban Kiểm soát Công ty cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu HHV:

- Đại diện Công ty CP Đầu tư Hải Thạch B.O.T sở hữu 73.021.881 cổ phiếu, chiếm 14,68% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty.



Ông **NGUYỄN QUANG HUY**

Chức vụ: Thành viên HĐQT không điều hành

Năm sinh: 1990

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng công trình giao thông, Thạc sĩ Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh (Chương trình ExMBA)

Hiện là: Tổng Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần Tập đoàn Đèo Cả, Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Quản lý và Khai thác đường cao tốc Đèo Cả, Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam, Phó Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh, Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh Giai đoạn 2, Tổng Giám đốc Công ty TNHH Hạ tầng đô thị Đèo Cả

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu HHV: 271.325 cổ phiếu, chiếm 0,05% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công



Ông **TRẦN CHỦNG**

Chức vụ: Thành viên HĐQT không điều hành

Năm sinh: 1947

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: PGS. Tiến sĩ Xây dựng, Cử nhân Xây dựng.

Hiện là: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cả, Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam.

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu HHV: 0 cổ phiếu, chiếm 0% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty.



Ông **HOÀNG VĂN HẢI**

Chức vụ: Thành viên HĐQT độc lập

Năm sinh: 1966

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: PGS. Tiến sĩ Kinh tế, Cử nhân Kinh tế thương nghiệp.

Hiện là: Viện trưởng Viện Quản trị - Kinh doanh Trường Đại học Tài chính - Ngân hàng Hà Nội

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu HHV: 0 cổ phiếu, chiếm 0% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty.



Ông **HỒ QUANG LỢI**

Chức vụ: Thành viên HĐQT độc lập

Năm sinh: 1956

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân.

Hiện là: Chủ tịch Hội Hữu nghị Việt Nam - Rumani, Phó Chủ tịch Hội Truyền thông số Việt Nam.

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu HHV: 0 cổ phiếu, chiếm 0% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty.

GIỚI THIỆU NHÂN SỰ *(Tiếp theo)*

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách thành viên Ban Tổng giám đốc

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu sở hữu tại ngày 31/12/2025	Tỉ lệ sở hữu (%)
1	Ông **Ngọ Trường Nam**	Tổng Giám đốc	0	0%
2	Ông **Nguyễn Lê Bách**	Phó Tổng Giám đốc	0	0%
3	Ông **Trần Văn Chí**	Phó Tổng Giám đốc	0	0%
4	Ông **Lê Châu Thắng**	Phó Tổng Giám đốc	4.183	0,0008%
5	Ông **Võ Ngọc Trung**	Phó Tổng Giám đốc	3.617	0,0007%
6	Ông **Trần Văn Dũng**	Phó Tổng Giám đốc	0	0%
7	Bà **Nguyễn Quỳnh Mai**	Phó Tổng Giám đốc	0	0%
8	Ông **Nguyễn Văn Ân**	Phó Tổng Giám đốc	0	0%
9	Ông **Lê Công Nghĩa**	Kế toán trưởng	0	0%



Ông **NGỌ TRƯỜNG NAM**

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1991

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng công trình giao thông; Thạc sĩ Quản trị kinh doanh (Chương trình ExMBA)

Hiện là: Tổng Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần Tập đoàn Đèo Cả, Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cả, Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu HHV: 0 cổ phiếu, chiếm 0% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty.



Ông **NGUYỄN LÊ BÁCH**

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1988

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng Cầu – Đường

Hiện là: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tập đoàn Đèo Cả; Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Xây dựng Đèo Cả

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu HHV: 0 cổ phiếu, chiếm 0% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty.



Ông **TRẦN VĂN CHÍ**

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1976

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng Cầu đường

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu HHV: 0 cổ phiếu, chiếm 0% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty.

GIỚI THIỆU NHÂN SỰ *(Tiếp theo)*

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC *(tiếp theo)*



Ông **LÊ CHÂU THẮNG**

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1978

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu HHV: 4.183 cổ phiếu, chiếm 0,0008% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty.



Ông **VÕ NGỌC TRUNG**

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1981

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện tử viễn thông, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh (Chương trình ExMBA)

Hiện là: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Quản lý và Khai thác đường cao tốc Đèo Cả

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu HHV: 3.617 cổ phiếu, chiếm 0,0007% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty.



Ông **TRẦN VĂN DŨNG**

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1977

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cầu đường

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu HHV: 0 cổ phiếu, chiếm 0% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty.



Bà **NGUYỄN QUỲNH MAI**

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1993

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính - Ngân hàng

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu HHV: 0 cổ phiếu, chiếm 0% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty.



Ông **NGUYỄN VĂN ÂN**

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1982

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán - Học viện Tài chính

Hiện là: Kế toán trưởng Công ty CP Đầu tư Phát triển Khu đô thị Nam Quảng Ngãi; Kế toán trưởng Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam; Kiểm soát viên Công ty cổ phần Quản lý và Khai thác đường cao tốc Đèo Cả.

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu HHV: 0 cổ phiếu, chiếm 0% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty.



Ông **LÊ CÔNG NGHĨA**

Chức vụ: Kế toán trưởng, Người được ủy quyền công bố thông tin, Trưởng Ban Kế toán

Năm sinh: 1989

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu HHV: 0 cổ phiếu, chiếm 0% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty.

GIỚI THIỆU NHÂN SỰ *(Tiếp theo)*

BAN KIỂM SOÁT

Danh sách thành viên Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm kỳ	Số lượng cổ phiếu sở hữu tại ngày 31/12/2025	Tỉ lệ sở hữu (%)
1	Ông **Nguyễn Minh Giang**	Trưởng Ban Kiểm soát	2024 - 2029	0	0%
2	Bà **Cam Thị Minh Hải**	Kiểm soát viên	2025 - 2030	0	0%
3	Bà **Phan Thị Mai**	Kiểm soát viên	2021 - 2026	0	0%



Ông **NGUYỄN MINH GIANG**

Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1980

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính - Kế toán, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh (Chương trình ExMBA)

Hiện là: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Tập đoàn Đèo Cả, Trưởng Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa, Thành viên HĐQT Công ty cổ phần An ninh Đèo Cả, Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng cầu đường Sài Gòn - Phú Yên, Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần Bất động sản Đèo Cả, Thành viên HĐTV Công ty TNHH Hạ tầng đô thị Đèo Cả

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu HHV: 0 cổ phiếu, chiếm 0% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty.



Bà **CAM THỊ MINH HẢI**

Chức vụ: Kiểm soát viên

Năm sinh: 1984

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán doanh nghiệp.

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có.

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu HHV: 0 cổ phiếu, chiếm 0% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty.



Bà **PHAN THỊ MAI**

Chức vụ: Kiểm soát viên

Năm sinh: 1989

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Luật sư.

Hiện là: Kiểm soát viên Công ty cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa, Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật của Công ty Luật TNHH M&P Việt Nam

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu HHV: 0 cổ phiếu, chiếm 0% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Mục tiêu:

Tạo ra giá trị thực - Gia tăng giá trị thực dựa trên nền tảng tôn chỉ hoạt động **“Uy tín - Chất lượng - Hiệu quả”.**



Chiến lược phát triển:

Nằm trong tổng thể chiến lược “tăng trưởng tập trung - đi trong vòng tròn năng lực”, phát triển trên những thế mạnh, năng lực chuyên sâu của Tập đoàn Đèo Cả, HHV kiên định theo đuổi lĩnh vực cốt lõi là đầu tư, thi công xây lắp và quản lý vận hành các công trình hạ tầng giao thông với mục tiêu hướng đến “con đường vàng tạo ra giá trị vàng”, tiếp tục giữ vững vị thế Nhà đầu tư - Nhà thầu thi công - Nhà thầu quản lý vận hành các dự án hạ tầng giao thông “hàng đầu trong nước và vươn tầm quốc tế”.

Để thực hiện chiến lược nói trên, HHV sẽ tiếp tục đẩy mạnh các mảng kinh doanh cốt lõi với các nhiệm vụ trọng tâm như sau:

01. Hoạt động đầu tư dự án

- Trong năm 2026, HHV kiên định với chiến lược tăng trưởng tập trung, tiếp tục nghiên cứu, đầu tư vào các dự án hạ tầng giao thông trọng điểm theo hình thức PPP. Hoạt động đầu tư và huy động vốn được thực hiện theo nguyên tắc:

+ Ưu tiên các dự án có tính kết nối và lan tỏa cao như: mở rộng cao tốc Bắc - Nam phía Đông; các trục cao tốc liên vùng; các tuyến đường vành đai các thành phố lớn; các công trình yêu cầu kỹ thuật công nghệ cao (hầm, cầu lớn, đường sắt);..

+ Ưu tiên các dự án có hiệu quả tài chính cao, có sự tham gia của vốn Nhà nước;

+ Tối ưu cấu trúc vốn, đảm bảo cân đối giữa tăng trưởng và kiểm soát đòn bẩy tài chính;

+ Gắn hoạt động đầu tư với mở rộng nguồn việc và nâng cao năng lực thi công, vận hành.

02. Hoạt động thi công – quản lý vận hành các dự án hạ tầng giao thông:

- Để tối ưu hoá sản xuất, tạo ra lợi nhuận trong ngắn hạn từ hoạt động thi công xây lắp, HHV áp dụng công nghệ mới (thiết bị LiDAR, công nghệ Digital Twin, mô hình BIM…), sử dụng các vật liệu mới, kết cấu mới, điều hành tiến độ hợp lý để tối ưu nguồn lực, áp dụng cơ chế giao - quản trong thi công

- Không ngừng nâng cao năng lực thi công, quản lý vận hành cũng như đa dạng hóa các loại hình dự án tham gia nhằm củng cố vị thế ngành, mở rộng và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo sự tăng trưởng bền vững.

- Để đón đầu các kế hoạch và cơ hội ở giai đoạn sắp tới, Công ty đã chuẩn bị nguồn vốn đầu tư cho các dự án tiềm năng; đầu tư thêm nhiều máy móc thiết bị hiện đại; kiện toàn, củng cố quy trình, bộ máy, nâng cao năng lực và tay nghề của người lao động, đảm bảo chất lượng công trình.





Chương III

Báo cáo tình hình Hoạt động năm 2025

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc 36

Báo cáo của Hội đồng quản trị 38

Báo cáo của các đơn vị thành viên 42

Báo cáo phát triển bền vững 44

BÁO CÁO
CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

01 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025

Kết quả sản xuất kinh doanh Riêng:

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025			Tỷ lệ tăng trưởng 2025/2024
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch (%)	
01	Doanh thu thuần	1.733	1.938	2.095	108%	21%
02	Lợi nhuận sau thuế	197	218	286	131%	45%

Trong bối cảnh có nhiều điều kiện thuận lợi, trong đó có chủ trương quyết tâm đẩy mạnh giải ngân nguồn vốn đầu tư công trong năm 2025 của Chính phủ, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã có sự tăng trưởng mạnh mẽ so với năm trước. Hai hoạt động chính là thi công xây lắp và quản lý vận hành, quản lý thu phí các dự án hạ tầng giao thông tiếp tục đóng góp tỷ trọng chủ yếu trong cơ cấu doanh thu của Công ty năm 2025. Cùng với sự tăng trưởng doanh thu, Lợi nhuận sau thuế (LNST) cũng ghi nhận đạt 286 tỷ đồng, tăng 45% so với cùng kỳ và vượt kế hoạch đề ra.

Doanh thu năm 2025
Tăng 362 tỷ đồng so với năm 2024 (+21%).

Kết quả sản xuất kinh doanh Hợp nhất:

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025			Tỷ lệ tăng trưởng 2025/2024
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành (%)	
01	Doanh thu thuần	3.308	3.585	3.801	106%	15%
02	Lợi nhuận sau thuế	495	556	671	121%	36%

Doanh thu hợp nhất chủ yếu đến từ hoạt động thu phí dự án BOT (chiếm 57% tổng doanh thu) và hoạt động thi công xây lắp (chiếm 35% tổng doanh thu). Các hoạt động chính của Công ty đều ghi nhận kết quả doanh thu tăng trưởng tốt so với cùng kỳ.

Nhờ doanh thu tăng trưởng, LNST hợp nhất cũng chứng kiến mức tăng trưởng tương ứng, đạt 671 tỷ đồng, tăng khoảng 35% so với cùng kỳ năm trước, vượt mức kế hoạch đã được thông qua 21%.

Doanh thu thuần năm 2025
Tăng hơn 493 tỷ đồng (+15%) so với năm 2024 và vượt kế hoạch đề ra 6%

02 Kế hoạch kinh doanh 2026

Kế hoạch kinh doanh Riêng:

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2024	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026
01	Sản lượng	1.787	2.101	2.773
02	Doanh thu	1.733	2.095	2.670
03	Lợi nhuận sau thuế	197	286	323

Kế hoạch kinh doanh Hợp nhất:

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2024	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026
01	Doanh thu	3.308	3.801	4.468
02	Lợi nhuận sau thuế	495	671	766

03 Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án

Đơn vị: Tỷ đồng

Tên dự án	Tổng mức đầu tư	Vốn HHV tham gia tại 31/12/2025	Doanh thu năm 2025	LNST năm 2025	Thời gian đưa vào khai thác
Hầm Phước Tượng – Phú Gia	1.559	294	234	36	2016
Dự án mở rộng Quốc lộ 1– tỉnh Khánh Hòa	2.644	122	228	55	2016
Chuỗi hầm Đèo Cả - Cổ Mã – Cù Mông Hải Vân	18.904	1.747	1.362	149	2018
Cao tốc Bắc Giang Lạng Sơn	12.189	1.165	583	150	2020
Cao tốc Cam Lâm – Vĩnh Hảo	8.925	391	652	172	2024
Cao tốc Đồng Đăng – Trà Lĩnh	14.332	224	Dự án đang trong giai đoạn thi công xây dựng		
Tổng	**58.553**	**3.943**	**3.059**	**562**	

Công ty đang tham gia đầu tư trực tiếp vào 6 dự án hạ tầng giao thông theo hình thức PPP – hợp đồng BOT. Trong đó, 5 dự án đã được đưa vào vận hành khai thác ổn định. Hiện Công ty đang triển khai đầu tư và thi công tại Dự án xây dựng Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh tại tỉnh Cao Bằng. Dự án này hoàn thành sẽ góp phần hoàn thiện hệ thống đường cao tốc kết nối thủ đô Hà Nội đến các tỉnh giáp ranh và hệ thống cửa khẩu với Trung Quốc (cùng với dự án cao tốc Bắc Giang Lạng Sơn, dự án cao tốc cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng).

BÁO CÁO
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

01 Đánh giá kết quả hoạt động năm 2025

Về kết quả hoạt động, sản xuất kinh doanh

- Kết quả kinh doanh của công ty mẹ:

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Kết quả năm 2025	Tỷ lệ tăng trưởng so với năm 2024	Mức độ hoàn thành kế hoạch năm 2025
01	Doanh thu thuần	1.733	1.938	2.095	21%	108%
02	Lợi nhuận sau thuế	197	218	286	45%	131%

- Kết quả sản xuất kinh doanh Hợp nhất:

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Kế hoạch năm 2025	Kết quả năm 2025	Tỷ lệ tăng trưởng so với năm 2024	Mức độ hoàn thành kế hoạch năm 2025
01	Doanh thu thuần	3.308	3.585	3.801	15%	106%
02	Lợi nhuận sau thuế	495	556	671	36%	121%

| HĐQT ĐÁNH GIÁ

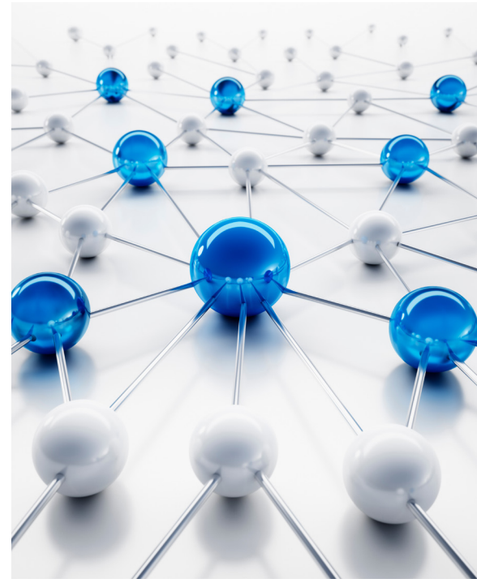
HĐQT đánh giá Công ty đã hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh năm 2025 theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ; đồng thời, đã thẳng thắn nhìn nhận những tồn tại, hạn chế để kịp thời khắc phục nhằm đạt kết quả cao hơn trong thời gian tới, hướng đến mục tiêu không ngừng gia tăng giá trị thực và phát triển bền vững.



Về thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên HĐQT

- Kết quả chi trả thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của HĐQT năm 2025:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao và tiền lương năm 2025 (VNĐ)
01	Hồ Minh Hoàng	Chủ tịch HĐQT	360.000.000
02	Nguyễn Tấn Đông	Phó Chủ tịch HĐQT	240.000.000
03	Nguyễn Hữu Hùng	Phó Chủ tịch HĐQT	240.000.000
04	Võ Thụy Linh	Thành viên HĐQT	180.000.000
05	Trần Chủng	Thành viên HĐQT	180.000.000
06	Nguyễn Quang Huy	Thành viên HĐQT	180.000.000
07	Hoàng Văn Hải	Thành viên độc lập HĐQT	180.000.000
08	Hồ Quang Lợi	Thành viên độc lập HĐQT	180.000.000
	Tổng cộng		**1.740.000.000**



Về các hợp đồng, giao dịch giữa HHV với các Bên có liên quan (công ty mẹ, công ty con và người quản lý của công ty mẹ, công ty con; người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ; các Bên có liên quan khác theo quy định pháp luật)

a. Các hợp đồng, giao dịch giữa HHV với các Bên có liên quan trong năm 2025 đã được Công ty báo cáo và công bố vào ngày 30/01/2026 tại các Phụ lục số 2, Phụ lục số 3 và Phụ lục số 4.1 của Báo cáo tình hình quản trị công ty số 01/2026/BCQT-HHV ngày 30/01/2026.

b. Các hợp đồng, giao dịch giữa HHV với các Bên có liên quan phát sinh trong năm 2025 đều được trình ĐHĐCĐ hoặc HĐQT phê duyệt theo thẩm quyền trước khi ký kết; đồng thời, đều có thông báo cho BKS để nắm thông tin và tham gia kiểm soát theo quy định. Các cuộc họp của HĐQT để xem xét phê duyệt hợp đồng, giao dịch với Bên có liên quan được tổ chức họp đúng trình tự, thủ tục; các thành viên HĐQT có lợi ích liên quan không tham gia biểu quyết và các Nghị quyết HĐQT phê duyệt hợp đồng, giao dịch với bên có liên quan đều được công bố công khai ngay sau khi ký ban hành.

BÁO CÁO
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ *(Tiếp theo)*

02 Kế hoạch hoạt động năm 2026

HĐQT đề ra định hướng, kế hoạch hoạt động chính trong năm 2026, như sau:



01. Chỉ đạo quyết liệt thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ về phát triển hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty; đẩy mạnh các dự án đầu tư mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh; triển khai các giải pháp nâng cao năng lực vốn theo mô hình PPP++ để đa dạng hóa nguồn vốn phục vụ hoạt động đầu tư và phát triển sản xuất; tiếp tục đầu tư mới, hiện đại hóa máy móc, phương tiện thiết bị để không ngừng nâng cao năng lực thi công, đấu thầu các dự án mới.

02. Tiếp tục quan tâm chỉ đạo công tác tuyển dụng lao động, thu hút nhân tài, quy hoạch nhân sự kết hợp đào tạo nội bộ để không ngừng nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn và tay nghề cho cán bộ, nhân viên và người lao động nhằm đảm bảo nguồn nhân lực cho các kế hoạch phát triển lâu dài của Công ty với phương châm "Văn hóa và Nhân lực là hai thứ không thể vay mượn"; tiếp tục duy trì và lan tỏa sâu rộng văn hóa doanh nghiệp với giá trị cốt lõi "Khát vọng - Kiên định - Tri ân" nhằm tạo môi trường và động lực phát triển bền vững.

03. Đẩy mạnh công tác chuyển đổi số, từng bước đầu tư và tạo điều kiện thuận lợi cho việc ứng dụng công nghệ hiện đại, trí tuệ nhân tạo (AI) và tự động hóa vào công tác quản lý, điều hành cũng như các khâu hoạt động sản xuất chính của Công ty.

04. Thường xuyên theo dõi, giám sát, kiểm tra, đánh giá sự phù hợp của các quy định, quy chế nội bộ để kịp thời điều chỉnh, bổ sung hoàn thiện nội dung phù hợp với pháp luật hiện hành và yêu cầu phát triển của Công ty trong từng giai đoạn.

05. Tiếp tục xây dựng hệ thống quản trị công ty theo thông lệ tốt; chỉ đạo tổ chức xây dựng và phê duyệt khung, chiến lược Phát triển bền vững (ESG) và thực hành ESG trong Công ty; tiếp tục kiện toàn, đẩy mạnh phân công, phân cấp nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể cho từng thành viên HĐQT theo hướng phát huy tinh thần trách nhiệm và phù hợp với trình độ chuyên môn, kinh nghiệm của từng thành viên HĐQT.

06. Phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi để BKS và các cơ quan, tổ chức độc lập, Cổ đông tham gia giám sát, kiểm tra hoạt động của Công ty để đảm bảo phát huy và nâng cao tính minh bạch trong hoạt động của doanh nghiệp đại chúng.

BÁO CÁO
CỦA CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

Danh sách Công ty con, Công ty liên kết và các khoản đầu tư khác của HHV:

STT	Tên Công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích của HHV	Hoạt động chính	Thông tin dự án
I	**CÔNG TY CON**				
01	Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	278 Thụy Khê, phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	99,37%	Doanh nghiệp dự án của Dự án Hầm đường bộ Phước Tượng, Phú Gia	Quy mô dự án: - Hầm Phước Tượng 357m, đường dẫn 2 phía và cầu trên tuyến tổng dài 4,1 km - Hầm Phú Gia 447 m, đường dẫn 2 phía và cầu trên tuyến tổng dài 2,6 km Địa điểm: Tỉnh Thừa Thiên Huế Tổng mức đầu tư: 1.559 tỷ đồng, Thời gian thu phí: 19 năm (2016 - 2035)
02	Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	32 Thạch Thị Thanh, phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	74,24%	Doanh nghiệp dự án của dự án Hầm Đèo Cả - Cổ Mã Cù Mông – Hải Vân	Quy mô dự án: - Hầm Đèo Cả: 4,1 km - Hầm Cổ Mã: 500 m - Hầm Cù Mông: 2,6 km - Hầm Hải Vân: 6,29 km Địa điểm: Tỉnh Khánh Hòa, Phú Yên, Bình Định, Thừa Thiên Huế và Thành phố Đà Nẵng Tổng mức đầu tư: 18.904 tỷ đồng Thời gian thu phí: 27 năm 5 tháng (2018 - 2046)
03	Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	278 Thụy Khuê, phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	65,04%	Doanh nghiệp dự án của dự án cao tốc Bắc Giang Lạng Sơn	Quy mô dự án: Tuyến cao tốc dài 63,86 km, tuyến QL1 dài 110,2 km Địa điểm: Tỉnh Bắc Giang và tỉnh Lạng Sơn Tổng mức đầu tư: 12.189 tỷ đồng Thời gian thu phí: 28 năm 7 tháng (2020 - 2049)



STT	Tên Công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích của HHV	Hoạt động chính	Thông tin dự án
II	**CÔNG TY LIÊN KẾT**				
01	Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	278 Thụy Khê, phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	47,42%	Doanh nghiệp dự án của Dự án mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua tỉnh Khánh Hoà	Quy mô: Tổng chiều dài dự án khoảng 37,7 km Địa điểm: Tỉnh Khánh Hòa Tổng mức đầu tư: 2.644 tỷ đồng Thời gian thu phí: 21 năm 8 tháng (2016 - 2038)
02	Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh	Số 320, Tổ 30, phường Nùng Trí Cao, tỉnh Cao Bằng, Việt Nam	42,31%	Doanh nghiệp dự án của Dự án cao tốc Đồng Đăng Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng)	Quy mô dự án: chiều dài toàn tuyến 93,35 km Địa điểm: Tỉnh Lạng Sơn, tỉnh Cao bằng Tổng mức đầu tư: 14.114 tỷ đồng Thời gian thu phí: 22 năm 4 tháng (2026 – 2048)
03	Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	Thôn Lương Cang, phường Đô Vinh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam	38,00%	Doanh nghiệp dự án của Dự án cao tốc Cam Lâm Vĩnh Hảo	Quy mô dự án: chiều dài toàn tuyến 78,5 km Địa điểm: tỉnh Khánh Hoà, Ninh Thuận, Bình Thuận TMĐT: 8.925 tỷ đồng Thời gian thu phí: 17 năm (2024 – 2041)
04	Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn Hữu Nghị	Phòng số 311, Tầng 3, Khu văn phòng tòa CT2 Chung cư Ban Cơ Yếu Chính Phủ, đường Khuất Duy Tiến, phường Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam	31,60%	Doanh nghiệp dự án cao tốc Hữu Nghị - Chi Lăng (dự án thành phần 2 của dự án cao tốc Bắc Giang – Lạng Sơn)	Hiện doanh nghiệp dự án đang thực hiện các thủ tục để chấm dứt hợp đồng, giải thể doanh nghiệp.
III	**KHOẢN ĐẦU TƯ KHÁC**				
01	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Số 32 Thạch Thị Thanh, phường Tân Định, TP. Hồ Chí Minh	15,37%	Xây dựng công trình, kinh doanh thương mại vật tư thiết bị, đầu tư dự án PPP	
02	Công ty TNHH Hạ tầng đô thị Đèo Cả	Số 278 Thụy Khuê, phường Tây Hồ, TP Hà Nội	17,78%	Xây dựng công trình đường bộ, đường sắt, Kinh doanh bất động sản	

Kết quả sản xuất kinh doanh các đơn vị:

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Công ty	Kết quả năm 2024		Kết quả năm 2025		Tăng trưởng 2025/2024	
		Doanh thu	LNST	Doanh thu	LNST	Doanh thu	LNST
01	Công ty cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	182	22	234	36	28%	64%
02	Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cả	1.269	126	1.362	149	7%	18%
03	Công ty cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	458	96	583	150	27%	56%
04	Công ty cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	370	123	228	55	-38%	-55%
05	Công ty cổ phần Cao tốc Đồng Đăng – Trà Lĩnh	Dự án đang trong giai đoạn thi công xây dựng					
06	Công ty cổ phần Cao tốc Cam Lâm – Vĩnh Hảo	289	48	652	172	126%	258%
07	Công ty cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị	Doanh nghiệp dự án đang thực hiện các thủ tục để chấm dứt hợp đồng, hoàn trả vốn cho cổ đông và giải thể doanh nghiệp					

BÁO CÁO
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

THAM CHIẾU TIÊU CHUẨN KINH TẾ GRI 200:

GRI 201: Hiệu quả hoạt động kinh tế

Giá trị DN tạo ra: Doanh thu thuần năm 2025 (Hợp nhất): 3.801.372 triệu đồng

Giá trị DN phân bổ:

Các chi phí hoạt động:

STT	Chi phí	Giá trị (Triệu đồng)
01	Giá vốn hàng bán	2.185.456
02	Chi phí lãi vay	905.259
03	Chi phí quản lý doanh nghiệp	78.323
	Trong đó: Chi phí nhân viên	33.410
04	Chi phí khác	1.168
05	Chi phí thuế TNDN	108.636
	Tổng chi phí	**3.278.842**

Chi tiết các loại chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

STT	Chi phí	Giá trị (Triệu đồng)
01	Chi phí nguyên vật liệu	900.873
02	Chi phí nhân công	509.079
03	Chi phí dịch vụ mua ngoài	314.385
04	Chi phí khấu hao tài sản cố định	430.625
05	Chi phí khác bằng tiền	98.762

Giá trị DN chưa phân phối:
- LNST: 671.184 triệu đồng

Phân bổ cho:

- Cổ đông Công ty: 580.773 triệu đồng
- Cổ đông không kiểm soát: 90.411 triệu đồng
- LNST chưa phân bổ năm 2025: 582.807 triệu đồng
- LNST chưa phân phối luỹ kế tại ngày 31/12/2025: 1.446.744 triệu đồng

Chế độ phúc lợi và hưu trí: tại HHV, người lao động khi nghỉ hưu được hưởng các chế độ hưu trí theo quy định của pháp luật.

Ưu đãi từ Chính phủ: Căn cứ ***Điều 16 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013*** của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, các doanh nghiệp dự án của HHV đang được áp dụng miễn thuế 04 năm đầu và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo. Thời gian miễn thuế, giảm thuế quy định tại Nghị định này được tính liên tục từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế từ dự án, trường hợp không có thu nhập chịu thuế trong 03 năm đầu thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ 4. Cho đến nay, các doanh nghiệp dự án của HHV vẫn đang trong giai đoạn được hưởng ưu đãi về thuế suất.

GRI 206: Hành vi cản trở cạnh tranh

Trong năm 2025, Công ty không có hành vi mang tính cản trở cạnh tranh hoặc vi phạm pháp luật về cạnh tranh và chống độc quyền được ghi nhận. Hoạt động của Công ty luôn đảm bảo cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng, minh bạch và luôn tạo điều kiện để xã hội, cổ đông và khách hàng giám sát việc thực hiện pháp luật về cạnh tranh.



THAM CHIẾU TIÊU CHUẨN MÔI TRƯỜNG GRI 300:

Trong năm 2025, Công ty không vi phạm luật pháp và các quy định về môi trường và không phải chịu bất kỳ phí phạt nào liên quan đến bảo vệ môi trường. Bên cạnh đó, xác định các mục tiêu phát triển bền vững gắn với bảo vệ môi trường vì tương lai phồn vinh của đất nước, HHV đã quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc công tác bảo vệ môi trường tại văn phòng, trụ sở, dự án của Công ty như: áp dụng các quy định, nội quy về tiết kiệm năng lượng, tài nguyên (điện, nước, xăng dầu,…), chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường tại các dự án (che chắn bụi, giảm tiếng ồn, giảm phát thải...), các biện pháp an toàn lao động, phòng chống cháy nổ…

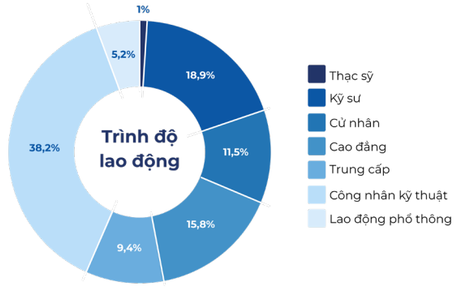
THAM CHIẾU TIÊU CHUẨN XÃ HỘI GRI 400:

GRI 401: Việc làm

Phân loại cơ cấu lao động theo từng nhóm tiêu chí:

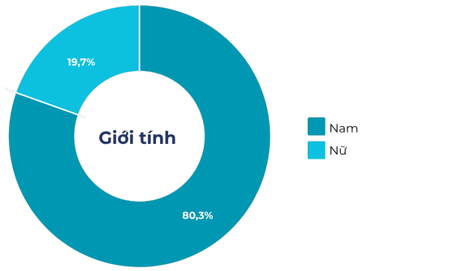
Trình độ lao động

Trình độ lao động	Tỷ lệ (%)	Số lượng
Thạc sĩ - 13 người	1.0%	13
Kỹ sư - 252 người	18,9%	252
Cử nhân - 153 người	11,5%	153
Cao đẳng - 211 người	15,8%	211
Trung cấp - 126 người	9,4%	126
Công nhân kỹ thuật - 512 người	38,3%	512
Lao động phổ thông - 69 người	5,2%	69
Tổng cộng	**100%**	**1.336**



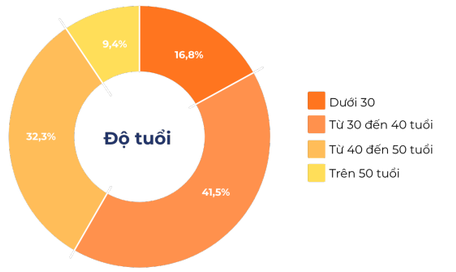
Giới tính:

Giới tính	Tỷ lệ(%)	Số lượng
Nam - 1073 người	80,3%	1.073
Nữ - 263 người	19,7%	263
Tổng cộng	**100%**	**1.336**



Độ tuổi:

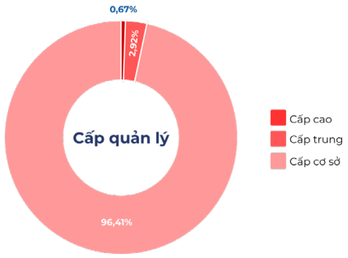
Độ tuổi	Tỷ lệ(%)	Số lượng
Dưới 30 - 224 người	16,8%	224
Từ 30 đến 40 tuổi - 554 người	41,5%	554
Từ 40 đến 50 tuổi - 432 người	32,3%	432
Trên 50 tuổi - 126 người	9,4%	126
Tổng cộng	**100%**	**1.336**



BÁO CÁO
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG *(Tiếp theo)*

Cấp quản lý

Cấp quản lý	Tỷ lệ(%)	Số lượng
Cấp cao	0,67%	9
Cấp trung	2,92%	39
Cấp cơ sở	96,41%	1.288
Tổng cộng	**100%**	**1.336**



Lương cơ bản được quy định định theo vị trí công việc, chức vụ chứ không căn cứ vào giới tính. Công ty đối xử bình đẳng giữa Nam và Nữ.

Trong năm 2025, Công ty không phát sinh các vụ việc về phân biệt đối xử.

Công ty có tổ chức Công đoàn cơ sở và các công đoàn bộ phận đúng quy định. Tổ chức Công đoàn cơ sở của Công ty hoạt động đúng pháp luật và Điều lệ Công đoàn Việt Nam, đã thực sự trở thành tổ chức đại diện và bảo vệ quyền lợi hợp pháp chính đáng cho người lao động.

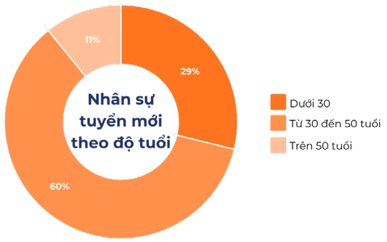
Người lao động của Công ty luôn được đảm bảo quyền tự do ngôn luận, tự do tham gia các hội nhóm/tổ chức phù hợp với quy định của pháp luật.

Công ty tuyệt đối không sử dụng lao động trẻ em và luôn lên án, phản đối việc sử dụng lao động trẻ em trái pháp luật.

Tổng số nhân sự tuyển mới: 432 người, được phân theo các nhóm

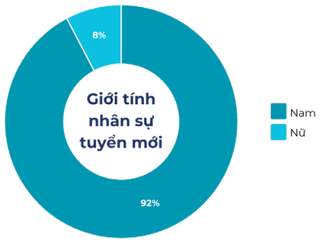
Theo độ tuổi

Nhân sự tuyển mới theo độ tuổi	Tỷ lệ(%)	Số lượng
Dưới 30	29%	124
Từ 30 đến 50 tuổi	60%	262
Trên 50 tuổi	11%	46
Tổng cộng	**100%**	**432**



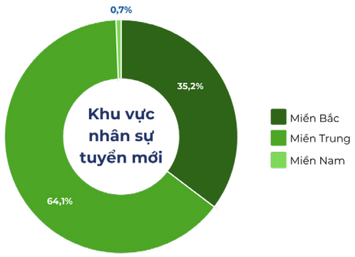
Theo giới tính

Giới tính nhân sự tuyển mới	Tỷ lệ(%)	Số lượng
Nam	92%	399
Nữ	8%	33
Tổng cộng	**100%**	**432**



Khu vực nhân sự theo tuyển mới

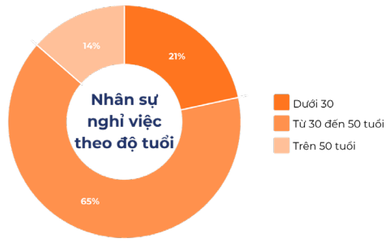
Khu vực nhân sự tuyển mới	Tỷ lệ(%)	Số lượng
Miền Bắc	35,2%	152
Miền Trung	64,1%	277
Miền Nam	0,7%	3
Tổng cộng	**100%**	**432**



Tổng số nhân sự nghỉ việc: 381 người, được phân theo các nhóm

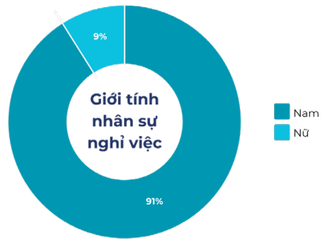
Nhân sự nghỉ việc theo độ tuổi

Nhân sự nghỉ việc theo độ tuổi	Tỷ lệ(%)	Số lượng
Dưới 30	21%	82
Từ 30 đến 50 tuổi	65%	247
Trên 50 tuổi	14%	52
Tổng cộng	**100%**	**381**



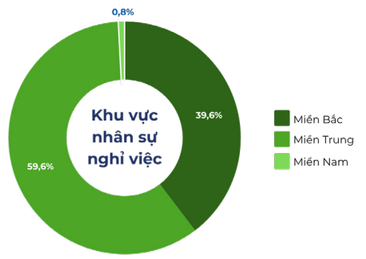
Giới tính nhân sự nghỉ việc

Giới tính nhân sự tuyển mới	Tỷ lệ(%)	Số lượng
Nam	91%	347
Nữ	9%	34
Tổng cộng	**100%**	**381**



Theo khu vực

Khu vực nhân sự nghỉ việc	Tỷ lệ(%)	Số lượng
Miền Bắc	39,6%	151
Miền Trung	59,6%	227
Miền Nam	0,8%	3
Tổng cộng	**100%**	**381**





BÁO CÁO
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG *(Tiếp theo)*

Phúc lợi dành cho nhân viên toàn thời gian:

Công ty có tổ chức Công đoàn cơ sở và các công đoàn bộ phận đúng quy định. Tổ chức Công đoàn cơ sở của Công ty hoạt động đúng pháp luật và Điều lệ Công đoàn Việt Nam, đã thực sự trở thành tổ chức đại diện và bảo vệ quyền lợi hợp pháp chính đáng cho người lao động.

- Nghỉ thai sản:

STT	Phân loại	Tỷ lệ(%)	Số lượng
1	Tổng nhân viên được hưởng chế độ thai sản	100%	09
2	Tổng nhân viên đã nghỉ thai sản	100%	09
3	Tổng nhân viên đã quay lại làm việc sau nghỉ thai sản	100%	09
4	Tổng nhân viên quay lại làm sau thai sản tiếp tục làm từ 1 năm trở lên	100%	09

GRI 402: Mối quan hệ lao động - quản lý

Khi có sự thay đổi lớn đáng kể đến người lao động, Công ty luôn thực hiện theo đúng quy định của Bộ Luật lao động và thỏa thuận tại Hợp đồng lao động. Cụ thể khi có thay đổi về tổ chức, Công ty phải thực hiện báo trước cho người lao động:

- ít nhất 45 ngày đối với hợp đồng lao động không xác định thời hạn;
- ít nhất 30 ngày đối với hợp đồng lao động xác định thời hạn có thời hạn từ 12 tháng đến 36 tháng;
- ít nhất 03 ngày làm việc đối với hợp đồng lao động xác định thời hạn có thời hạn dưới 12 tháng;

GRI 403: An toàn và sức khỏe nghề nghiệp

Đơn vị đại diện cho người lao động tại HHV là tổ chức Công đoàn, theo đó Công đoàn là đại diện bảo vệ chính đánh quyền lợi của người lao động đang làm việc tại Công ty.

Đối với vấn đề an toàn và sức khỏe của người lao động, thực trạng trong năm 2025 HHV không để xảy ra vụ tai nạn lao động nào. HHV cũng luôn đảm bảo tuân thủ nghiêm quy định về bồi thường, trợ cấp cho người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp tại các văn bản luật hiện hành, cụ thể là:

- Luật An toàn, vệ sinh lao động;
- Nghị định số 88/2020/NĐ–CP ngày 28/07/2020 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về chế độ đối với người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp;
- Thông tư 28/2021/TT–BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2021 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về chế độ đối với người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

Trong thoả ước lao động tập thể, Công ty cũng quy định rõ về việc đảm bảo an toàn lao động cho cán bộ công nhân viên. Cán bộ, công nhân lao động làm việc trên công trường được cấp trang phục bảo hộ lao động như: khẩu trang, găng tay, ủng, mũ bảo hiểm lao động. Trang phục bảo hộ lao động được cấp ít nhất 02 bộ/năm

Công ty ký kết hợp đồng lao động theo đúng quy định pháp luật và đóng đầy đủ hàng tháng các loại bảo hiểm như: bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm thân thể… cho những lao động làm việc tại Công ty theo quy định hiện hành.



GRI 405: Sự đa dạng và cơ hội bình đẳng

Số liệu thống kê trong năm 2025 của nhân sự làm việc tại Công ty cho thấy mức độ đa dạng về giới tính và tuổi tác, cũng như cơ hội của mọi người trong công việc luôn được đảm bảo ở mức tương đối bình đẳng, tạo ra đặc thù môi trường làm việc công bằng cho mọi cán bộ công nhân viên.

- Số lao động giữ chức vụ quản lý:

STT	Phân loại	Tỷ lệ(%)	Số lượng
1	Cán bộ quản lý	7,11%	95
2	Nhân viên	92,89%	1.241
	Tổng cộng	**100%**	**1.336**

- Cơ cấu giới tính của cấp quản lý:

STT	Phân loại	Tỷ lệ(%)	Số lượng
1	Nam	72,63%	69
2	Nữ	27,37%	26
	Tổng cộng	**100%**	**95**

- Cơ cấu nhóm tuổi của cấp quản lý:

STT	Phân loại	Số lượng
1	Từ 30 đến 40 tuổi	10
2	Từ 40 đến 50 tuổi	85
	Tổng cộng	**95**

Ở HHV, lương cơ bản được quy định theo vị trí công việc, chức vụ mà hoàn toàn không căn cứ vào giới tính. Công ty luôn đảm bảo việc đối xử bình đẳng giữa nam và nữ trong suốt quá trình gây dựng văn hóa doanh nghiệp của mình.

GRI 406: Không phân biệt đối xử

Trong năm 2025 cũng như trong suốt quá trình hình thành và phát triển tổ chức, Công ty không phát sinh các vụ việc về phân biệt đối xử giữa người với người trong tất cả các hoạt động quản lý, vận hành hoạt động kinh doanh.

GRI 407: Tự do lập hội, quyền tham gia công đoàn và thương lượng tập thể

Công ty có tổ chức Công đoàn cơ sở và các công đoàn bộ phận đúng quy định, Công đoàn luôn phát huy vai trò bảo vệ quyền lợi hợp pháp chính đáng cho người lao động.

Người lao động của Công ty có quyền tự do ngôn luận, tự do tham gia các hội nhóm/tổ chức phù hợp với quy định của Pháp luật.

GRI 408: Lao động trẻ em

Công ty cam kết tuyệt đối không sử dụng lao động trẻ em và luôn lên án, phản đối việc sử dụng lao động trẻ em trái pháp luật.

GRI 409: Lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc

Ở HHV, mọi cán bộ công nhân viên đều được tạo điều kiện để làm việc với ý chí và tinh thần tự nguyện, đảm bảo không có lao động cưỡng bức.

GRI 410: Thông lệ về an ninh

Đối với công tác an ninh, HHV ký hợp đồng dịch vụ với bên thứ ba. Các nhân sự thực hiện dịch vụ bảo vệ cho HHV cũng được tham gia các khoá đào tạo về văn hoá và giá trị doanh nghiệp của HHV để đảm bảo tác phong làm việc chuyên nghiệp, lịch sự, được đào tạo và nắm vững văn hoá doanh nghiệp, quy tắc ứng xử của Đèo Cả.

Cụ thể, một số yêu cầu về đào tạo đối với nhân viên an ninh như sau:

- Kiến thức pháp luật Việt Nam liên quan đến công tác bảo vệ;
- Nội quy lao động và những quy định đối với bảo vệ;
- Kỹ năng giao tiếp, tác phong điều lệnh;
- Nghiệp vụ bảo vệ chuyên nghiệp;
- Nghiệp vụ quản lý, điều khiển, sử dụng công cụ hỗ trợ theo qui định của pháp luật;
- Nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy và cứu hộ cứu nạn;
- Nghiệp vụ y tế cứu thương;
- Nghiệp vụ an toàn vệ sinh lao động;
- Văn hoá doanh nghiệp, giá trị doanh nghiệp của Đèo Cả.

BÁO CÁO
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG *(Tiếp theo)*

GRI 411: Quyền của người bản địa

Trong suốt lịch sử kinh doanh của HHV, với đặc thù thi công các dự án hạ tầng giao thông ở nhiều vùng miền với các nền văn hóa đa dạng, Công ty luôn đảm bảo tôn trọng quyền của người bản địa.

GRI 412: Đánh giá quyền con người

Các dự án cầu đường, hạ tầng do Công ty đầu tư đều đã được thực hiện thẩm định đánh giá tác động môi trường, xã hội và được Nhà nước chấp thuận trước khi triển khai. Do đó các vấn đề liên quan đến quyền con người đều được đảm bảo đối với mỗi dự án trước khi đưa vào triển khai.

GRI 413: Cộng đồng địa phương

HHV cung cấp các sản phẩm hạ tầng giao thông có ý nghĩa quan trọng trong việc phát triển kinh tế vùng, nâng cao an sinh xã hội:

- Các dự án hạ tầng giúp gia tăng tính kết nối vùng miền, góp phần thúc đẩy thông thương, giao thương kinh tế, dịch vụ tại các vùng mà dự án đi qua, đặc biệt là các vùng núi cao, các khu vực hẻo lánh, các vùng biên giới… từ đó tạo thêm các cơ hội việc làm, gia tăng thu nhập cho người dân.

- Các dự án cũng đóng vai trò quan trọng trong việc giúp người dân đi lại dễ dàng hơn, rút ngắn thời gian di chuyển và gia tăng tính an toàn, giảm thiểu tối đa các vụ tai nạn giao thông, ùn tắc…

HHV luôn tích phát động và tham gia thực hiện các hoạt động quyên góp, thiện nguyện, thể hiện trách nhiệm của doanh nghiệp với xã hội, đặc biệt tại các địa phương nơi Công ty triển khai đầu tư, thi công dự án.

GRI 416: Sức khỏe và an toàn của khách hàng

Sản phẩm cầu đường không có tác động về sức khoẻ hay an toàn vệ sinh thực phẩm. Các dự án đường cao tốc, hầm đường bộ mà HHV đầu tư thực hiện còn góp phần giảm thời gian di chuyển, gia tăng an toàn giao thông cho các phương tiện lưu thông.

GRI 418: Quyền bảo mật thông tin khách hàng

Không phát sinh khiếu nại. Công ty luôn chú trọng thực hiện nghĩa vụ bảo mật thông tin của đối tác/khách hàng. Không phát sinh các vụ việc mất dữ liệu, thất thoát dữ liệu.

GRI 419: Tuân thủ về kinh tế - xã hội

HHV luôn tuân thủ luật pháp trong lĩnh vực này.

Không phát sinh các vụ kiện tụng, tranh chấp. Đóng thuế đầy đủ. Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với các đối tác, ngân hàng, các bên liên quan…





Chương IV

Quản trị Doanh nghiệp

Thông tin cổ phiếu và cơ cấu cổ đông 54

Hoạt động của HĐQT 57

Hoạt động của Ban kiểm soát 70

Giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích HĐQT, B.TGĐ, 73

THÔNG TIN CỔ PHIẾU VÀ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Tại ngày 31/12/2025

Mã chứng khoán	HHV
Sàn niêm yết	HOSE
Vốn điều lệ	4.974.330.030.000.đồng
Mệnh giá	10.000 đồng/cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	497.433.003 cổ phiếu
Cổ phiếu quỹ	0 cổ phiếu
Giá đóng cửa	13.150 đồng/cổ phiếu
Vốn hóa thị trường	6.541.243.989.450 đồng
Khối lượng giao dịch trung bình ngày năm 2025	9.841.987 cổ phiếu

Tổng số cổ đông lớn: 01 (một) cổ đông.

Cổ đông lớn	Loại hình cổ đông	Tỷ lệ cổ phiếu sở hữu	Quốc tịch
Công ty CP Đầu tư Hải Thạch B.O.T	Tổ chức	14,68%	Việt Nam

Cổ đông Nhà nước	Không có
Cổ đông sáng lập (trong nước – nước ngoài)	Không có
Tổ chức chính trị - xã hội	Hiện Công ty có tổ chức Công đoàn cơ sở (tiền thân là Công đoàn Công ty cổ phần Quản lý và Khai thác hầm đường bộ Hải Vân trực thuộc Liên đoàn Lao động quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng) đang nắm giữ 100.035 cổ phiếu (chiếm 0,02% vốn điều lệ)
Cổ đông ưu đãi	Không có

Tình hình thay đổi vốn điều lệ

Năm 2025, HHV đã tiến hành một lần phát hành cổ phiếu riêng lẻ, một lần phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, và một lần phát hành cho cổ đông hiện hữu, cụ thể:

Lần 1 – Phát hành riêng lẻ 2024

Thời gian bắt đầu	Ngày 04/04/2025
Thời gian kết thúc	Ngày 06/05/2025
Số lượng cổ phiếu phát hành thêm thành công	41.500.000 cổ phiếu - Đạt 100% kế hoạch
Giá chào bán	10.000 đồng/cổ phiếu
Giá trị huy động vốn	415.000.000.000 đồng
Mục đích	Bổ sung nguồn vốn điều lệ cho hoạt động đầu tư của công ty
Số lượng cổ phiếu lưu hành sau phát hành	473.755.528 cổ phiếu
Vốn điều lệ sau phát hành	4.737.555.280.000 đồng

Lần 2 – Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2024

Thời gian bắt đầu	Ngày 02/07/2025
Thời gian kết thúc	Ngày 31/07/2025
Số lượng cổ phiếu phát hành thêm	23.677.475 cổ phiếu
Giá trị cổ phiếu phát hành thêm theo mệnh giá	236.877.760.000 đồng
Tỷ lệ phát hành	20:1 (Sở hữu 20 cổ phiếu được nhận thêm 01 cổ phiếu)
Mục đích	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024
Số lượng cổ phiếu lưu hành sau phát hành	497.433.003 cổ phiếu
Vốn điều lệ sau phát hành	4.974.330.030.000 đồng

THÔNG TIN CỔ PHIẾU VÀ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG *(Tiếp theo)*

Lần 3 – Chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu năm 2025 (ngày kết thúc đợt chào bán 10/03/2026)

Thời gian bắt đầu	Ngày 11/12/2025
Thời gian kết thúc	Ngày 10/03/2026
Số lượng cổ phiếu phát hành thêm	49.733.293 cổ phiếu - Đạt 99,98% kế hoạch
Giá chào bán	10.000 đồng/cổ phiếu
Giá trị huy động vốn	497.332.930.000 đồng
Tỷ lệ phát hành	10:1 (Sở hữu 01 cổ phiếu được hưởng 01 quyền, cứ 10 quyền được mua thêm 01 cổ phiếu mới)
Mục đích	Đầu tư mở rộng quy mô hệ sinh thái
Số lượng cổ phiếu lưu hành sau phát hành	547.166.296 cổ phiếu
Vốn điều lệ sau phát hành	5.471.662.960.000 đồng



HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

01 TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ

ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 đã thông qua ban hành 03 Nghị quyết để phê duyệt các Tờ trình, Báo cáo và quyết nghị các vấn đề thuộc thẩm quyền. Kết quả thi hành các Nghị quyết của ĐHĐCĐ như sau:

a) Triển khai kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2025 đã được ĐHĐCĐ phê duyệt tại Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/05/2025, HĐQT đã chỉ đạo và giám sát Ban TGĐ tập trung triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh với trọng tâm phát huy thế mạnh trên các lĩnh vực cốt lõi của HHV là thi công xây lắp và quản lý vận hành, khai thác các công trình hạ tầng giao thông. Qua đó, HHV đã hoàn thành đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh năm 2025; các lĩnh vực hoạt động khác của Công ty đạt nhiều kết quả tích cực, hướng đến mục tiêu không ngừng gia tăng giá trị thực và phát triển bền vững.

b) Công ty đã tiến hành trích Quỹ đầu tư phát triển dự án và hoàn thành phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024 theo Nghị quyết số 02/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/5/2025. Sau đợt phát hành, vốn điều lệ của HHV đạt 4.974.330.030.000 đồng; đồng thời, đã tiến hành cập nhật và ban hành Điều lệ mới để ghi nhận số cổ phần tăng thêm này.

c) Triển khai Nghị quyết số 03/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/5/2025 của ĐHĐCĐ, Công ty đã chào bán thành công 49.733.293 cổ phiếu (tương đương 99,98% tổng số cổ phiếu chào bán) cho Cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ.

d) Công ty đã lựa chọn và ký kết hợp đồng với Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán phía Nam (AASCS) để thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính phát hành trong năm 2025 theo Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/5/2025 của ĐHĐCĐ.

e) Căn cứ Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/5/2025 của ĐHĐCĐ, ngay sau khi bế mạc cuộc họp thường niên năm 2025, Tổng Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật của Công ty đã ký ban hành Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) để thống nhất áp dụng trong toàn Công ty. Điều lệ nêu trên đã được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty và công bố thông tin theo đúng quy định.

Như vậy, Công ty đã triển khai thực hiện và hoàn thành toàn bộ các Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 đã ban hành.

02 CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH TRONG NĂM CỦA HĐQT

Năm 2025, HĐQT đã tổ chức 39 cuộc họp định kỳ và đột xuất bằng hình thức trực tiếp kết hợp trực tuyến và thông qua ban hành 58 Nghị quyết để quyết nghị các vấn đề theo thẩm quyền. Các cuộc họp được tổ chức và tiến hành theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ, Quy chế nội bộ của Công ty với sự tham gia đầy đủ của các thành viên HĐQT. Các thành viên HĐQT đã tích cực tham gia, phát biểu ý kiến thảo luận và biểu quyết thông qua các nghị quyết với tỷ lệ thông qua đều đạt 100%. Các Biên bản họp và Nghị quyết đều được sự thống nhất của các thành viên HĐQT, có đầy đủ chữ ký xác nhận và được lưu trữ tại Công ty theo đúng quy định. Các Nghị quyết HĐQT thuộc trường hợp phải công bố thông tin đều được công bố đầy đủ ngay sau khi kết thúc phiên họp.

Chi tiết các Nghị quyết của HĐQT đã ban hành trong năm cụ thể như sau:

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ *(Tiếp theo)*

Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
01/2025/NQ-HĐQT	10/01/2025	Ban hành quy chế nội bộ của Công ty
02/2025/NQ-HĐQT	24/01/2025	Điều chỉnh nội dung Nghị quyết của HĐQT về việc triển khai tăng vốn điều lệ thông qua chào bán cổ phiếu riêng lẻ.
03/2025/NQ-HĐQT	10/02/2025	Sáp nhập Ban chuyên môn của Công ty.
04/2025/NQ-HĐQT	14/02/2025	Chấp thuận hợp đồng, giao dịch với người có liên quan trong năm 2025.
05/2025/NQ-HĐQT	14/02/2025	Chấp thuận hợp đồng, giao dịch liên quan đến công tác quản lý vận hành, khai thác và duy tu, bảo dưỡng công trình hạ tầng giao thông với người có liên quan trong năm 2025.
06/2025/NQ-HĐQT	19/02/2025	Sửa đổi, bổ sung nội dung Danh sách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp dự kiến tham gia đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ.
07/2025/NQ-HĐQT	27/02/2025	Thông qua kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.
08/2025/NQ-HĐQT	03/03/2025	Ban hành quy chế nội bộ của Công ty
09/2025/NQ-HĐQT	26/03/2025	Tham dự và thực hiện quyền cổ đông tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của CTCP BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị.
10/2025/NQ-HĐQT	26/03/2025	Tham dự và thực hiện quyền cổ đông tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của CTCP BOT Bắc Giang - Lạng Sơn.
11/2025/NQ-HĐQT	26/03/2025	Tham dự và thực hiện quyền cổ đông tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của CTCP Phước Tượng Phú Gia BOT.
12/2025/NQ-HĐQT	26/03/2025	Tham dự và thực hiện quyền cổ đông tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của CTCP Đầu tư Đèo Cả.
13/2025/NQ-HĐQT	26/03/2025	Tham dự và thực hiện quyền cổ đông tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của CTCP Đầu tư BOT Đèo Cả - Khánh Hòa.
14/2025/NQ-HĐQT	03/04/2025	Thông qua chương trình họp và danh mục tài liệu liên quan đến kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.
15/2025/NQ-HĐQT	11/04/2025	Thông qua phân phối cổ phiếu trong đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ.
16/2025/NQ-HĐQT	14/04/2025	Thông qua Danh sách ứng cử viên bầu làm Kiểm soát viên Công ty (nhiệm kỳ 2025 - 2030).
17/2025/NQ-HĐQT	24/04/2025	Tham dự và thực hiện quyền cổ đông tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của CTCP Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam.
18/2025/NQ-HĐQT	25/04/2025	Thông qua triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 lần 2.
19/2025/NQ-HĐQT	30/04/2025	Thông qua kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ và phương án xử lý số cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết của đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ năm 2024
20/2025/NQ-HĐQT	06/05/2025	Thông qua chào bán số cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết của đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ năm 2024.
21/2025/NQ-HĐQT	08/05/2025	Thông qua kết quả chào bán cổ phiếu trong đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ năm 2024.
22/2025/NQ-HĐQT	12/05/2025	Thông qua giữ nguyên Danh sách ứng cử viên bầu làm Kiểm soát viên Công ty (nhiệm kỳ 2025 - 2030) và cập nhật, sửa đổi nội dung tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.
23/2025/NQ-HĐQT	13/05/2025	Thông qua thay đổi vốn điều lệ và sửa đổi Điều lệ của Công ty.
24/2025/NQ-HĐQT	16/05/2025	Miễn nhiệm, bổ nhiệm các chức vụ trong Ban TGĐ và thay đổi Người đại diện theo pháp luật của Công ty.
25/2025/NQ-HĐQT	06/06/2025	Miễn nhiệm, bổ nhiệm Kế toán trưởng và thay đổi Người được ủy quyền CBTT của Công ty.
26/2025/NQ-HĐQT	07/06/2025	Bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc đối với ông Nguyễn Văn Ân.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ *(Tiếp theo)*

Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
27/2025/NQ-HĐQT	10/06/2025	Thông qua Phương án chi tiết phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024.
28/2025/NQ-HĐQT	04/07/2025	Thông qua Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền nhận cổ phiếu trả cổ tức năm 2024
29/2025/NQ-HĐQT	22/07/2025	Thông qua thực hiện quyền cổ đông tại cuộc họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2025 của CTCP BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị
30/2025/NQ-HĐQT	29/07/2025	Thông qua tăng tỷ lệ vốn đầu tư vào Dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo và thông qua hợp đồng/giao dịch phát sinh với bên liên quan
31/2025/NQ-HĐQT	31/07/2025	Thông qua kết quả phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2024
32/2025/NQ-HĐQT	01/08/2025	Thông qua thay đổi Người đứng đầu Xí nghiệp Quản lý, vận hành đường cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn - Chi nhánh Công ty tại Lạng Sơn
33/2025/NQ-HĐQT	01/08/2025	Thông qua thay đổi Người đứng đầu Xí nghiệp Quản lý, vận hành đường cao tốc Tam Điệp - Diễn Châu - Chi nhánh Công ty tại Thanh Hóa
34/2025/NQ-HĐQT	01/08/2025	Thông qua thay đổi Người đứng đầu Xí nghiệp Quản lý, vận hành hầm đường bộ Đèo Cả - Chi nhánh Công ty tại Phú Yên
35/2025/NQ-HĐQT	01/08/2025	Thông qua thay đổi Người đứng đầu Xí nghiệp Quản lý, vận hành hầm đường bộ Cù Mông - Chi nhánh Công ty tại Phú Yên
36/2025/NQ-HĐQT	01/08/2025	Thông qua thay đổi Người đứng đầu Xí nghiệp Quản lý, vận hành đường cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo - Chi nhánh Công ty tại Ninh Thuận
37/2025/NQ-HĐQT	01/08/2025	Thông qua thay đổi Người đứng đầu Xí nghiệp Quản lý, vận hành đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận - Chi nhánh Công ty tại Tiền Giang
38/2025/NQ-HĐQT	05/08/2025	Thông qua thay đổi vốn điều lệ và sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty sau đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024
39/2025/NQ-HĐQT	14/08/2025	Thông qua thành lập Xí nghiệp Quản lý, vận hành đường cao tốc Vũng Áng - Bùng - Chi nhánh Công ty tại Hà Tĩnh
40/2025/NQ-HĐQT	18/08/2025	Thông qua thay đổi Người đứng đầu Xí nghiệp Quản lý, vận hành hầm đường bộ Hải Vân - Chi nhánh Công ty
41/2025/NQ-HĐQT	18/08/2025	Thông qua thay đổi Người đứng đầu Xí nghiệp Quản lý, vận hành đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận - Chi nhánh Công ty tại Đồng Tháp
42/2025/NQ-HĐQT	29/09/2025	Thông qua thay đổi Trưởng Văn phòng Đại diện tại Hà Nội
43/2025/NQ-HĐQT	29/09/2025	Thông qua thay đổi Trưởng Văn phòng Đại diện tại TP. Hồ Chí Minh
44/2025/NQ-HĐQT	29/09/2025	Thông qua thay đổi Người đại diện quản lý vốn của HHV tại CTCP BOT Bắc Giang - Lạng Sơn
45/2025/NQ-HĐQT	29/09/2025	Thông qua thay đổi Người đại diện quản lý vốn của HHV tại CTCP Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam
46/2025/NQ-HĐQT	01/10/2025	Phê duyệt Phương án chi tiết chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu năm 2025
47/2025/NQ-HĐQT	01/10/2025	Thông qua hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2025
48/2025/NQ-HĐQT	24/10/2025	Thông qua ký kết và thực hiện hợp đồng/giao dịch với CTCP Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh Giai đoạn 2 liên quan đến Dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư (giai đoạn 2)
48A/2025/NQ-HĐQT	25/10/2025	Thông qua ban hành Quy chế tiền lương, tiền thưởng và các chế độ khác chi trả cho người lao động
48B/2025/NQ-HĐQT	25/10/2025	Thông qua ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ của Công ty
48C/2025/NQ-HĐQT	25/10/2025	Thông qua ban hành Quy chế đánh giá mức độ hoàn thành công việc

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ *(Tiếp theo)*

Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
49/2025/NQ-HĐQT	07/11/2025	Thông qua đầu tư góp vốn thành lập doanh nghiệp
50/2025/NQ-HĐQT	07/11/2025	Thông qua thay đổi Người đứng đầu Xí nghiệp Thi công xây lắp công trình
51/2025/NQ-HĐQT	12/11/2025	Thông qua hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2025 (thay thế Nghị quyết số 47/2025/NQ-HĐQT của HĐQT)
52/2025/NQ-HĐQT	08/12/2025	Thông qua phương án góp vốn bổ sung vào Công ty TNHH Hạ tầng đô thị Đèo Cả
53/2025/NQ-HĐQT	08/12/2025	Thông qua phương án góp thêm vốn (đợt 1) vào Công ty TNHH Hạ tầng đô thị Đèo Cả
54/2025/NQ-HĐQT	10/12/2025	Thông qua chủ trương ký kết hợp đồng hợp tác kinh doanh với CTCP Đầu tư Hạ tầng miền Bắc và các nội dung liên quan
55/2025/NQ-HĐQT	12/12/2025	Thông qua triển khai đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2025

03 HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HĐQT VỚI BAN TỔNG GIÁM ĐỐC TRONG NĂM

Căn cứ Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và pháp luật hiện hành, HĐQT đã thực hiện việc kiểm tra, giám sát đối với Ban Tổng Giám đốc (Ban TGĐ) trong công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh của HHV và triển khai các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT trong năm 2025, như sau:

Phương thức giám sát:

- Phân công Thành viên HĐQT trực tiếp theo dõi và kiểm tra từng lĩnh vực sản xuất, kinh doanh quan trọng của HHV; đồng thời, đẩy mạnh phân quyền cho các Thành viên HĐQT được đại diện HĐQT để chủ động đưa ra ý kiến định hướng, chỉ đạo và phản biện để Ban TGĐ nghiên cứu điều chỉnh kế hoạch hoạt động kịp thời, phù hợp.
- Tổ chức các phiên họp làm việc định kỳ (hàng tháng, quý và nửa năm) và đột xuất để Ban TGĐ báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh; soát xét, đánh giá tình hình Công ty trong từng giai đoạn; định hướng nhiệm vụ trọng tâm cho giai đoạn tiếp theo và đưa ra các giải pháp để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc (nếu có) để hỗ trợ Ban TGĐ triển khai đạt kết quả và hiệu quả theo kế hoạch đã đề ra.
- Yêu cầu Ban TGĐ thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kỳ hàng tháng (và đột xuất) về kết quả hoạt động của Công ty với bố cục, nội dung báo cáo cụ thể, đầy đủ theo phương châm quản trị "Tam quản: Quản người - Quản việc - Quản lợi ích". Qua soát xét các báo cáo, HĐQT đã đánh giá và đưa ra các ý kiến định hướng, chỉ đạo kịp thời làm cơ sở cho Ban TGĐ triển khai thực hiện.
- Kiểm tra, giám sát chặt chẽ công tác tài chính, kế toán cũng như việc lập, phát hành và kiểm toán các Báo cáo tài chính, Báo cáo thường niên và các báo cáo quan trọng khác của Công ty phát sinh trong năm.
- Theo dõi, giám sát hoạt động của Ban TGĐ thông qua các tiểu ban trực thuộc HĐQT là Ban Kiểm toán nội bộ và Ban Kiểm soát nội bộ. Các Thành viên HĐQT phụ trách tiểu ban đã chỉ đạo, định hướng các nội dung, vấn đề cần tập trung giám sát, kiểm tra, kiểm soát để các tiểu ban cụ thể hóa vào kế hoạch kiểm soát, kiểm toán, góp phần nâng cao hiệu quả công tác giám sát hoạt động của Ban TGĐ. Ngoài ra, các tiểu ban của HĐQT cũng chủ động trao đổi với Ban TGĐ về các nội dung, vấn đề quan tâm.

Kết quả giám sát:

Qua giám sát, HĐQT đánh giá và ghi nhận Ban TGĐ trong năm 2025 đã vượt qua nhiều khó khăn, nỗ lực để hoàn thành kế hoạch đề ra và đạt được kết quả tích cực: hoạt động sản xuất, kinh doanh của HHV đảm bảo tuân thủ pháp luật và đã bám sát theo định hướng, mục tiêu kế hoạch đề ra; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất; Báo cáo tài chính và các báo cáo khác của Công ty được lập chính xác, trung thực, phù hợp chuẩn mực hiện hành, có kiểm toán và công bố đúng thời hạn; công tác quan hệ cổ đông và công bố thông tin được quan tâm thực hiện nghiêm túc; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, giàu kinh nghiệm, năng động, sáng tạo với tinh thần "Dám nghĩ - Dám làm - Dám chịu trách nhiệm" cùng môi trường làm việc hiện đại, chuyên nghiệp và chế độ lương thưởng, phúc lợi đầy đủ, đáp ứng mục tiêu phát triển của HHV.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ *(Tiếp theo)*

04 Thay đổi nhân sự của HĐQT trong năm

Trong năm 2025, tình hình nhân sự HĐQT HHV được duy trì ổn định với 08 thành viên, trong đó có 02 thành viên độc lập HĐQT đảm bảo đúng số lượng, cơ cấu thành phần theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

05 Hoạt động của Ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT

Cơ cấu tiểu ban

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, Ban Kiểm toán nội bộ gồm có 05 nhân sự, gồm: 01 trưởng ban, 01 phó ban, 03 thành viên, cụ thể như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Ông **Nguyễn Hữu Hùng**	Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ
Bà **Vi Thị Mai**	Phó Ban Kiểm toán nội bộ
Bà **Phan Thị Thu Thùy**	Thành viên Kiểm toán nội bộ
Bà **Nguyễn Thị Mỹ Lệ**	Thành viên Kiểm toán nội bộ
Ông **Nguyễn Đức Nhật**	Thành viên Kiểm toán nội bộ

Nhiệm vụ của tiểu ban

Xây dựng và cập nhật quy chế, quy trình nghiệp vụ kiểm toán nội bộ, trình Hội đồng quản trị xem xét, phê duyệt.

Lập kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm trình Hội đồng quản trị phê duyệt và tổ chức triển khai thực hiện.

Thực hiện các cuộc kiểm toán nội bộ và hoạt động tư vấn theo kế hoạch đã được phê duyệt đảm bảo tuân thủ chuẩn mực và quy định pháp luật hiện hành.

Báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ, kiến nghị các biện pháp xử lý, khắc phục sai sót, đồng thời đề xuất giải pháp hoàn thiện và nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hệ thống quản trị, quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ.

Thực hiện theo dõi, giám sát và đánh giá việc thực hiện các khuyến nghị kiểm toán, đảm bảo các khuyến nghị được triển khai đầy đủ, kịp thời.

Thường xuyên rà soát, cải tiến và hoàn thiện phương pháp kiểm toán nội bộ và phạm vi hoạt động trên cơ sở tiếp cận rủi ro, nhằm nâng cao chất lượng kiểm toán, đáp ứng yêu cầu quản trị và theo kịp sự phát triển của doanh nghiệp.

Các hoạt động chính trong năm 2025

Trong năm 2025, Ban Kiểm toán nội bộ đã thực hiện các hoạt động chính sau:

Trình Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch kiểm toán nội bộ và tổ chức triển khai thực hiện theo kế hoạch đã được thông qua.

Tham gia giám sát, kiểm tra việc tuân thủ các quy định hiện hành; đánh giá tính trung thực, hợp lý của báo cáo tài chính trước khi thực hiện công bố thông tin định kỳ hàng quý trên thị trường chứng khoán.

Thực hiện kiểm tra, đánh giá việc tuân thủ các quy chế, quy trình nội bộ tại các đơn vị/phòng ban trong Công ty theo kế hoạch được Hội đồng quản trị phê duyệt; tổng hợp, kiến nghị các tồn tại, sai sót và đề xuất biện pháp khắc phục nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả hệ thống kiểm soát nội bộ.

Thực hiện chức năng tư vấn, tham vấn đối với các vấn đề phát sinh trong lĩnh vực tài chính – kế toán cho các đơn vị trong hệ thống, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và điều hành.

Tham gia đóng góp ý kiến xây dựng, rà soát và hoàn thiện các quy chế, quy trình nội bộ của các phòng/ban liên quan.

Thực hiện các cuộc kiểm toán đột xuất theo yêu cầu và chỉ đạo của Hội đồng quản trị.

Qua công tác kiểm toán, Ban KTNB đã kịp thời phát hiện các tồn tại hạn chế, cảnh báo các rủi ro, từ đó có các kiến nghị khắc phục nhằm đảm bảo hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty được thiết lập và vận hành một cách hợp lý, phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty.

Thay đổi nhân sự trong tiểu ban

Trong năm 2025, Cơ cấu nhân sự trong Ban Kiểm toán nội bộ có sự thay đổi, cụ thể như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
Ông **Nguyễn Hữu Hùng**	Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ	Bổ nhiệm ngày 10/05/2023
Bà **Vi Thị Mai**	Phó Ban Kiểm toán nội bộ	Bổ nhiệm ngày 26/06/2023
Bà **Phan Thị Thu Thùy**	Thành viên Kiểm toán nội bộ	Bổ nhiệm ngày 30/11/2024
Bà **Nguyễn Thị Mỹ Lệ**	Thành viên Kiểm toán nội bộ	Bổ nhiệm ngày 19/01/2025
Ông **Nguyễn Đức Nhật**	Thành viên Kiểm toán nội bộ	Bổ nhiệm ngày 21/06/2025

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ *(Tiếp theo)*

06 Hoạt động của Ban Kiểm soát nội bộ trực thuộc HĐQT

Cơ cấu tiểu ban

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, Ban Kiểm soát nội bộ gồm có 07 nhân sự, gồm: 01 trưởng ban, 01 phó ban và 05 chuyên viên. Trong năm, Ban có thay đổi cơ cấu một số nhân sự trong đó miễn nhiệm 01 Trưởng ban và bổ nhiệm 01 nhân sự Trưởng Ban; 02 nhân sự nghỉ và tuyển mới 01 nhân sự, cụ thể như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
Ông **Hoàng Trung Đông**	Trưởng Ban Kiểm soát nội bộ	Bổ nhiệm mới
Ông **Võ Trung Thông**	Phó Trưởng Ban Kiểm soát nội bộ	
Ông **Nguyễn Văn Việt Quốc**	Chuyên viên Kiểm soát nội bộ	
Ông **Lê Anh Tuấn**	Chuyên viên Kiểm soát nội bộ	
Ông **Nguyễn Tấn Quang**	Chuyên viên Kiểm soát nội bộ	Tuyển dụng mới
Bà Nguyễn Thị Viết Phương	Chuyên viên Kiểm soát nội bộ	
Bà **Phạm Thị Thành Vinh**	Chuyên viên Kiểm soát nội bộ	

Nhiệm vụ của tiểu ban

Giám sát, kiểm tra sự tuân thủ cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ của các Ban/đơn vị thành viên thực hiện nhằm kiểm soát, phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời các rủi ro có thể xảy ra, đảm bảo hoạt động của Công ty được an toàn, hiệu quả và đạt được các mục tiêu HĐQT đề ra.

Xây dựng và cập nhật quy chế, quy trình nhiệm vụ kiểm soát nội bộ của Ban để trình lên Hội đồng quản trị phê duyệt.

Lập kế hoạch kiểm soát trong khâu tiền kiểm và hậu kiểm hàng năm trình Hội đồng quản trị phê duyệt

Thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát hoạt động kiểm soát nội bộ và tư vấn hoạt động kiểm soát nội bộ cho Ban điều hành theo kế hoạch đã được phê duyệt.

Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát và kiến nghị các biện pháp sửa chữa, khắc phục sai sót và đề xuất biện pháp hoàn thiện cũng như nâng cao hiệu lực và hiệu quả của quy trình quản trị, quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ.

Thực hiện giám sát triển khai kết quả thực hiện khuyến nghị của Ban Kiểm soát nội bộ đã đưa ra.

Thường xuyên phát triển, chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện phương pháp kiểm soát nội bộ và phạm vi hoạt động của kiểm soát nội bộ để có thể cập nhật và theo kịp sự phát triển của doanh nghiệp.



HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ *(Tiếp theo)*

Các hoạt động chính trong năm 2025

Trong năm 2025, Ban Kiểm soát nội bộ đã thực hiện các hoạt động chính sau:

Thực hiện tham gia dự thảo và ban hành Quy chế, Quy trình kiểm soát nội bộ để thực hiện tại Công ty theo định hướng của HĐQT.

Thực hiện kiểm tra, giám sát nội bộ theo kế hoạch kiểm soát đã được Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt, báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát và đánh giá hoạt động khắc phục tại các Phòng/Ban/Xí nghiệp.

Thực hiện tham vấn ý kiến độc lập của Ban về các vấn đề liên quan đến vướng mắc, khó khăn trong hoạt động thường xuyên của Công ty cho Lãnh đạo Công ty, các Phòng/Ban chuyên môn.

Rà soát các quy chế, quy định, quy trình nghiệp vụ của các Phòng/Ban/Xí nghiệp được kiểm soát. Đồng thời, đề xuất ý kiến sửa đổi, điều chỉnh các nội dung để phù hợp với quy định của Pháp luật, chủ trương đường lối của HĐQT đề ra phù hợp với tình hình hoạt động thực tế tại các Phòng/Ban, Xí nghiệp.

07 Hoạt động của thành viên độc lập HĐQT

Tại kỳ họp thường niên năm 2024, ĐHĐCĐ đã tín nhiệm bầu ông Hoàng Văn Hải và ông Hồ Quang Lợi tiếp tục làm thành viên độc lập HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2024 - 2029. Trong năm 2025, các thành viên độc lập HĐQT đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn được giao, trong đó:

Đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT; rà soát, đưa ra ý kiến và biểu quyết độc lập đối với các vấn đề quyết định của HĐQT, nhất là liên quan đến hoạt động đầu tư, tài chính, các hợp đồng, giao dịch với Bên có liên quan nhằm bảo vệ lợi ích hợp pháp của Công ty và Cổ đông.

Giám sát tình hình thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ; kiểm tra, đưa ra các ý kiến về tính hợp pháp, hợp lý đối với các hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty theo quyết nghị của ĐHĐCĐ.

Giám sát về tình hình tài chính của Công ty và đưa ra các ý kiến, khuyến nghị độc lập để Ban TGĐ xem xét điều chỉnh hoạt động đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế.

Giám sát, cho ý kiến đối với hoạt động quản lý, điều hành Công ty của Ban TGĐ, đặc biệt là các vấn đề về nhân sự, tiền lương và các chế độ đãi ngộ nhằm phát triển đội ngũ nhân sự có chất lượng và gắn bó lâu dài với Công ty.

Thực hiện một số quyền hạn và trách nhiệm trong công tác kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, giám sát hoạt động của Ban TGĐ trên các mặt hoạt động chính của Công ty.



HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

01 Nhân sự và các cuộc họp của BKS

» Trong năm 2025 bà Cam Thị Minh Hải - Thành viên Ban kiểm soát hết nhiệm kỳ hoạt động và đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 tín nhiệm bầu làm Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới (2025 - 2030). Sau Đại Hội, BKS đã tiến hành cuộc họp để thống nhất phân công nhiệm vụ cho các thành viên BKS và triển khai kế hoạch hoạt động năm 2025.

» Trong năm 2025, BKS đã tổ chức đã tổ chức 03 phiên họp thường kỳ với sự tham dự đầy đủ của các thành viên để đánh giá, tổng kết hoạt động năm 2024, triển khai kế hoạch năm 2025 và thống nhất một số nội dung thuộc thẩm quyền của BKS theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.

» BKS đã xây dựng và trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 thông qua Báo cáo hoạt động của BKS năm 2024 và kế hoạch hoạt động năm 2025. Tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, BKS đã báo cáo đầy đủ công tác chi thù lao của từng thành viên BKS trong năm 2024 và xây dựng kế hoạch thù lao năm 2025; trình danh sách công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính 2025 để ĐHĐCĐ phê duyệt theo đúng quy định.

02 Hoạt động giám sát trong năm đối với HĐQT, Ban TGĐ

Kết quả giám sát đối với HĐQT cụ thể như sau:

» Giám sát công tác tổ chức kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025; theo dõi, giám sát thủ tục gửi thư mời họp, công bố tài liệu họp và tính hợp pháp, hợp lệ, khách quan của hệ thống tổ chức Đại hội trực tuyến; tham gia rà soát, có ý kiến đối với các báo cáo, tờ trình của HĐQT và Ban TGĐ trình ĐHĐCĐ theo quy định.

» Cử KSV tham dự các cuộc họp HĐQT và giám sát việc HĐQT chỉ đạo, thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

» Thường xuyên cập nhật, rà soát danh sách cổ đông lớn, người có liên quan của HHV và người nội bộ của Công ty; giám sát, đưa ra các ý kiến lưu ý cần thiết đối với thủ tục phê duyệt và thực hiện các hợp đồng/giao dịch giữa HHV với công ty mẹ, công ty con và bên có liên quan khác.

» Giám sát, đánh giá hiệu lực và mức độ tuân thủ của hệ thống kiểm toán nội bộ, kiểm soát nội bộ và các cơ chế quản lý rủi ro, cảnh báo sớm của Công ty; giám sát hoạt động của các tiểu ban trực thuộc HĐQT và Người phụ trách quản trị công ty.

» Giám sát việc tuân thủ trong công tác công bố thông tin của HHV theo đúng quy định pháp luật và Quy chế công bố thông tin đã ban hành

02 Hoạt động giám sát trong năm đối với HĐQT, Ban TGĐ (tiếp theo)

» Qua giám sát, BKS nhận thấy: HĐQT đã thực hiện công tác quản trị, quản lý Công ty theo đúng thẩm quyền theo quy định pháp luật, phù hợp với Điều lệ, Quy chế nội bộ và các Nghị quyết của ĐHĐCĐ. Trong năm 2025, các thành viên HĐQT đã làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, các cuộc họp HĐQT được tổ chức nghiêm túc, đúng thủ tục, các ý kiến và biểu quyết đảm bảo khách quan, độc lập, các Nghị quyết của HĐQT được thông qua theo đúng quy định, phù hợp với định hướng phát triển và thực tế hoạt động của Công ty

Kết quả giám sát đối với Ban TGĐ trong việc điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, cụ thể như sau:

» Trong năm 2025, Ban TGĐ đã đề ra kế hoạch cụ thể để triển khai đầy đủ các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT; chủ động, linh hoạt trong việc phân công và ủy quyền quản lý để triển khai nhiệm vụ được giao; duy trì thường xuyên chế độ họp giao ban định kỳ để đánh giá, xử lý, giải quyết vấn đề giúp cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty được liên tục, tuân thủ pháp luật, an toàn và hiệu quả; một số cuộc họp quan trọng, cần thiết BKS đã cử nhân sự BKS tham gia.

» Ban TGĐ đã thực hiện đầy đủ việc báo cáo ĐHĐCĐ/HĐQT phê duyệt trước khi triển khai đầu tư, ký kết hợp đồng/ giao dịch có giá trị lớn, ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình tài chính của Công ty, các hợp đồng giữa HHV với bên có liên quan và các vấn đề quan trọng khác, đảm bảo trách nhiệm cẩn trọng, trung thực và tránh xung đột về lợi ích trong hoạt động quản trị doanh nghiệp.

» BKS đã giám sát, thẩm định tính hợp pháp, chính xác và trung thực của BCTC, báo cáo kết quả sản xuất, kinh doanh và các báo cáo khác của Ban TGĐ. Qua giám sát nhận thấy Ban TGĐ đã tuân thủ quy định trong việc lập và kiểm toán các báo cáo quan trọng của Công ty, nội dung báo cáo đã phản ánh đầy đủ, trung thực kết quả sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của HHV.

» Ban TGĐ đã ghi nhận và lưu ý đối với các ý kiến trao đổi của BKS về các nội dung, vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty mà BKS quan tâm. Trong năm 2025, BKS chưa nhận được thông tin kiến nghị, phản ánh nào của Cổ đông liên quan đến hoạt động của Ban TGĐ trong quá trình thực thi nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT *(Tiếp theo)*

03 Sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác

» Trong năm 2025, BKS đã được thông báo và cung cấp đầy đủ, kịp thời các hồ sơ tài liệu liên quan đến hoạt động của HĐQT, Ban TGĐ. BKS đã duy trì được mối quan hệ công tác, sự phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban TGĐ và các cổ đông.

» BKS đã tham dự các phiên họp của HĐQT, Ban TGĐ khi được mời và xét thấy cần thiết. Tham dự các cuộc họp sơ kết, tổng kết tình hình hoạt động của Công ty. Các thành viên HĐQT và ban TGĐ đều tạo điều kiện thuận lợi và phối hợp với BKS trong các công tác kiểm soát của các thành viên BKS theo nhiệm vụ được phân công.

» Căn cứ kết quả giám sát, BKS đã đưa ra cảnh báo, kiến nghị cụ thể liên quan đến công tác quản trị, quản lý điều hành hoạt động Công ty và kịp thời thông báo phản hồi đến HĐQT, Ban TGĐ để nghiên cứu, triển khai theo đúng quy định, phù hợp với thực tế hoạt động của Công ty

» Trong quá trình hoạt động, BKS không nhận được đơn thư yêu cầu hay khiếu nại của cổ đông hoặc nhóm cổ đông liên quan đến hoạt động của các thành viên HĐQT, Ban TGĐ và các cán bộ quản lý khác.

04 Thẩm định các Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty, Báo cáo tài chính, Báo cáo đánh giá công tác quản lý điều hành công ty:

» Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty, BCTC và các báo cáo khác đều được gửi đầy đủ cho BKS để rà soát, thẩm định trước khi báo cáo trình ĐHĐCĐ theo quy định. Qua thẩm định, BKS nhận thấy các Báo cáo đã phản ánh trung thực, đầy đủ kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh và tình hình tài chính của HHV trong năm 2025.



GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH HĐQT, B.TGĐ, BKS

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao được hưởng (đồng/tháng)	Số tháng	Thù lao năm 2025 (đồng)
I	**Hội đồng quản trị**				**1.740.000.000**
1	Ông Hồ Minh Hoàng	Chủ tịch	30.000.000	12	360.000.000
2	Ông Nguyễn Tấn Đông	Phó Chủ tịch	20.000.000	12	240.000.000
3	Ông Nguyễn Hữu Hùng	Phó Chủ tịch	20.000.000	12	240.000.000
4	Ông Võ Thụy Linh	Thành viên	15.000.000	12	180.000.000
5	Ông Trần Chủng	Thành viên	15.000.000	12	180.000.000
6	Ông Nguyễn Quang Huy	Thành viên	15.000.000	12	180.000.000
7	Ông Hoàng Văn Hải	Thành viên độc lập	15.000.000	12	180.000.000
8	Ông Hồ Quang Lợi	Thành viên độc lập	15.000.000	12	180.000.000
II	**Ban Kiểm soát**				**348.000.000**
1	Ông Nguyễn Minh Giang	Trưởng ban	15.000.000	12	180.000.000
2	Bà Cam Thị Minh Hải	Thành viên	7.000.000	12	84.000.000
3	Bà Phan Thị Mai	Thành viên	7.000.000	12	84.000.000
	Tổng chi thù lao năm 2025 của HĐQT và BKS:				**2.088.000.000**

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên.

GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH HĐQT, B.TGĐ, BKS *(Tiếp theo)*

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Hồ Minh Hoàng	Người nội bộ, giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT HHV	2.022.300	0,47%	2.123.415	0,43%	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
2	Trần Thị Thu Hiền	Vợ của ông Hồ Minh Hoàng - Chủ tịch HĐQT HHV	99.567	0,023%	110.525	0,02%	Mua cổ phiếu và được nhận cổ tức bằng cổ phiếu
3	Công ty cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	Công ty mẹ của HHV; đồng thời, người nội bộ của HHV (ông Hồ Minh Hoàng, Nguyễn Tấn Đông, Nguyễn Hữu Hùng, Võ Thụy Linh, Nguyễn Quang Huy, Ngọ Trường Nam, Nguyễn Lê Bách và ông Nguyễn Minh Giang) là người quản lý của CTCP Tập đoàn Đèo Cả	5.827.108	1,35%	6.118.463	1,23%	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
4	Nguyễn Tấn Đông	Người nội bộ, giữ chức vụ Phó Chủ Tịch HĐQT HHV	134.820	0,03%	141.561	0,03%	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
5	Công ty CP Đầu tư Hải Thạch B.O.T	Cổ đông lớn của HHV; đồng thời, người nội bộ của HHV (ông Võ Thụy Linh, ông Nguyễn Hữu Hùng) là người quản lý của CTCP Đầu tư Hải Thạch B.O.T	69.544.649	16,09%	73.021.881	14,68%	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
6	Trần Việt Hải	Con đẻ của ông Trần Chủng - Thành viên HĐQT HHV	8.435	0,002%	56	0,000011%	Bán cổ phiếu và được nhận cổ tức bằng cổ phiếu
7	Nguyễn Quang Huy	Người nội bộ, giữ chức vụ Thành viên HĐQT	258.405	0,06%	271.325	0,05%	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
8	Nguyễn Thị Tuyết	Vợ của ông Hoàng Văn Hải - Thành viên độc lập HĐQT HHV	666	0,00015%	0	0%	Bán cổ phiếu và được nhận cổ tức bằng cổ phiếu
9	Hoàng Minh Đức	Con đẻ của ông Hoàng Văn Hải - Thành viên độc lập HĐQT HHV	4.210	0,00097%	0	0%	Bán cổ phiếu và được nhận cổ tức bằng cổ phiếu
10	Hoàng Minh Khôi	Con đẻ của ông Hoàng Văn Hải - Thành viên độc lập HĐQT HHV	2.217	0,00051%	0	0%	Bán cổ phiếu và được nhận cổ tức bằng cổ phiếu
11	Trần Thị Huyền	Vợ của ông Nguyễn Lê Bách - Phó Tổng Giám đốc HHV	48.507	0,011%	50.932	0,01%	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
12	Võ Ngọc Trung	Người nội bộ, giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc của HHV	3.445	0.0008%	3.617	0.0007%	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
13	Trương Minh Don	Bố vợ của ông Trần Văn Dũng - Phó Tổng Giám đốc HHV	31.600	0,0073%	4.055	0,0008%	Bán cổ phiếu và được nhận cổ tức bằng cổ phiếu
14	Lê Châu Thắng	Người nội bộ, giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc của HHV	3.984	0,0009%	4.183	0,0008%	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
15	Nguyễn Thị Sơn	Mẹ đẻ bà Nguyễn Quỳnh Mai - Phó Tổng Giám đốc HHV	0	0%	2.000	0,0004%	Mua cổ phiếu

GIAO DỊCH, THÙ LAO
VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH HĐQT, B.TGĐ, BKS *(Tiếp theo)*

Giao dịch giữa Công ty Cổ phần đầu tư hạ tầng giao thông Đèo Cả với người có liên quan của Công ty; hoặc giữa Công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Nội dung , tổng giá trị giao dịch
1	CTCP Tập đoàn Đèo Cả	Công ty mẹ và là người có liên quan của người nội bộ HHV	Giấy CNĐKDN số 0313365915 do Sở Tài Chính TP Hồ Chí Minh (trước đây là Sở KH&ĐT TP. Hồ Chí Minh) cấp đăng ký lần đầu ngày 23/07/2015	32 Thạch Thị Thanh, phường Tân Định, TP. Hồ Chí Minh	Năm 2025	- Nội dung giao dịch: + HHV bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ (cung cấp nhân công, vật liệu xây dựng, vật tư, sản phẩm cơ khí, thi công xây dựng, cho thuê thiết bị phương tiện…) cho CTCP Tập đoàn Đèo Cả. + HHV mua hàng hoá, sử dụng dịch vụ của CTCP Tập đoàn Đèo Cả (vé máy bay, dịch vụ công nghệ thông tin, mua vật tư, thi công xây dựng, thuê thiết bị phương tiện....) - Số lượng giao dịch: Giao dịch phát sinh thường xuyên - Tổng giá trị giao dịch: + Bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ: 701.265.429.874 đồng + Mua hàng hoá, sử dụng dịch vụ: 153.024.421.454 đồng
2	CTCP Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty do HHV sở hữu trên 10% cổ phiếu có quyền biểu quyết (15,37%) và là người có liên quan của người nội bộ HHV (Công ty cùng công ty mẹ với HHV và là người có liên quan của người nội bộ HHV	Giấy CNĐKDN số 0401777280 do Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh (trước đây là Sở KH&ĐT TP. Hồ Chí Minh) cấp đăng ký lần đầu ngày 13/07/2016	32 Thạch Thị Thanh, phường Tân Định, TP. Hồ Chí Minh	Năm 2025	- Nội dung giao dịch: + HHV bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ cho CTCP Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam; + HHV mua hàng hoá (các loại vật tư, vật liệu xây dựng,...), sử dụng dịch vụ do CTCP Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam cung cấp; - Số lượng giao dịch: Giao dịch phát sinh thường xuyên - Tổng giá trị giao dịch: + Bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ: 86.437.510.114 đồng + Mua hàng hoá, sử dụng dịch vụ: 75.774.596.984 đồng
3	CTCP Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hoà	Công ty liên kết và là người có liên quan của người nội bộ HHV	Giấy CNĐKDN số 0106159826 do Sở Tài chính TP. Hà Nội (trước đây là Sở KH&ĐT TP. Hà Nội) cấp đăng ký lần đầu ngày 22/04/2013	278 Thụy Khuê, phường Tây Hồ, TP. Hà Nội	Năm 2025	- Nội dung giao dịch: HHV bán hàng hoá, cung ứng dịch cho CTCP Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa. - Số lượng giao dịch: Giao dịch phát sinh thường xuyên - Tổng giá trị giao dịch: 2.599.989.814 đồng
4	CTCP Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hoà	Công ty liên kết và là người có liên quan của người nội bộ HHV	Giấy CNĐKDN số 0106159826 do Sở Tài chính TP. Hà Nội (trước đây là Sở KH&ĐT TP. Hà Nội) cấp đăng ký lần đầu ngày 22/04/2013	278 Thụy Khuê, phường Tây Hồ, TP. Hà Nội	Năm 2025	- Nội dung giao dịch: HHV nhận cổ tức tại CTCP Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa. - Số lượng giao dịch: 01 lần - Tổng giá trị giao dịch: 8.000.000.000 đồng
5	CTCP An ninh Đèo Cả	Là người có liên quan của HHV (Công ty cùng Công ty mẹ với HHV) và là người có liên quan của người nội bộ HHV	Giấy CNĐKDN số 4400951889 do Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh (trước đây là Sở KH&ĐT TP. Hồ Chí Minh) cấp đăng ký lần đầu ngày 31/7/2012	Số 32 Thạch Thị Thanh, TP. Hồ Chí Minh	Năm 2025	- Nội dung giao dịch: HHV mua hàng hoá, sử dụng dịch vụ do CTCP An ninh Đèo Cả cung cấp - Số lượng giao dịch: Giao dịch phát sinh thường xuyên - Tổng giá trị giao dịch: 32.990.490.535 đồng.
6	CTCP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Người có liên quan của người nội bộ HHV	Giấy CNĐKDN số 0313222392 do Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh (trước đây là Sở KH&ĐT TP. Hồ Chí Minh) cấp đăng ký lần đầu ngày 21/04/2015	Số 32 Thạch Thị Thanh, phường Tân Định, TP. Hồ Chí Minh	Năm 2025	- Nội dung giao dịch: HHV bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ cho CTCP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận - Số lượng giao dịch: Giao dịch phát sinh thường xuyên - Tổng giá trị giao dịch: 11.750.521.610 đồng.

GIAO DỊCH, THÙ LAO
VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH HĐQT, B.TGĐ, BKS *(Tiếp theo)*

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Nội dung , tổng giá trị giao dịch
7	CTCP Quản lý và Khai thác Đường cao tốc Đèo Cả	Người có liên quan của người nội bộ HHV	Giấy CNĐKDN số 0107843468 do Sở Tài chính TP. Hà Nội (trước đây là Sở KH&ĐT TP. Hà Nội) cấp đăng ký lần đầu ngày 12/05/2017	Tầng 16, Tháp Văn phòng, Tòa nhà số 265 đường Cầu Giấy, phường Tây Hồ, TP. Hà Nội	Năm 2025	- Nội dung giao dịch: + HHV bán hàng hoá, dịch vụ cho CTCP Quản lý và khai thác đường cao tốc Đèo Cả + HHV mua hàng hoá, dịch vụ của CTCP Quản lý và khai thác đường cao tốc Đèo Cả. - Số lượng giao dịch: Giao dịch phát sinh thường xuyên - Tổng giá trị giao dịch bán hàng hóa: 928.104.334 đồng. - Tổng giá trị mua hàng hóa: 13.865.025.445 đồng.
8	CTCP Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	Công ty liên kết và là người có liên quan của người nội bộ HHV	Giấy CNĐKDN số 0316685416 do Sở Tài chính tỉnh Khánh Hòa (trước đây là Sở KH&ĐT tỉnh Ninh Thuận) cấp đăng ký lần đầu ngày 21/01/2021	Thôn Lương Cang, Phường Đô Vinh, tỉnh Khánh Hòa	Năm 2025	- Nội dung giao dịch: + HHV bán hàng hoá, dịch vụ cho CTCP Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo - Số lượng giao dịch: Giao dịch phát sinh thường xuyên - Tổng giá trị giao dịch bán hàng hoá, dịch vụ: 50.000.610.185 đồng. - Nội dung giao dịch: + HHV góp tiền hợp tác kinh doanh với CTCP Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo + HHV ghi nhận lợi nhuận hợp tác kinh doanh với CTCP Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo - Số lượng giao dịch: + HHV thanh toán lợi nhuận từ hợp tác kinh doanh: 1 lần + HHV ghi nhận lợi nhuận hợp tác kinh doanh: 02 lần - Tổng giá trị giao dịch: + Thu tiền lợi nhuận từ hợp tác kinh doanh: 69.242.734.118 đồng + Lợi nhuận từ hợp tác kinh doanh: 51.584.089.977 đồng
9	CTCP Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh	Công ty liên kết và là người có liên quan của người nội bộ HHV	Giấy CNĐKDN số 4800935176 do Sở Tài Chính tỉnh Cao Bằng (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cao Bằng) cấp đăng ký lần đầu ngày 18/12/2023	Số 320, tổ 30, phường Nùng Trí Cao, tỉnh Cao Bằng	Năm 2025	- Nội dung giao dịch: + HHV bán hàng hóa, dịch vụ cho CTCP Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh + Số lượng giao dịch: Giao dịch phát sinh thường xuyên - Tổng giá trị giao dịch bán hàng hoá, dịch vụ: 169.222.123.694 đồng - Nội dung giao dịch: HHV góp vốn, đặt cọc góp vốn, hoàn trả tiền đặt cọc, chi tiền hợp tác kinh doanh và hoàn tiền hợp tác kinh doanh vào CTCP Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh. - Số lượng giao dịch: 45 lần - Tổng giá trị giao dịch: + Góp vốn: 204.473.200.000 đồng + Đặt cọc góp vốn: 248.643.272.861 đồng + Hoàn trả tiền đặt cọc: 102.050.172.067 đồng + Chi tiền hợp tác kinh doanh: 284.800.800.000 đồng + Hoàn tiền hợp tác kinh doanh: 203.283.800.000 đồng
10	CTCP BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	Công ty con và là người có liên quan của người nội bộ HHV	Giấy CNĐKDN số 0106987957 do Sở Tài chính TP. Hà Nội (trước đây là Sở KH&ĐT TP Hà Nội) cấp đăng ký lần đầu ngày 11/09/2015	278 Thuỵ Khuê, Phường Tây Hồ, TP. Hà Nội	Năm 2025	- Nội dung giao dịch: + HHV bán hàng hoá, dịch vụ cho CTCP BOT Bắc Giang - Lạng Sơn; + HHV đặt cọc góp vốn và góp vốn vào CTCP BOT Bắc Giang - Lạng Sơn. - Số lượng giao dịch: + Bán hàng hoá, dịch vụ: Giao dịch phát sinh thường xuyên; + Giao dịch đặt cọc góp vốn: 02 lần; + Giao dịch góp vốn: 01 lần; - Tổng giá trị giao dịch: + Bán hàng hóa, dịch vụ: 41.986.020.370 đồng; + Đặt cọc góp vốn: 1.500.000.000 đồng; + Góp vốn: 7.000.000.000 đồng.

GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH HĐQT, B.TGĐ, BKS *(Tiếp theo)*

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Nội dung , tổng giá trị giao dịch
11	CTCP Đầu tư Đèo Cả	Công ty con và là người có liên quan của người nội bộ HHV	Giấy CNĐKDN số 0104567756 do Sở Tài chính TP.Hồ Chí Minh (trước đây là Sở KH&ĐT TP. Hồ Chí Minh) cấp đăng ký lần đầu ngày 05/04/2010	Số 32 Thạch Thị Thanh, phường Tân Định, TP Hồ Chí Minh	Năm 2025	- Nội dung giao dịch: + HHV bán hàng hoá, dịch vụ cho CTCP Đầu tư Đèo Cả; + HHV đặt cọc góp vốn và góp vốn vào CTCP Đầu tư Đèo Cả. - Số lượng giao dịch: + Bán hàng hoá, dịch vụ: Giao dịch phát sinh thường xuyên; + Giao dịch đặt cọc góp vốn: 1 lần; + Giao dịch góp vốn: 1 lần; - Tổng giá trị giao dịch: + Bán hàng hoá, dịch vụ: 326.612.668.393 đồng; + Đặt cọc góp vốn: 17.500.000.000 đồng; + Góp vốn: 73.000.000.000 đồng.
12	CTCP Phước Tượng Phú Gia BOT	Công ty con và là người có liên quan của người nội bộ HHV	Giấy CNĐKDN số 0106205342 do Sở Tài chính TP. Hà Nội (trước đây là Sở KH&ĐT TP. Hà Nội) cấp đăng ký lần đầu ngày 12/06/2013	278 Thuỵ Khuê, Phường Tây Hồ, TP. Hà Nội	Năm 2025	Nội dung giao dịch: +HV bán hàng hóa, dịch vụ cho CTCP Phước Tượng Phú Gia BOT; - Số lượng giao dịch: Giao dịch phát sinh thường xuyên - Tổng giá trị giao dịch: 31.761.878.704 đồng. - Nội dung giao dịch: + HHV nhận cổ tức từ CTCP Phước Tượng Phú Gia BOT; -Số lượng giao dịch: 01 lần; - Tổng giá trị giao dịch: 10.930.909.347 đồng.
13	Công ty TNHH Hạ tầng Đô thị Đèo Cả	Công ty do HHV sở hữu trên 10% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết (17,78%); và là người có liên quan của người nội bộ HHV	Giấy CNĐKDN số 1111279935 do Sở Tài chính TP. Hà Nội (trước đây là Sở KH&ĐT TP. Hà Nội) cấp đăng ký lần đầu ngày 11/11/2015	278 Thuỵ Khuê, Phường Tây Hồ, TP. Hà Nội	Năm 2025	- Nội dung giao dịch: + HHV góp vốn vào Công ty TNHH Hạ tầng Đô thị Đèo Cả + Số lượng giao dịch: 05 lần + Tổng giá trị giao dịch: 800.000.000.000 đồng.

Giao dịch giữa người nội bộ Công ty Cổ phần đầu tư hạ tầng giao thông đèo cả với công ty con, Công ty do HHV nắm quyền kiểm soát

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Chức vụ tại HHV	Mối quan hệ liên quan với công ty	Tên công ty con, công ty do HHV nắm quyền kiểm soát	Nội dung giao dịch với Công ty con, Công ty Liên kết
1	Nguyễn Tấn Đông	Phó Chủ tịch HĐQT	Người nội bộ	CTCP Phước Tượng Phú Gia BOT	Nhận thù lao HĐQT: 60.000.000 đồng
2	Nguyễn Hữu Hùng	Phó Chủ tịch HĐQT	Người nội bộ	CTCP Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hoà	Nhận thù lao HĐQT: 240.000.000 đồng
				CTCP BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	Nhận thù lao HĐQT: 78.400.000 đồng
				CTCP cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh	Nhận thù lao HĐQT: 109.066.666 đồng
3	Võ Thụy Linh	Thành viên HĐQT	Người nội bộ	CTCP Đầu tư Đèo Cả	Nhận thù lao HĐQT: 180.000.000 đồng
4	Trần Chủng	Thành viên HĐQT	Người nội bộ	CTCP BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	Nhận thù lao HĐQT: 0 đồng
				CTCP Đầu tư Đèo Cả	Nhận thù lao HĐQT: 180.000.000 đồng
5	Nguyễn Quang Huy	Thành viên HĐQT	Người nội bộ	CTCP cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh	Nhận thù lao HĐQT: 52.070.968 đồng
6	Nguyễn Minh Giang	Trưởng BKS	Người nội bộ	CTCP Đầu tư Đèo Cả	Nhận thù lao BKS: 0 đồng
				CTCP Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hoà	Nhận thù lao BKS: 120.000.000 đồng
7	Phan Thị Mai	Thành viên BKS	Người nội bộ	CTCP Phước Tượng Phú Gia BOT	Nhận thù lao BKS: 18.833.333 đồng
				CTCP Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hoà	Nhận thù lao BKS: 60.000.000 đồng

GIAO DỊCH, THÙ LAO
VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH HĐQT, B.TGĐ, BKS *(Tiếp theo)*

Giao dịch giữa người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ Công ty Cổ phần đầu tư hạ tầng giao thông Đèo Cả với Công ty con, Công ty do HHV nắm quyền kiểm soát

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Chức vụ của người nội bộ tại HHV	Tên công ty con, công ty do HHV nắm quyền kiểm soát	Thời điểm giao dịch	Nội dung giao dịch	Giá trị giao dịch (VNĐ)
1	Công ty cổ phần Đầu tư Đèo Cả	Võ Thuỵ Linh Trần Chủng Ngọ Trường Nam	Thành viên HĐQT Thành viên HĐQT Tổng Giám đốc	CTCP Phước Tượng Phú Gia BOT	Năm 2025	Chia sẻ doanh thu	340.075.438.889
2	Công ty cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	Hồ Minh Hoàng Nguyễn Tấn Đông Nguyễn Hữu Hùng Võ Thuỵ Linh Nguyễn Quang Huy Ngọ Trường Nam Nguyễn Minh Giang Nguyễn Lê Bách	Chủ tịch HĐQT Phó Chủ tịch HĐQT Phó Chủ tịch HĐQT Thành viên HĐQT Thành viên HĐQT Phó Tổng Giám đốc Trưởng BKS Phó Tổng Giám đốc	CTCP Phước Tượng Phú Gia BOT	Năm 2025	Vé máy bay	1.913.406
3	Công ty cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	Hồ Minh Hoàng Nguyễn Tấn Đông Nguyễn Hữu Hùng Võ Thuỵ Linh Nguyễn Quang Huy Ngọ Trường Nam Nguyễn Minh Giang Nguyễn Lê Bách	Chủ tịch HĐQT Phó Chủ tịch HĐQT Phó Chủ tịch HĐQT Thành viên HĐQT Thành viên HĐQT Phó Tổng Giám đốc Trưởng BKS Phó Tổng Giám đốc	CTCP Đầu tư Đèo Cả	Năm 2025	Mua hàng hoá, dịch vụ Đặt cọc góp vốn	693.382.357.258 17.500.000.000
4	CTCP Phước Tượng Phú Gia BOT	Nguyễn Tấn Đông Phan Thị Mai	Phó Chủ tịch HĐQT Kiểm soát viên	CTCP Đầu tư Đèo Cả	Năm 2025	Chia sẻ doanh thu	340.075.438.889
5	CTCP Tập đoàn Đèo Cả	Hồ Minh Hoàng Nguyễn Tấn Đông Nguyễn Hữu Hùng Võ Thuỵ Linh Nguyễn Quang Huy Ngọ Trường Nam Nguyễn Minh Giang Nguyễn Lê Bách	Chủ tịch HĐQT Phó Chủ tịch HĐQT Phó Chủ tịch HĐQT Thành viên HĐQT TGĐ, Thành viên HĐQT Phó Tổng Giám đốc Trưởng BKS Phó Tổng Giám đốc	CTCP BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	Năm 2025	Thi công xây dựng Vé máy bay, chi phí khác	123.382.865.374 10.376.509.926

Chương V

Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính 86

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025
(đã được kiểm toán)

DEOCA INFRASTRUCTURE

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ
Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025.

CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400101965 do Sở Tài chính Thành phố Đà Nẵng (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng) cấp lần đầu ngày 24/06/2010; đăng ký thay đổi lần thứ 37 ngày 11/08/2025.

Cổ phiếu của Công ty đã được chấp thuận niêm yết theo Quyết định số 717/QĐ-SGDHCM ngày 23/12/2021 và chính thức giao dịch ngày 20/01/2022 tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán HHV. Số lượng chứng khoán niêm yết tại ngày 31/12/2025 là 497.433.003 cổ phiếu.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2025 là: 4.974.330.030.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại: Km11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại, dịch vụ, xây lắp

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ: hoạt động thu phí, thu cước đường bộ, quản lý khai thác, bảo trì, duy tu bảo dưỡng các công trình hầm đường bộ, đường cao tốc, các tuyến quốc lộ và các công trình hạ tầng giao thông khác, đảm bảo giao thông khi có thiên tai địch họa xảy ra trên địa bàn được giao, trừ hóa lỏng khí để vận chuyển, không bao gồm: các loại hình dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ mà doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không được phép cung ứng theo quy định của pháp luật (Mã ngành: 5225); vận tải hành khách đường bộ khác: kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định gồm: chuyên chở mô tô, xe máy, xe đạp cùng người điều khiển phương tiện đó và người đi bộ qua các hầm đường bộ, đường cao tốc bằng phương tiện chuyên dùng; kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt, không bao gồm: các loại hình dịch vụ vận tải hành khách đường bộ khác mà doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không được phép cung ứng theo quy định của pháp luật(Mã ngành: 4932); vận tải hàng hóa bằng đường bộ, hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt (Mã ngành: 4933, 5221); bốc xếp hàng hóa (Mã ngành: 5224); xây dựng nhà các loại (Mã ngành: 4101, 4102); xây dựng công trình đường sắt, công trình đường bộ, công trình điện, công trình cấp, thoát nước, công trình viễn thông, thông tin liên lạc, công trình thủy, công trình khai khoáng, công trình chế biến, chế tạo, công trình công ích khác và công trình kỹ thuật dân dụng khác (Mã ngành: 4211, 4212, 4221, 4222, 4223, 4229, 4291, 4292, 4293, 4299); phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng (Mã ngành: 4311, 4312); khai thác đá, cát, sỏi, đất sét và khai khoáng khác (Mã ngành: 0810, 0899);

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

3. Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)

In ấn và dịch vụ liên quan đến in (Mã ngành: 1811,1812); sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng, đồ gỗ xây dựng, sản phẩm dầu mỏ tinh chế, plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh, vật liệu xây dựng từ đất sét, bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao, sản xuất điện, sản phẩm điện tử dân dụng, các cấu kiện kim loại, các sản phẩm khác bằng kim loại và sản xuất khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành: 1104, 1622, 1920, 2013, 2392, 2395, 2511, 2599, 3511, 2640, 3290); gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại (Mã ngành: 2592);

Sửa chữa máy móc, thiết bị, thiết bị điện, các sản phẩm kim loại đúc sẵn và thiết bị khác (Mã ngành: 3311, 3312, 3314, 3319); lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp, lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí và hệ thống xây dựng khác (Mã ngành: 3320, 4321, 4322, 4329); hoàn thiện công trình xây dựng và hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (Mã ngành: 4330, 4390); bán buôn, bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác, bán lẻ ô tô con (Mã ngành: 4511, 4512, 4520); bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm, thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; kim loại và quặng kim loại, vật liệu và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, bán buôn bán lẻ chuyên doanh khác (Mã ngành: 4651, 4652, 4659, 4662, 4663, 4669, 4773); dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Mã ngành: 5510); nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Mã ngành: 5610); hoạt động chiếu phim và viễn thông khác (Mã ngành: 5914, 6190); lập trình, tư vấn, quản trị hệ thống, hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính (Mã ngành: 6201, 6202, 6209); cổng thông tin, xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (Mã ngành: 6311, 6312); kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Mã ngành: 6810); hoạt động kiến trúc, tư vấn quản lý và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Mã ngành: 7020, 7110); kiểm tra và phân tích kỹ thuật (Mã ngành: 7120);

Quảng cáo (Mã ngành: 7310); hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành: 7490); cho thuê xe có động cơ, máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển (Mã ngành: 7710, 7730); cung ứng và quản lý nguồn lao động, lao động tạm thời (Mã ngành: 7820, 7830); hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (Mã ngành: 7810); dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch (Mã ngành: 7990); dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn (Mã ngành: 8020); dịch vụ hỗ trợ tổng hợp (Mã ngành: 8110); vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt (Mã ngành: 8129); dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp, photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác (Mã ngành: 8211, 8219); hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi (Mã ngành: 8220); tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Mã ngành: 8230); hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Mã ngành: 8299); đào tạo sơ cấp (Mã ngành: 8531); đào tạo trung cấp (Mã ngành: 8532); đào tạo cao đẳng (Mã ngành: 8533); giáo dục khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành: 8559); dịch vụ hỗ trợ giáo dục (Mã ngành: 8560); hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành: 8699); hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (Mã ngành: 9000).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ
Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tên Công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Vốn đầu tư (VND)
Công ty con: 03 Công ty			
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	65,04%	65,04%	1.164.824.390.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	74,24%	74,24%	1.747.617.650.000
Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	99,37%	99,37%	294.455.000.000
Công ty liên doanh, liên kết: 04 Công ty			
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	38,00%	38,00%	391.400.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	47,42%	50,00%	122.000.000.000
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị	31,60%	31,60%	33.180.000.000
Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh	42,31%	40,00%	224.473.200.000

Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp Thi công Xây lắp Công trình	Đường dẫn hầm Hải Vân, phường Hải Vân, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Xí nghiệp Sản xuất Dịch vụ Thương mại Hải Vân	Đường dẫn hầm Hải Vân, phường Hải Vân, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Xí nghiệp Quản lý, Vận hành Hầm đường bộ Hải Vân	Đường dẫn hầm Hải Vân, phường Hải Vân, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Xí nghiệp Quản lý, Vận hành Hầm đường bộ Đèo Cả	Thôn Hảo Sơn, xã Hòa Xuân, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
Xí nghiệp Quản lý, Vận hành Hầm đường bộ Củ Mông	Thôn Long Thạnh, xã Xuân Lộc, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
Xí nghiệp Quản lý, Vận hành Đường cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn	Km 81+140, Tuyến cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn, xã Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam
Xí nghiệp Quản lý, Vận hành Đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận	Ấp Tân Phong, xã Tân Phú, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam
Xí nghiệp Quản lý, Vận hành Đường cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	Thôn Lương Cang 2, phường Đô Vinh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Xí nghiệp Quản lý, Vận hành Đường cao tốc Tam Điệp - Diễn Châu	Thôn Thọ Lộc, xã Tống Sơn, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam
Xí nghiệp Quản lý, Vận hành Đường cao tốc Vũng Áng - Bùng	Thôn Lạc Thắng, xã Kỳ Lạc, tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam
Xí nghiệp Quản lý, Vận hành Đường cao tốc Quảng Ngãi – Hoài Nhơn	Khu phố An Đỗ, phường Hoài Nhơn Bắc, tỉnh Gia Lai, Việt Nam
Xí nghiệp Quản lý, Vận hành Đường cao tốc Chí Thạnh – Vân Phong	Thôn Tuy Dương, xã Ô Loan, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
Văn phòng đại diện tại thành phố Hà Nội	278 Thụy Khuê, phường Tây Hồ, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Văn phòng đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh	32 Thạch Thị Thanh, phường Tân Định, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ
Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ngày 19/03/2026 Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có Văn bản số 2153/UBCK-QLCB thông báo đã nhận được tài liệu báo cáo của Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả về kết quả đợt phát hành thêm 49.733.293 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Theo đó vào ngày 24/03/2026, Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả đã hoàn tất thủ tục đăng ký tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết số 55/2025/NQ – HĐQT ngày 12/12/2025 về việc triển khai đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2025 tăng vốn điều lệ từ 4.974.330.030.000 VND lên 5.471.662.960.000 VND và đã được Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 38 ghi nhận vốn điều lệ mới.

Ngày 09/02/2026, Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐQT thông qua việc thành lập Xí nghiệp Quản lý, vận hành Đường cao tốc Quảng Ngãi – Hoài Nhơn - Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả tại Gia Lai. Xí nghiệp là đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc và đã được Sở tài chính tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh ngày 11/02/2026.

Ngày 09/02/2026, Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐQT thông qua việc thành lập Xí nghiệp Quản lý, vận hành Đường cao tốc Chí Thạnh – Vân Phong - Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả tại Đắk Lắk. Xí nghiệp là đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc và đã được Sở tài chính tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh ngày 23/02/2026.

Thông qua kết quả đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ 2025, Công ty đã huy động được số tiền 415.000.000.000 VND. Cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này Công ty chưa sử dụng hết số vốn điều lệ thu được từ đợt chào bán, số tiền còn lại được phép sử dụng là 194.202.000.000 VND.

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định ngoài các sự kiện nêu trên, Công ty không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2025 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ
Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

		Bổ nhiệm	Miễn nhiệm
Ông Hồ Minh Hoàng	Chủ tịch	31/05/2024	
Ông Nguyễn Tấn Đông	Phó Chủ tịch	31/05/2024	
Ông Nguyễn Hữu Hùng	Phó Chủ tịch	31/05/2024	
Ông Võ Thụy Linh	Thành viên	31/05/2024	
Ông Trần Chủng	Thành viên	31/05/2024	
Ông Nguyễn Quang Huy	Thành viên	31/05/2024	
Ông Hoàng Văn Hải	Thành viên độc lập	31/05/2024	
Ông Hồ Quang Lợi	Thành viên độc lập	31/05/2024	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

		Bổ nhiệm	Miễn nhiệm
Ông Nguyễn Quang Huy	Tổng Giám đốc	21/12/2020	16/05/2025
Ông Ngọ Trường Nam	Phó TGĐ thường trực	01/10/2024	16/05/2025
	Tổng Giám đốc	16/05/2025	
Ông Trần Văn Chí	Phó Tổng Giám đốc	14/02/2022	
Ông Võ Ngọc Trung	Phó Tổng Giám đốc	10/12/2020	
Ông Trần Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc	14/01/2021	
Bà Nguyễn Quỳnh Mai	Phó Tổng Giám đốc	30/03/2021	
Ông Lê Châu Thắng	Phó Tổng Giám đốc	14/02/2022	
Ông Nguyễn Lê Bách	Phó Tổng Giám đốc	01/10/2024	
Ông Nguyễn Văn Ân	Phó Tổng Giám đốc	07/06/2025	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

		Bổ nhiệm	Miễn nhiệm
Ông Nguyễn Minh Giang	Trưởng ban	31/05/2024	
Bà Cam Thị Minh Hải	Kiểm soát viên	23/05/2025	
Bà Phan Thị Mai	Kiểm soát viên	26/04/2021	

Đại diện theo pháp luật:

		Bổ nhiệm	Miễn nhiệm
Ông Nguyễn Quang Huy	Tổng Giám đốc	21/12/2020	20/05/2025
Ông Ngọ Trường Nam	Tổng Giám đốc	20/05/2025	

Kế toán trưởng:

	Bổ nhiệm	Miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Ân	17/06/2020	06/06/2025
Ông Lê Công Nghĩa	06/06/2025	

Theo danh sách trên, không ai trong Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát sử dụng quyền lực mà họ được giao trong việc quản lý, điều hành Công ty để có được bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài những lợi ích thông thường từ việc nắm giữ cổ phiếu như các cổ đông khác.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCs) là đơn vị được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ
Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá, dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.
- Lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi, Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty.

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 03 năm 2026
Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám Đốc

NGỌ TRƯỜNG NAM

AASCS
CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM
SOUTHERN AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES COMPANY LIMITED (AASCS)

Số: 299B/BCKT/TC/2026/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

KÍNH GỬI QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 03 năm 2026 từ trang 09 đến trang 105, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra các ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chứng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

A Member of msi Global Alliance
Independent Legal & Accounting Firms

29 Vo Thi Sau Street, District 1, Ho Chi Minh City
Tel: (028) 3820 5944 - (028) 3820 5947 - Fax: (028) 3820 5942
Email: info@aascs.com.vn Website: www.aascs.com.vn

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2026

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)
Phó Tổng Giám Đốc

Lê Văn Tuấn
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số
0479-2023-142-1

Kiểm toán viên

Đặng Tùng Hưng
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số
3611-2026-142-1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ **B 01- DN/HN**
Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31.12.2025 VND	Tại ngày 01.01.2025 VND
100	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**1.862.409.737.591**	**1.282.949.495.901**
110	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	V.1	**586.763.423.469**	**308.933.876.437**
111	Tiền		446.122.441.869	187.371.329.025
112	Các khoản tương đương tiền		140.640.981.600	121.562.547.412
120	**Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**		**14.567.111.018**	**6.432.529.990**
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2a	14.567.111.018	6.432.529.990
130	**Các khoản phải thu ngắn hạn**		**1.191.826.533.023**	**878.312.475.722**
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	810.846.568.945	629.018.879.802
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4a	56.910.023.595	57.462.034.796
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.5	7.000.000.000	6.000.000.000
136	Phải thu ngắn hạn khác	V.6a	330.280.487.214	199.042.107.855
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.7	(13.210.546.731)	(13.210.546.731)
140	**Hàng tồn kho**		**44.914.909.709**	**67.714.934.630**
141	Hàng tồn kho	V.8	44.914.909.709	67.714.934.630
150	**Tài sản ngắn hạn khác**		**24.337.760.372**	**21.555.679.122**
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	V.9a	19.979.728.817	18.578.962.390
152	Thuế GTGT được khấu trừ		1.381.314.823	-
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.17b	2.976.716.732	2.976.716.732

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN (tiếp theo)	Thuyết minh	Tại ngày 31.12.2025 VND	Tại ngày 01.01.2025 VND
200	**TÀI SẢN DÀI HẠN**		**38.889.665.944.866**	**37.623.411.236.338**
210	**Các khoản phải thu dài hạn**		**588.062.870.381**	**940.166.496.834**
212	Trả trước cho người bán dài hạn	V.4b	360.723.660.592	310.095.234.962
216	Phải thu dài hạn khác	V.6b	227.339.209.789	630.071.261.872
220	**Tài sản cố định**		**27.487.538.681.451**	**27.803.114.813.212**
221	Tài sản cố định hữu hình	V.10	27.436.122.691.652	27.785.952.501.334
222	Nguyên giá		30.219.932.424.051	30.147.532.890.468
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(2.783.809.732.399)	(2.361.580.389.134)
224	Tài sản cố định thuê tài chính	V.11	41.651.602.747	14.075.260.603
225	Nguyên giá		48.541.148.950	17.714.776.374
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(6.889.546.203)	(3.639.515.771)
227	Tài sản cố định vô hình	V.12	9.764.387.052	3.087.051.275
228	Nguyên giá		12.362.145.635	5.169.474.563
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(2.597.758.583)	(2.082.423.288)
240	**Tài sản dở dang dài hạn**		**3.376.113.479**	**11.075.924.963**
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.13	3.376.113.479	11.075.924.963
250	**Đầu tư tài chính dài hạn**		**2.159.353.542.677**	**1.088.617.731.665**
252	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	V.2b	1.216.853.542.677	944.117.731.665
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	V.2c	927.500.000.000	127.500.000.000
255	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2a	15.000.000.000	17.000.000.000
260	**Tài sản dài hạn khác**		**8.651.334.736.878**	**7.780.436.269.664**
261	Chi phí trả trước dài hạn	V.9b	8.631.729.793.557	7.761.717.810.195
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	V.23a	10.398.576.090	7.057.060.974
269	Lợi thế thương mại	V.14	9.206.367.231	11.661.398.495
270	**TỔNG TÀI SẢN**		**40.752.075.682.457**	**38.906.360.732.239**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ B 01- DN/HN
Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31.12.2025 VND	Tại ngày 01.01.2025 VND
300	**NỢ PHẢI TRẢ**		**28.579.498.126.112**	**27.976.733.782.144**
310	**Nợ ngắn hạn**		**3.561.610.617.415**	**3.678.947.981.964**
311	Phải trả người bán ngắn hạn	V.15a	1.037.199.795.714	902.851.126.374
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.16a	102.791.223.460	4.719.425.163
313	Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước	V.17a	112.937.422.762	93.313.752.177
314	Phải trả người lao động	V.18	31.738.474.878	27.297.574.185
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	V.19a	335.340.805.490	587.202.270.332
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.20a	1.194.181.818	1.100.000.000
319	Phải trả ngắn hạn khác	V.21a	954.509.487.657	975.656.621.369
320	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.22a	979.820.050.821	1.080.704.037.549
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		6.079.174.815	6.103.174.815
330	**Nợ dài hạn**		**25.017.887.508.697**	**24.297.785.800.180**
331	Phải trả người bán dài hạn	V.15b	260.845.755.724	285.528.611.856
332	Người mua trả tiền trước dài hạn	V.16b	507.937.125.175	232.651.836.038
333	Chi phí phải trả dài hạn	V.19b	6.576.282.356.750	5.671.857.412.889
336	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	V.20b	11.223.836.612	6.649.932.236
337	Phải trả dài hạn khác	V.21b	35.280.476.625	38.822.766.625
338	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.22b	17.479.169.217.555	17.912.050.154.563
341	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	V.23b	147.148.740.256	150.225.085.973

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ **B 01- DN/HN**

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN (tiếp theo)	Thuyết minh	Tại ngày 31.12.2025 VND	Tại ngày 01.01.2025 VND
400	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	V.24	**12.172.577.556.345**	**10.929.626.950.095**
410	**Vốn chủ sở hữu**		**7.999.484.683.800**	**6.921.543.077.550**
411	Vốn góp của chủ sở hữu		4.974.330.030.000	4.322.555.280.000
411a	*- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*4.974.330.030.000*	*4.322.555.280.000*
412	Thặng dư vốn cổ phần		5.364.062.000	6.079.662.000
418	Quỹ đầu tư phát triển		15.561.628.379	8.822.456.079
420	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	1.739.172.300
421	Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối		1.446.743.571.997	1.116.710.675.697
421a	*- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước*		*863.936.154.090*	*703.328.280.943*
421b	*- LNST chưa phân phối của năm nay*		*582.807.417.907*	*413.382.394.754*
429	Lợi ích cổ đông không kiểm soát		1.557.485.391.424	1.465.635.831.474
430	**Nguồn kinh phí và quỹ khác**		**4.173.092.872.545**	**4.008.083.872.545**
432	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		4.173.092.872.545	4.008.083.872.545
440	**TỔNG NGUỒN VỐN**		**40.752.075.682.457**	**38.906.360.732.239**

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Thay mặt Ban Tổng Giám đốc Tổng Giám đốc
NGUYỄN THANH HẢI	LÊ CÔNG NGHĨA	NGỌ TRƯỜNG NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ **B 02 - DN/HN**

Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	2024 VND
01	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	VI.1	**3.801.371.595.413**	**3.308.251.591.277**
02	Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**3.801.371.595.413**	**3.308.251.591.277**
11	**Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ**	VI.2	**2.185.456.314.236**	**1.967.049.198.935**
20	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**1.615.915.281.177**	**1.341.202.392.342**
21	Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	58.270.834.182	47.991.503.229
22	Chi phí tài chính	VI.4	917.095.852.250	814.327.147.479
23	*- Trong đó: Chi phí lãi vay*		*905.259.434.662*	*796.572.521.099*
24	Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết		90.586.611.012	57.827.888.610
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.5	78.323.135.085	71.738.443.064
30	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**769.353.739.036**	**560.956.193.638**
31	Thu nhập khác	VI.6	5.216.378.739	23.625.648.701
32	Chi phí khác	VI.7	1.168.273.414	6.014.750.991
40	**Lợi nhuận khác**		**4.048.105.325**	**17.610.897.710**
50	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**773.401.844.361**	**578.567.091.348**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025
(tiếp theo)

Mã số	Chỉ tiêu		Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	2024 VND
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	VI.9	108.636.155.078	88.971.617.551
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	VI.10	(6.417.860.834)	(5.509.354.268)
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN		671.183.550.117	495.104.828.065
	Phân bổ cho:			
61	Cổ đông của Công ty		580.772.601.633	426.416.159.039
62	Cổ đông không kiểm soát		90.410.948.484	68.688.669.026
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.11	1.242	1.025
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.12	1.242	754

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Thay mặt Ban Tổng Giám đốc Tổng Giám đốc
NGUYỄN THANH HẢI	LÊ CÔNG NGHĨA	NGỌ TRƯỜNG NAM

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số		Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	2024 VND
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Lợi nhuận kế toán trước thuế**		**773.401.844.361**	**578.567.091.348**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định và phân bổ LTTM		430.625.255.531	348.937.233.697
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(152.588.292.663)	(106.094.394.732)
06	Chi phí lãi vay		905.259.434.662	796.572.521.099
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động**		**1.956.698.241.891**	**1.617.982.451.412**
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		430.087.157.995	(191.070.604.710)
10	Giảm hàng tồn kho		22.800.024.921	9.575.479.708
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả [không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp]		402.828.164.799	(35.620.877.600)
12	Giảm chi phí trả trước		1.343.945.295	7.240.293.429
14	Tiền lãi vay đã trả		(1.061.627.231.783)	(1.078.886.739.719)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(88.232.257.827)	(85.556.727.980)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		165.009.000.000	900.281.000.000
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(24.000.000)	-
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**1.828.883.045.291**	**1.143.944.274.540**
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(74.724.430.391)	(258.541.184.587)
22	Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác		(8.300.000.000)	30.000.000
23	Chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(3.974.581.028)	(455.906.389.990)
24	Thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		600.000.000	106.665.731.271
25	Chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(1.453.116.472.861)	(81.802.099.206)
26	Thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		118.374.172.067	10.116.000.000
27	Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		25.527.311.245	9.501.423.885
30	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư**		**(1.395.614.000.968)**	**(669.936.518.627)**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

Mã số		Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	2024 VND
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		414.284.400.000	830.254.742.000
33	Thu từ vay ngắn hạn, dài hạn	VII.3	1.046.119.292.209	484.325.689.987
34	Chi trả nợ gốc vay	VII.4	(1.594.368.255.615)	(1.772.220.761.360)
35	Chi trả nợ gốc thuê tài chính	VII.4	(21.474.933.885)	(3.495.086.748)
36	Chi trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu		-	(66.050.631)
40	**Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính**		**(155.439.497.291)**	**(461.201.466.752)**
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**277.829.547.032**	**12.806.289.161**
60	**Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm**	V.1	**308.933.876.437**	**296.127.587.276**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	
70	**Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm**	V.1	**586.763.423.469**	**308.933.876.437**

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Thay mặt Ban Tổng Giám đốc Tổng Giám đốc
NGUYỄN THANH HẢI	LÊ CÔNG NGHĨA	NGỌ TRƯỜNG NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400101965 do Sở Tài chính Thành phố Đà Nẵng (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng) cấp lần đầu ngày 24/06/2010; đăng ký thay đổi lần thứ 37 ngày 11/08/2025.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2025 là: 4.974.330.030.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại: Km11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

2. Hình thức kinh doanh

Thương mại, dịch vụ, xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ: hoạt động thu phí, thu cước đường bộ, quản lý khai thác, bảo trì, duy tu bảo dưỡng các công trình hầm đường bộ, đường cao tốc, các tuyến quốc lộ và các công trình hạ tầng giao thông khác, đảm bảo giao thông khi có thiên tai địch họa xảy ra trên địa bàn được giao, trừ hóa lỏng khí để vận chuyển, không bao gồm: các loại hình dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ mà doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không được phép cung ứng theo quy định của pháp luật (Mã ngành: 5225); vận tải hành khách đường bộ khác: kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định gồm: chuyên chở mô tô, xe máy, xe đạp cùng người điều khiển phương tiện đó và người đi bộ qua các hầm đường bộ, đường cao tốc bằng phương tiện chuyên dùng; kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt, không bao gồm: các loại hình dịch vụ vận tải hành khách đường bộ khác mà doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không được phép cung ứng theo quy định của pháp luật(Mã ngành: 4932); vận tải hàng hóa bằng đường bộ, hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt (Mã ngành: 4933, 5221); bốc xếp hàng hóa (Mã ngành: 5224); xây dựng nhà các loại (Mã ngành: 4101, 4102); xây dựng công trình đường sắt, công trình đường bộ, công trình điện, công trình cấp, thoát nước, công trình viễn thông, thông tin liên lạc, công trình thủy, công trình khai khoáng, công trình chế biến, chế tạo, công trình công ích khác và công trình kỹ thuật dân dụng khác (Mã ngành: 4211, 4212, 4221, 4222, 4223, 4229, 4291, 4292, 4293, 4299); phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng (Mã ngành: 4311, 4312); khai thác đá, cát, sỏi, đất sét và khai khoáng khác (Mã ngành: 0810, 0899);

In ấn và dịch vụ liên quan đến in (Mã ngành: 1811,1812); sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng, đồ gỗ xây dựng, sản phẩm dầu mỏ tinh chế, plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh, vật liệu xây dựng từ đất sét, bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao, sản xuất điện, sản phẩm điện tử dân dụng, các cấu kiện kim loại, các sản phẩm khác bằng kim loại và sản xuất khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành: 1104, 1622, 1920, 2013, 2392, 2395, 2511, 2599, 3511, 2640, 3290); gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại (Mã ngành: 2592);

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

3. Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)

Sửa chữa máy móc, thiết bị, thiết bị điện, các sản phẩm kim loại đúc sẵn và thiết bị khác (Mã ngành: 3311, 3312, 3314, 3319); lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp, lắp đặt hệ thống điện, hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí và hệ thống xây dựng khác (Mã ngành: 3320, 4321, 4322, 4329); hoàn thiện công trình xây dựng và hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (Mã ngành: 4330, 4390); bán buôn, bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác, bán lẻ ô tô con (Mã ngành: 4511, 4512, 4520); bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm, thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; kim loại và quặng kim loại, vật liệu và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, bán buôn bán lẻ chuyên doanh khác (Mã ngành: 4651, 4652, 4659, 4662, 4663, 4669, 4773); dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Mã ngành: 5510); nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Mã ngành: 5610); hoạt động chiếu phim và viễn thông khác (Mã ngành: 5914, 6190); lập trình, tư vấn, quản trị hệ thống, hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính (Mã ngành: 6201, 6202, 6209); cổng thông tin, xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (Mã ngành: 6311, 6312); kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Mã ngành: 6810); hoạt động kiến trúc, tư vấn quản lý và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Mã ngành: 7020, 7110); kiểm tra và phân tích kỹ thuật (Mã ngành: 7120);

Quảng cáo (Mã ngành: 7310); hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành: 7490); cho thuê xe có động cơ, máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển (Mã ngành: 7710, 7730); cung ứng và quản lý nguồn lao động, lao động tạm thời (Mã ngành: 7820, 7830); hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (Mã ngành: 7810); dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch (Mã ngành: 7990); dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn (Mã ngành: 8020); dịch vụ hỗ trợ tổng hợp (Mã ngành: 8110); vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt (Mã ngành: 8129); dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp, photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác (Mã ngành: 8211, 8219); hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi (Mã ngành: 8220); tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Mã ngành: 8230); hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Mã ngành: 8299); đào tạo sơ cấp (Mã ngành: 8531); đào tạo trung cấp (Mã ngành: 8532); đào tạo cao đẳng (Mã ngành: 8533); giáo dục khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành: 8559); dịch vụ hỗ trợ giáo dục (Mã ngành: 8560); hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu (Mã ngành: 8699); hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (Mã ngành: 9000).

4. Chu năm sản xuất kinh doanh thông thường

Chu năm sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ B 09 - DN/HN
Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

5. Cấu trúc Công ty:

Danh sách các Công ty con

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích 31.12.2025	Tỷ lệ lợi ích 01.01.2025	Tỷ lệ quyền biểu quyết 31.12.2025	Tỷ lệ quyền biểu quyết 01.01.2025
1	Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	278 Thụy Khê, phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	65,04%	65,03%	65,04%	65,03%
2	Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	32 Thạch Thị Thanh, phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	74,24%	73,41%	74,24%	73,41%
3	Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	278 Thụy Khê, phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	99,37%	99,37%	99,37%	99,37%

Danh sách công ty liên doanh, liên kết

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích 31.12.2025	Tỷ lệ lợi ích 01.01.2025	Tỷ lệ quyền biểu quyết 31.12.2025	Tỷ lệ quyền biểu quyết 01.01.2025
1	Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	278 Thụy Khê, phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	47,42%	47,34%	50,00%	50,00%
2	Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh	Số 320, Tổ 30, phường Nùng Trí Cao, tỉnh Cao Bằng, Việt Nam	42,31%	42,31%	40,00%	40,00%
3	Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	Thôn Lương Cang, phường Đô Vinh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam	38,00%	38,00%	38,00%	38,00%
4	Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị	Phòng số 311, Tầng 3, Khu văn phòng tòa CT2 Chung cư Ban Cơ Yếu Chính Phủ, đường Khuất Duy Tiến, phường Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam	31,60%	31,60%	31,60%	31,60%

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

5. Cấu trúc Công ty (tiếp theo)

Tóm tắt thông tin hoạt động của Các Công ty con và Công ty liên kết:

i. Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0106987957 ngày 11/09/2015; thay đổi lần thứ 22 do Sở Tài chính Thành phố Hà Nội (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội) cấp ngày 23/07/2025.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 110/BKHĐT-GCNĐKĐTTN cấp ngày 29/03/2016, điều chỉnh lần thứ nhất ngày 29/03/2016 về việc chấp thuận dự án đầu tư:
+ Dự án Đầu tư xây dựng công trình tuyến cao tốc Bắc Giang – TP. Lạng Sơn đoạn KM45+100 – KM108 + 500 kết hợp tăng cường mặt đường QL1 đoạn Km1 + 800 – Km 106 + 500, tỉnh Bắc Giang và tỉnh Lạng Sơn theo hình thức hợp đồng BOT.
+ Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án (theo GCNĐT BOT)

Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính:

+ Vốn chủ sở hữu:	1.645.470.000.000 VND
+ Vốn vay	10.543.195.000.000 VND
Tổng	12.188.665.000.000 VND

Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án.
Dự án vẫn tiếp tục hoàn thành và đang được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, thẩm tra phê duyệt giá trị quyết toán.
Nhà đầu tư được hưởng theo hợp đồng BOT là 11,5%/năm trong suốt dòng đời dự án. Thời gian thu phí còn lại theo phương án tài chính là 22 năm 8 tháng.
Vốn điều lệ thực tế góp của DNDA tại ngày 31/12/2025 là: 1.791.041.030.000 VND

ii. Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0104567756 ngày 05/04/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Đến nay Công ty đang hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 27 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 21/08/2025.
Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 47/BKHĐT-GCNĐKĐTTN/ĐC1 do Bộ KHĐT chứng nhận ngày 20/06/2017:
+ Dự án hầm đường bộ qua Đèo Cả (bao gồm Đèo Cả và hầm Cổ Mã, hầm Cù Mông và hầm Hải Vân)

Quyết định số 400/QĐ-BGTVT ngày 04/03/2019 về việc phê duyệt điều chỉnh phương án tài chính Dự án hầm đường bộ qua Đèo Cả (bao gồm Đèo Cả và hầm Cổ Mã, hầm Cù Mông và hầm Hải Vân);
Quyết định số 397/QĐ-BGTVT ngày 05/04/2024 về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh Dự án hầm đường bộ qua Đèo Cả (bao gồm Đèo Cả và hầm Cổ Mã, hầm Cù Mông và hầm Hải Vân) theo hình thức hợp đồng BOT;
Tổng mức đầu tư dự án theo Phụ lục 13 của Hợp đồng 26/HĐXD-DEOCA với Bộ Giao thông Vận tải ký ngày 06/08/2024 là 18.904 tỷ đồng.
Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính:

+ Vốn tự có:	1.749.864.583.000 VND
+ Vốn khác:	1.438.432.378.000 VND
+ Vốn vay	13.375.708.235.000 VND
+ Vốn Nhà nước hỗ trợ	5.048.002.979.000 VND
Tổng	21.612.008.175.000 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ B 09 - DN/HN
Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

5. Cấu trúc Công ty (tiếp theo)

ii. Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả (tiếp theo)

Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án.
Dự án đang được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, thẩm tra phê duyệt giá trị quyết toán.
Hợp đồng BOT này được nhà nước đảm bảo lợi nhuận nhà đầu tư suốt dòng đời dự án:
+ Hạng mục Hầm Đèo Cả: lợi nhuận nhà đầu tư được hưởng theo hợp đồng là 9,15%/năm trong suốt dòng đời dự án. Thời gian thu phí còn lại theo phương án tài chính là 19 năm 5 tháng;
+ Hạng mục trạm An Dân: lợi nhuận nhà đầu tư được hưởng theo hợp đồng là 9,15%/năm trong suốt dòng đời dự án. Thời gian thu phí còn lại theo phương án tài chính là 19 năm 5 tháng;
+ Hạng mục Hầm Cù Mông: lợi nhuận nhà đầu tư được hưởng theo hợp đồng là 9,15%/năm trong suốt dòng đời dự án. Thời gian thu phí còn lại theo phương án tài chính là 19 năm 5 tháng;
+ Hang mục Hầm Hải Vân 1 và Hầm Hải Vân 2: lợi nhuận nhà đầu tư được hưởng theo hợp đồng cho cả hai hầm là 11,5%/năm. Thời gian thu phí còn lại theo phương án tài chính là 19 năm 5 tháng.

Vốn điều lệ thực tế góp của DNDA tại ngày 31/12/2025 là: 2.354.036.400.000 VND

iii. Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0106205342 ngày 12/06/2013; thay đổi lần thứ 12 do Sở Tài chính Thành phố Hà Nội (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội) cấp ngày 10/07/2025.
Giấy chứng nhận đầu tư số 62/BKHĐT-GCNĐTTN ngày 17/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và đầu tư; điều chỉnh thay đổi lần thứ nhất ngày 17/08/2015:
+ Dự án Đầu tư xây dựng công trình hầm đường bộ Phước Tượng và Phú Gia, QL1A, tỉnh Thừa Thiên Huế;

Phụ lục Hợp đồng BOT số 07/11378/HĐ.BOT-BGTVT ngày 23/04/2021 giữa Bộ Giao thông vận tải và Liên danh Phước Tượng Phú Gia (Nhà đầu tư) – Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT về việc Dự án đầu tư xây dựng công trình Hầm đường bộ Phước Tượng Phú Gia, QL1A, tỉnh Thừa Thiên Huế:
+ Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án (theo GCNĐT BOT)

Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính: 1.559.231.104.000 VND

+ Vốn chủ sở hữu:	262.000.000.000 VND
+ Vốn vay:	1.297.231.104.000 VND

Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án.
Dự án đang được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, thẩm tra phê duyệt giá trị quyết toán.
Lợi nhuận nhà đầu tư suốt dòng đời dự án là 11,5%/năm. Thời gian thu phí còn lại theo phương án tài chính là 9 năm 10 tháng.
Vốn điều lệ thực tế góp của DNDA tại ngày 31/12/2025 là: 296.310.000.000 VND

iv. Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0106159826 ngày 22/04/2013. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 8 do Sở Tài chính thành phố Hà Nội (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội) cấp ngày 12/08/2025.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

5. Cấu trúc Công ty (tiếp theo)

iv. Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa (tiếp theo)

Giấy chứng nhận đầu tư số 60/BKHĐT-GCNĐTTN ngày 25/09/2013:
+ Dự án Đầu tư xây dựng mở rộng QL1 đoạn KM1374+525 - KM1392 & KM1405 - KM1425, tỉnh Khánh Hòa theo hình thức Hợp đồng BOT.

Quyết định 108/QĐ-BGTVT ngày 13/01/2016 về việc thu phí tại trạm thu phí Ninh An KM1425+200 Quốc lộ 1 để hoàn vốn cho dự án Đầu tư xây dựng công trình mở rộng QL1 đoạn KM1374+525 - KM1392 và KM1405 - KM1425+500, tỉnh Khánh Hòa theo hình thức hợp đồng BOT:
+ Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án (theo GCNĐT BOT)

Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính:	2.644.478.000.000 VND
+ Vốn chủ sở hữu:	339.447.800.000 VND
+ Vốn vay:	2.305.030.200.000 VND

Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án.
Dự án đang được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, thẩm tra phê duyệt giá trị quyết toán.
Lợi nhuận nhà đầu tư suốt dòng đời dự án là 11,5%/năm. Thời gian thu phí còn lại theo phương án tài chính là 11 năm 8 tháng.

Vốn điều lệ thực tế góp của DNDA tại ngày 31/12/2025 là:	305.000.000.000 VND

v. Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng – Trà Lĩnh

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 4800935176 ngày 18/12/2023. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 6 do Sở Tài chính tỉnh Cao Bằng (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cao Bằng) cấp ngày 24/12/2025.
+ Dự án Đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) – Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công tư (PPP) (giai đoạn 1);

Quyết định số 1212/QĐ-TTg ngày 10/08/2020 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công - tư;
Quyết định số 20/QĐ-TTg ngày 16/01/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công - tư;
Quyết định số 1199/QĐ-UBND ngày 15/09/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Cao Bằng phê duyệt dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công - tư (PPP) (giai đoạn 1);
Quyết định số 1629/QĐ-UBND ngày 27/11/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Cao Bằng phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) - Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng) theo hình thức đối tác công - tư (PPP) (giai đoạn 1);
+ Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án (theo GCNĐT BOT)

Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính:	
+ Vốn chủ sở hữu:	844.240.000.000 VND
+ Vốn vay:	3.687.380.000.000 VND
+ Vốn Ngân sách nhà nước:	9.800.000.000.000 VND
Tổng	14.331.620.000.000 VND

Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án.
Thời gian thi công xây dựng dự kiến theo PATC là từ ngày 19/12/2023 đến ngày 15/12/2026.
Thời gian thu phí dự kiến là 25 năm kể từ ngày dự án đi vào khai thác vận hành.

Vốn điều lệ thực tế góp của DNDA tại ngày 31/12/2025 là:	561.183.000.000 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ B 09 - DN/HN
Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

5. Cấu trúc Công ty (tiếp theo)

vi. Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm – Vĩnh Hảo

Là doanh nghiệp được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu số 0316685416 ngày 21/01/2021. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 07 do Sở Tài chính tỉnh Khánh Hòa (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận) cấp ngày 28/07/2025.
+ Dự án: Đầu tư xây dựng đoạn Cam Lâm - Vĩnh Hảo thuộc dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông gian đoạn 2017-2020 theo hình thức hợp đồng BOT.
+ Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án (theo GCNĐT BOT)

Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính:	
+ Vốn chủ sở hữu:	1.030.000.000.000 VND
+ Vốn vay:	2.756.200.000.000 VND
+ Vốn ngân sách Nhà nước:	5.139.280.000.000 VND
Tổng	8.925.480.000.000 VND

Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án.
Lợi nhuận nhà đầu tư suốt dòng đời dự án là 9,99%/năm. Thời gian thu phí còn lại theo phương án tài chính là 15 năm 5 tháng.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2025:	1.030.000.000.000 VND

vii. Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0108311466 ngày 05/06/2018. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13 do Sở Tài chính thành phố Hà Nội (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội) cấp ngày 05/08/2025.
+ Dự án Đầu tư xây dựng thành phần 2: Tuyến cao tốc từ cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng (Km1+800-Km44+749,67), tỉnh Lạng Sơn

Tuyến cao tốc Cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng được đầu tư xây dựng theo Quyết định số 1833/QĐ-BGTVT ngày 14/06/2016 của Bộ Giao thông vận tải. UBND tỉnh Lạng Sơn phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án tại các quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 09/08/2018 và quyết định số 2018/QĐ-UBND ngày 15/10/2018.
Quyết định số 645/QĐ-UBND ngày 05/04/2019 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt điều chỉnh Phương án tài chính của Dự án thành phần 2 thuộc Dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn đoạn KM1+800-KM108+500, kết hợp tăng cường mặt đường QL1 đoạn KM1+800-KM106+500, tỉnh Bắc Giang và tỉnh Lạng Sơn theo hình thức hợp đồng BOT.
+ Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án (theo GCNĐT BOT)

Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính:	8.743.000.000.000 VND
+ Vốn chủ sở hữu:	1.749.000.000.000 VND
+ Vốn vay:	6.994.000.000.000 VND

Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án

Vốn điều lệ thực tế góp của DNDA tại ngày 31/12/2025 là:	105.000.000.000 VND

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

5. Cấu trúc Công ty (tiếp theo)

Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp Thi công Xây lắp Công trình	Đường dẫn hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Xí nghiệp Sản xuất Dịch vụ Thương mại Hải Vân	Đường dẫn hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Xí nghiệp Quản lý, Vận hành Hầm đường bộ Hải Vân	Đường dẫn hầm Hải Vân, phường Hải Vân, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Xí nghiệp Quản lý, Vận hành Hầm đường bộ Đèo Cả	Thôn Hảo Sơn, xã Hòa Xuân, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
Xí nghiệp Quản lý, Vận hành Hầm đường bộ Cù Mông	Thôn Long Thạnh, xã Xuân Lộc, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
Xí nghiệp Quản lý, Vận hành Đường cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn	Km 81+140, Tuyến cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn, xã Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam
Xí nghiệp Quản lý, Vận hành Đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận	Ấp Tân Phong, xã Tân Phú, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam
Xí nghiệp Quản lý, Vận hành Đường cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	Thôn Lương Cang 2, phường Đô Vinh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Xí nghiệp Quản lý, Vận hành Đường cao tốc Tam Điệp - Diễn Châu	Thôn Thọ Lộc, xã Tống Sơn, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam
Xí nghiệp Quản lý, Vận hành Đường cao tốc Vũng Áng - Bùng	Thôn Lạc Thắng, xã Kỳ Lạc, tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam
Xí nghiệp Quản lý, Vận hành Đường cao tốc Quảng Ngãi – Hoài Nhơn	Khu phố An Đỗ, phường Hoài Nhơn Bắc, tỉnh Gia Lai, Việt Nam
Xí nghiệp Quản lý, Vận hành Đường cao tốc Chí Thạnh – Vân Phong	Thôn Tuy Dương, xã Ô Loan, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam
Văn phòng đại diện tại Thành phố Hà Nội	278 Thụy Khuê, phường Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh	32 Thạch Thị Thanh, phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

6. Danh sách các Công ty đầu tư khác

i. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0401777280 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 13/07/2016. Đến nay Công ty đang hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 20 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 21/07/2025.
Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng.
Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2025 là: 829.800.000.000 VND

ii. Công ty TNHH Hạ tầng Đô Thị Đèo Cả

Công ty TNHH Hạ tầng Đô thị Đèo Cả có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0111279935 ngày 11/11/2025. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 1 do Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp ngày 18/12/2025.
Ngành nghề kinh doanh: Xây dựng công trình đường bộ
Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2025 là: 4.500.000.000.000 VND

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ B 09 - DN/HN
Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm kế toán Công ty có 1.387 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 1.285 nhân viên).

II. NĂM KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư văn bản hướng dẫn bổ sung.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

a) Tỷ giá đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm

Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại;

Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
+ Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.
+ Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động được áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định bằng tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

a) Tỷ giá đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm

+ Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

b) Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất;

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhấtvà số chênh lệch còn lại sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

Doanh nghiệp không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a) Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không năm hạn và tiền đang chuyển.

b) Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác.
Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất theo nguyên tắc như sau:
- Các khoản đầu tư có năm hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc dưới 1 năm sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản đầu tư có năm hạn thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc 1 năm sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (tiếp theo)

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có năm hạn (thời gian thu hồi trên 3 tháng), tín phiếu, năm phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng năm và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất . Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

b) Các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết

Công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Công ty. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Phương pháp kế toán mua được Công ty sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua.

Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông không kiểm soát. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, khi xác định lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua giá rẻ, giá phí khoản đầu tư vào công ty con được tính là tổng của giá phí tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày công ty mẹ kiểm soát công ty con.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Công ty được loại trừ khi hợp nhất.

Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Công ty áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

b) Các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết (tiếp theo)

Nghiệp vụ và lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Công ty áp dụng chính sách cho các nghiệp vụ đối với cổ đông không kiểm soát giống như nghiệp vụ với các bên không thuộc Công ty.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Công ty trong công ty con dẫn đến việc mất quyền kiểm soát đối với công ty con, thì chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Phần sở hữu còn lại trong công ty này sẽ được hạch toán như một khoản đầu tư tài chính thông thường hoặc kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ khi công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát công ty con.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Khoản đầu tư của Công ty vào công ty liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản giảm giá tài sản lũy kế.

Lợi nhuận của Công ty được chia sau khi đầu tư vào các công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư vào các công ty liên kết được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khi phần lỗ trong liên kết bằng hoặc vượt quá lợi ích của Công ty trong các công ty liên kết, Công ty sẽ không ghi nhận khoản lỗ vượt đó trừ khi đã phát sinh nghĩa vụ hoặc đã thanh toán hộ cho các công ty liên kết.

Các chính sách kế toán của các bên liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Công ty áp dụng.

Các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ giữa Công ty với các bên liên kết sẽ được loại trừ tới mức tương ứng với phần lợi ích của Công ty trong các bên liên kết theo quy định kế toán hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ B 09 - DN/HN
Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

c) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác là khoản đầu tư vào công cụ vốn khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban tổng giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối năm kế toán.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào đơn vị khác được lập vào cuối năm kế toán khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong năm. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

4. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con hay công ty liên kết tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con được coi là một loại tài sản, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó nhưng không quá 10 năm.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua khoản đầu tư vào công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư tại thời điểm mua. Công ty không phân bổ dần khoản lợi thế thương mại này.

Khi bán khoản đầu tư vào công ty con hoặc công ty liên kết, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Công ty đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con định năm hàng năm. Lợi thế thương mại được ghi nhận theo giá vốn trừ khấu hao lũy kế trừ tổn thất lợi thế thương mại lũy kế. Nếu có bằng chứng cho thấy phần giá trị lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

5. Nguyên tắc các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản nợ phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản nợ phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo năm hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ"), thuê tài chính, bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do xây dựng bao gồm: chi phí đền bù và giải phóng mặt bằng, chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng, chi phí khác và lãi vay được vốn hóa theo chuẩn mực kế toán số 16. Chi phí hình thành nguyên giá tài sản cố định liên quan đến Dự án BOT, BT.

- Nguyên giá TSCĐ hình thành từ dự án BOT:

Tài sản cố định được tạm ghi nhận tăng nguyên giá từ khi có kết quả của Hội đồng nghiệm thu Nhà nước về việc thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu đưa vào khai thác, sử dụng. Chất lượng hạng mục cơ bản đáp ứng yêu cầu thiết kế được duyệt, các tiêu chuẩn áp dụng và các chỉ dẫn kỹ thuật của Dự án đủ điều kiện thông xe kỹ thuật đưa vào khai thác, sử dụng.
Công ty sẽ điều chỉnh việc ghi nhận Nguyên giá khi hoàn thành việc quyết toán các hạng mục với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

- Khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định hữu hình (ngoại trừ TSCĐ hình thành từ dự án đầu tư theo hình thức Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (B.O.T)) được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ, Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ B 09 - DN/HN
Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ"), thuê tài chính, bất động sản đầu tư (tiếp theo)

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng đối với tài sản cố định không hình thành từ dự án BOT. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	03 – 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 – 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 – 10 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 05 năm
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không tính khấu hao
- Tài sản cố định khác	10 năm

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Bất động sản đầu tư được trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty, trừ trường hợp BĐS đầu tư chờ tăng giá thì không trích khấu hao mà xác định giá trị tổn thất do giảm giá trị.

Khấu hao đối với tài sản hình thành từ dự án BOT, BT:

Đối với dự án đầu tư theo hình thức Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (B.O.T), thời gian trích khấu hao TSCĐ được xác định là thời gian khai thác hoàn vốn đầu tư của chủ đầu tư tại dự án. Việc trích khấu hao TSCĐ hình thành từ dự án theo tỷ lệ tương ứng với doanh thu hàng năm phù hợp với thời gian khai thác thu phí hoàn vốn của dự án (tương tự như phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm). Việc xác định giá trị TSCĐ hình thành từ dự án thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng cơ bản.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang đang trong quá trình thực hiện dự án được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc. Chi phí này bao gồm: Chi phí đền bù và giải phóng mặt bằng, chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng, chi phí khác và chi phí lãi vay được vốn hóa theo quy định Chuẩn mực 16 - Chi phí lãi vay thực tế phát sinh trong năm và được ghi nhận lũy kế từ khi Dự án được triển khai thực hiện theo quyết định của Bộ Giao thông Vận tải phê duyệt đối với Dự án BOT và Hợp đồng BOT được ký giữa Bộ Giao thông vận tải và doanh nghiệp dự án.

9. Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng xây dựng – kinh doanh – chuyển giao (B.O.T)

Hợp đồng xây dựng – chuyển giao – kinh doanh (sau đây gọi tắt là hợp đồng B.O.T) là hình thức đầu tư được ký giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nhà đầu tư để xây dựng công trình kết cấu hạ tầng; sau khi xây dựng xong, nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án được quyền kinh doanh công trình trong một thời hạn nhất định; hết thời hạn, nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án chuyển giao công trình đó cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

10. Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của các bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Bên nhận tài sản các bên đóng góp cho hoạt động BCC kế toán khoản này là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. BCC có các hình thức sau:

- BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát;
- BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát;
- BCC theo chia lợi nhuận sau thuế.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

11. Nguyên tắc ghi nhận thuế TNDN hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng năm kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng năm hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng năm kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính hợp nhấttheo nguyên tắc như sau:
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

13. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả

Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:
- Có thời hạn thanh toán không quá 12 tháng được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 12 tháng được phân loại là nợ dài hạn.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm phát sinh giao dịch.

14. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng khế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

15. Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ B 09 - DN/HN
Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

16. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong năm nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Việc trích trước chi phí phải trả phải được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước chủ yếu bao gồm số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm kế toán về cho thuê tài sản. Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai.

18. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Khoản tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu vượt quá mệnh giá được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ các ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư cổ phần.

- Mua lại và tái phát hành cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu phổ thông đã phát hành khi Công ty mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Giá trị của cổ phiếu quỹ ghi giảm vốn chủ sở hữu bao gồm giá mua lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua cổ phiếu quỹ.

Khi cổ phiếu quỹ được bán ra (tái phát hành cổ phiếu quỹ), giá vốn của cổ phiếu quỹ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Khoản chênh lệch giữa giá bán cổ phiếu quỹ và giá vốn của cổ phiếu quỹ được ghi nhận vào tài khoản Thặng dư vốn cổ phần.

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

18. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối (tiếp theo)

Các công ty con thực hiện tạm ứng lợi nhuận đã cam kết cho các Cổ đông theo phương án tài chính đã được phê duyệt trong hợp đồng BOT dựa vào dòng tiền thực tế thu được thay vì lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

c) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

d) Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo một trong hai trường hợp sau:

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định tại ngày lập Báo cáo;

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu ghi nhận tương đương chi phí đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

e) Doanh thu phí giao thông

Doanh thu từ hoạt động thu phí giao thông đường bộ trong giai đoạn thu phí được ghi nhận dựa trên doanh số bán vé đường bộ, cầu đường bộ, hầm đường bộ theo mức phí được Nhà nước quy định áp dụng trên mỗi tuyến đường bộ, hầm đường bộ, cầu đường bộ nhất định mà Công ty được phép thu để hoàn vốn đầu tư các dự án B.O.T.

f) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

g) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

h) Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn

Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chỉ được chuyển giao cho người mua khi hoàn thành giao dịch mua bán (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc hoàn thành hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

i) Thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

20. Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:
- Điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;
- Điều chỉnh giảm doanh thu như sau nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:
  + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất;
  + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau năm lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản Công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

21. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong năm và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

22. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

Đối với các dự án BOT, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay tài trợ vốn cho dự án BOT trong giai đoạn vận hành được phân bổ theo tỷ lệ giữa doanh thu thu phí phát sinh trong năm và doanh thu theo phương án tài chính của dự án BOT, căn cứ theo Công văn số 2310/TCDN-VP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài Chính được áp dụng từ năm tài chính 2020. Giá trị chênh lệch giữa chi phí đi vay phát sinh và chi phí đi vay được phân bổ vào kết quả hoạt động trong năm sẽ được ghi nhận vào chi phí trả trước, giá trị này được phân bổ vào các năm tiếp theo.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

22. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính (tiếp theo)

Công thức tính chi phí lãi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay tài trợ vốn cho dự án BOT trong năm:

$$\text{Chi phí lãi vay trong năm} = \frac{\text{Tổng chi phí lãi vay theo phương án tài chính}}{\text{Tổng doanh thu theo phương án tài chính}} \times \text{Doanh thu thực hiện trong năm}$$

Tỷ lệ phân bổ hiện nay của Dự án Hầm Đèo Cả – Cổ Mã – Cù Mông – Hải Vân là 45,54%; Dự án Cao tốc Bắc Giang – Lạng Sơn là 29,75%; Dự án Hầm đường bộ Phước Tượng và Phú Gia là 35,5%.

23. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của Công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý Công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác.

24. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

24. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (tiếp theo)

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần chênh lệch tạm thời chưa được khấu trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN trên báo cáo công ty do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai cũng như khả năng khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm tính thuế tiếp theo tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất .

25. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

26. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

27. Công cụ tài chính

a) Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm:

- Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;

- Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường;

- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có năm đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn;

- Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

27. Công cụ tài chính (tiếp theo)

a) Tài sản tài chính (tiếp theo)

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu tài sản tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua, phát hành.

b) Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm:

- Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là nợ phải trả được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;

- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Việc phân loại nợ phải trả tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu tất cả nợ phải trả tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Công cụ vốn Chủ sở hữu (CSH): Là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính: Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ **B 09 - DN/HN**
Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31.12.2025 VND	01.01.2025 VND
Tiền mặt	1.653.542.893	1.430.540.057
Tiền gửi ngân hàng	444.299.002.976	185.659.618.968
Tiền đang chuyển	169.896.000	281.170.000
Các khoản tương đương tiền	140.640.981.600	121.562.547.412
Cộng	**586.763.423.469**	**308.933.876.437**

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31.12.2025		01.01.2025	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn	**14.567.111.018**	**14.567.111.018**	**6.432.529.990**	**6.432.529.990**
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	14.567.111.018	14.567.111.018	6.432.529.990	6.432.529.990
Dài hạn	**15.000.000.000**	**15.000.000.000**	**17.000.000.000**	**17.000.000.000**
Tiền gửi có kỳ hạn	15.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000
Trái phiếu	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000
Cộng	**29.567.111.018**	**29.567.111.018**	**23.432.529.990**	**23.432.529.990**

(*) Khoản tiền gửi có năm hạn trên 3 tháng tại Ngân hàng Vietinbank với lãi suất 3,2%/năm, Ngân hàng TPbank với lãi suất 3,7%/năm và Ngân hàng Vpbank với lãi suất 6%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ
Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, Phường Hải Vân, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Tại ngày 31.12.2025 VND	Lãi từ giao dịch mua giá rẻ VND	Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) VND	Phân chia lãi (lỗ) từ các công ty liên doanh liên kết VND	Tại ngày 01.01.2025 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	484.850.084.287	-	(10.000.000.000)	25.686.765.358	469.163.318.929
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm – Vĩnh Hảo	475.137.936.915	-	-	65.213.508.379	409.924.428.536
Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh (i)	224.473.200.000	-	204.473.200.000	-	20.000.000.000
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị (ii)	32.392.321.475	-	(12.324.000.000)	(313.662.725)	45.029.984.200
Cộng	**1.216.853.542.677**	**-**	**182.149.200.000**	**90.586.611.012**	**944.117.731.665**

(i) Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng – Trà Lĩnh đã hoàn tất thủ tục tăng vốn điều lệ từ 50.000.000.000 VND lên 561.183.000.000 theo Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐQT ngày 25/04/2025 và Nghị quyết số 18/2025/NQ-HĐQT ngày 19/12/2025 về việc thông qua kết quả chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu.

(ii) Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị đã hoàn tất thủ tục giảm vốn điều lệ từ 144.000.000.000 VND xuống 105.000.000.000 VND theo Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/01/2025 và Nghị quyết số 06/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/07/2025 về việc giảm vốn điều lệ do hoàn trả một phần vốn góp cho các cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của các cổ đông và sửa đổi điều lệ.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (tiếp theo)

Đối với dự phòng khoản đầu tư vào các doanh nghiệp đặc thù (doanh nghiệp BOT): Công ty không trích dự phòng tổn thất đầu tư đối với các khoản đầu tư vào doanh nghiệp thực hiện dự án BOT, do hợp đồng BOT đảm bảo toàn vốn và lãi trên vốn của Nhà đầu tư tham gia dự án theo thỏa thuận hợp đồng BOT được ký kết giữa nhà đầu tư và Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong suốt thời gian hoạt động của dự án.

c) Đầu tư vào công ty khác

	31.12.2025			01.01.2025		
	Giá trị đầu tư VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá trị đầu tư VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	127.500.000.000	-	-	127.500.000.000	-	-
Công ty TNHH Hạ tầng đô thị Đèo Cả (*)	800.000.000.000					
Cộng	**927.500.000.000**	**-**	**-**	**127.500.000.000**	**-**	**-**

(*) Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả đã hoàn tất thủ tục góp vốn đầu tư vào Công ty TNHH Hạ tầng đô thị Đèo Cả với số tiền 800.000.000.000 VND theo phương án đã được Hội đồng quản trị thông qua tại Nghị quyết số 49/2025/NQ-HĐQT ngày 07/11/2025 và Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐQT ngày 08/12/2025.

Do các công ty này chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán, nên giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào các công ty này chưa thể xác định được để trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

3. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31.12.2025 VND	01.01.2025 VND
Bên liên quan	**504.684.762.510**	**381.952.072.308**
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	254.985.126.957	213.453.819.549
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm -Vĩnh Hảo	150.975.053.554	144.798.132.784
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	41.336.182.831	637.938.182
Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh	34.322.956.453	-
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	15.636.663.282	13.546.846.197
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	6.697.801.295	6.579.672.295
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả	730.978.138	2.935.663.301
Bên khác	**306.161.806.435**	**247.066.807.494**
Ban Quản lý dự án 2	84.047.718.395	96.874.868.008
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	65.791.060.046	47.114.285.311
Ban Quản lý các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng ưu tiên Thành phố Đà Nẵng	18.254.009.000	15.744.869.000
Công ty TNHH Đồng Thuận Hà	12.880.620.346	12.880.620.346
Công ty TNHH Xây dựng Đồng Khánh	10.639.781.688	2.718.973.862
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường 19	5.159.490.529	5.159.490.529
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	5.082.418.376	5.082.418.376
Công ty Quản lý và Sửa chữa Đường bộ Đắk Lắk	3.399.652.533	3.399.652.533
Đối tượng khác	100.907.055.522	58.091.629.529
Cộng	**810.846.568.945**	**629.018.879.802**

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

a) Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31.12.2025 VND	01.01.2025 VND
Bên khác	**56.910.023.595**	**57.462.034.796**
Công ty Cổ phần Tập đoàn Quốc tế Đông Á	14.359.029.400	14.359.029.400
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ & Đầu tư Xây dựng Lê Gia	13.859.837.000	14.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình Tây An	7.581.804.304	7.581.804.304
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Duy Hải	422.237.833	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Ô tô và Xe chuyên dụng Việt Nam	5.992.200.000	5.992.200.000
Đối tượng khác	14.694.915.058	29.515.001.092
Cộng	**56.910.023.595**	**57.462.034.796**

b) Trả trước cho người bán dài hạn

	31.12.2025 VND	01.01.2025 VND
Bên khác	**360.723.660.592**	**310.095.234.962**
Tổng Công ty Đầu tư Xây dựng Hoàng Long - Công ty Cổ phần	158.149.293.779	100.000.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Ngầm	94.082.320.759	94.082.320.759
Ban Quản lý Dự án 85	22.607.969.484	22.607.969.484
Công ty Cổ phần Đầu tư Nắng Ban Mai	15.247.718.241	15.247.718.241
Công ty TNHH Minh Phát	11.899.747.000	11.899.747.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	9.381.606.667	9.381.606.667
Ban QLDA ĐTXD tỉnh Lạng Sơn	8.575.350.000	8.575.350.000
Tổng công ty Xây dựng Công trình Giao thông 8 - CTCP	7.176.702.514	7.176.702.514
Đối tượng khác	33.602.952.148	41.123.820.297
Cộng	**360.723.660.592**	**310.095.234.962**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ B 09 - DN/HN
Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

5. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	31.12.2025 VND	01.01.2025 VND
Bên khác		
Công ty Cổ phần IDC Đông Dương (i)	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại COMA 25 (ii)	4.000.000.000	3.000.000.000
Cộng	**7.000.000.000**	**6.000.000.000**

(i) Khoản cho Công ty Cổ phần IDC Đông Dương vay với lãi suất 9,5%/năm, thời hạn vay 11 tháng kể từ khi được nhận khoản vay đầu tiên.

(ii) Khoản cho Công ty Cổ phần Xây lắp và Thương mại COMA 25 vay với lãi suất 8,5% - 9,5%/năm, thời hạn vay 11 tháng kể từ khi được nhận khoản vay đầu tiên.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

6. PHẢI THU KHÁC

a) Phải thu khác ngắn hạn

	31.12.2025		01.01.2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Tạm ứng	**70.206.037.805**	**-**	**62.597.646.331**	**-**
Ký cược, ký quỹ	**4.271.861.373**	**-**	**1.261.669.373**	**-**
Bên liên quan	**100.000.000**	**-**	**100.000.000**	**-**
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	100.000.000	-	100.000.000	-
Bên khác	**4.171.861.373**	**-**	**1.161.669.373**	**-**
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam	2.622.675.000	-	-	-
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	964.969.373	-	687.819.373	-
Công ty Cho Thuê Tài Chính TNHH BIDV - Sumi Trust Chi nhánh Đà Nẵng	473.850.000	-	473.850.000	-
Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu - Chi nhánh Đà Nẵng	110.367.000	-	-	-
Tạm ứng chi phí giải phóng mặt bằng	**19.172.103.508**	**-**	**9.151.922.878**	**-**
Bên khác	**19.172.103.508**	**-**	**9.151.922.878**	**-**
BQLDA các Công trình Trọng điểm - UBND tỉnh Khánh Hòa	4.919.720.000	-	4.919.720.000	-
Đối tượng khác	14.252.383.508	-	4.232.202.878	-
Các khoản khác	**236.630.484.528**	**873.033.836**	**126.030.869.273**	**873.033.836**
Bên liên quan	**12.682.778.880**	**-**	**91.092.934.288**	**-**
Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh	6.422.000.000	-	64.302.099.206	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	6.008.780.880	-	23.875.003.994	-
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm -Vĩnh Hảo	-	-	2.663.833.088	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	251.998.000	-	251.998.000	-
Bên khác	**223.947.705.648**	**873.033.836**	**34.937.934.985**	**873.033.836**
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả (*)	206.834.922.576	-	6.817.486.960	-
Công ty Cổ phần Xây Dựng Công Trình Ngầm	3.070.496.900	-	3.070.496.900	-
Đối tượng khác	14.042.286.172	873.033.836	25.049.951.125	873.033.836
Cộng	**330.280.487.214**	**873.033.836**	**199.042.107.855**	**873.033.836**

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

6. PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

a) Phải thu khác ngắn hạn (tiếp theo)

(*) Khoản nhận chuyển nhượng cổ phần từ Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả theo Nghị quyết số 20/2025/NQ-HĐQT ngày 29/07/2025 về việc tăng tỷ lệ góp vốn đầu tư vào dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Cam Lâm – Vĩnh Hảo, tương đương giá trị đầu tư tối đa là 200.000.000.000 VND.

b) Phải thu khác dài hạn

	31.12.2025		01.01.2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ký cược, ký quỹ	**2.147.020.000**	**-**	**2.157.503.000**	**-**
Phải thu tạm ứng cổ tức (*)	**63.539.183.468**	**-**	**74.538.955.074**	**-**
Bên liên quan	**38.015.562.045**	**-**	**44.608.004.491**	**-**
Công ty Cổ phần BOT Hưng Phát	38.015.562.045	-	44.608.004.491	-
Bên khác	**25.523.621.423**	**-**	**29.930.950.583**	**-**
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Hà Thành	25.421.172.372	-	29.775.842.388	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Việt Thành	102.449.051	-	155.108.195	-
Hợp tác kinh doanh	**122.356.951.259**	**-**	**514.088.408.736**	**-**
Bên liên quan	**122.356.951.259**	**-**	**514.088.408.736**	**-**
Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh (**)	81.517.000.000	-		
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo (***)	40.839.951.259	-	514.088.408.736	
Các khoản khác	**39.296.055.062**	**-**	**39.286.395.062**	**-**
Bên khác	**39.296.055.062**	**-**	**39.286.395.062**	**-**
Phải thu tiền sửa chữa, bảo hành các dự án	13.922.159.406	-	13.922.159.406	-
Trung tâm phát triển quỹ đất và Cụm công nghiệp huyện Lạng Giang	12.301.719.456	-	12.301.719.456	-
Trung tâm phát triển quỹ đất và Cụm công nghiệp thành phố Bắc Giang	207.596.463	-	5.033.084.500	-
Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Chi Lăng	4.860.513.038	-	4.860.513.038	-
Khác	8.004.066.699	-	3.168.918.662	-
Cộng	**227.339.209.789**	**-**	**630.071.261.872**	**-**

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

6. PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

b) Phải thu khác dài hạn (tiếp theo)

(*) Đây là khoản phải thu tạm ứng cổ tức của Công ty con – Công ty Cổ phần BOT Phước Tượng Phú Gia.

(**) Căn cứ theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2024/HĐHT/BOT DDTL – HHV ngày 24/12/2024 và Phụ lục hợp đồng số 01/2025/PLHDHT/BOT DDTL – HHV ngày 17/03/2025 giá trị khoản hợp tác đầu tư của Công ty cho Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng – Trà Lĩnh là 178.000.000.000 VND, tương đương 1,261% tổng mức đầu tư dự án.

(***) Căn cứ theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2023/HĐHTKD/BOT CLVH - HHV ngày 20/09/2023 và Phụ lục hợp đồng số 03-01/HĐHTKD/BOT CLVH-HHV ngày 18/06/2024 giá trị khoản hợp tác đầu tư của Công ty cho Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm – Vĩnh Hảo tối đa là 474.000.000.000 VND. Thời hạn hợp tác kinh doanh tối đa theo thời gian thu phí của dự án, tạm tính là 17 năm kể từ ngày dự án bắt đầu thu phí BOT. Công ty được hưởng phân chia lợi nhuận tương đương với tỷ suất lợi nhuận của nguồn vốn huy động khác quy định trong hợp đồng BOT dự án (tạm tính 10,33%/năm).

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

7. NỢ XẤU

Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	31.12.2025			01.01.2025		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Phải thu khách hàng	**11.035.892.482**	**-**	**(11.035.892.482)**	**11.035.892.482**	**-**	**(11.035.892.482)**
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường 19	5.159.490.529	-	(5.159.490.529)	5.159.490.529	-	(5.159.490.529)
Công ty Quản lý và Sửa chữa Đường bộ Đắk Lắk	3.399.652.533	-	(3.399.652.533)	3.399.652.533	-	(3.399.652.533)
Đối tượng khác	2.476.749.420	-	(2.476.749.420)	2.476.749.420	-	(2.476.749.420)
Trả trước cho người bán	**1.301.620.413**	**-**	**(1.301.620.413)**	**1.301.620.413**	**-**	**(1.301.620.413)**
Công ty Cổ phần Nhà thép Tiền chế Chí Việt	673.571.100	-	(673.571.100)	673.571.100	-	(673.571.100)
Đối tượng khác	628.049.313	-	(628.049.313)	628.049.313	-	(628.049.313)
Phải thu ngắn hạn khác	**873.033.836**	**-**	**(873.033.836)**	**873.033.836**	**-**	**(873.033.836)**
Cục Quản lý Đường bộ III	837.818.000	-	(837.818.000)	837.818.000	-	(837.818.000)
Đối tượng khác	35.215.836	-	(35.215.836)	35.215.836	-	(35.215.836)
Cộng	**13.210.546.731**	**-**	**(13.210.546.731)**	**13.210.546.731**	**-**	**(13.210.546.731)**

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

8. HÀNG TỒN KHO

	31.12.2025		01.01.2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	32.161.463.979	-	42.215.764.593	-
Nguyên liệu, vật liệu	12.516.291.990	-	25.239.694.608	-
Công cụ, dụng cụ	203.668.292	-	209.983.054	-
Hàng hóa, thành phẩm	33.485.448	-	49.492.375	-
Cộng	**44.914.909.709**	**-**	**67.714.934.630**	**-**

(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang liên quan đến chi phí của các công trình xây lắp chưa hoàn thành.
- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: Không có
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: Không có

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31.12.2025 VND	01.01.2025 VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	19.979.728.817	18.578.962.390
Cộng	**19.979.728.817**	**18.578.962.390**

b) Chi phí trả trước dài hạn

	31.12.2025 VND	01.01.2025 VND
Lãi vay chờ phân bổ	8.625.813.570.039	7.753.056.874.955
Chi phí sửa chữa trung tu mặt đường	814.484.182	1.733.867.761
Các khoản khác	5.101.739.336	6.927.067.479
Cộng	**8.631.729.793.557**	**7.761.717.810.195**

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Thiết bị quản lý VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2025	**29.929.364.775.195**	**78.815.384.199**	**42.758.909.221**	**96.593.821.853**	**30.147.532.890.468**
Số tăng trong năm	**39.985.876.086**	**55.809.520.858**	**-**	**12.154.408.593**	***107.949.805.537***
Mua trong năm	22.740.125.615	55.809.520.858	-	12.154.408.593	90.704.055.066
Đầu tư XDCB hoàn thành	17.245.750.471	-	-	-	17.245.750.471
Số giảm trong năm	**35.408.826.499**	**-**	***141.445.455***	**-**	***35.550.271.954***
Thanh lý, nhượng bán	5.218.100.669	-	141.445.455	-	5.359.546.124
Giảm khác	30.190.725.830	-	-	-	30.190.725.830
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	**29.933.941.824.782**	**134.624.905.057**	**42.617.463.766**	**108.748.230.446**	**30.219.932.424.051**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2025	**2.238.727.149.999**	**33.625.465.744**	**27.536.192.857**	**61.691.580.534**	**2.361.580.389.134**
Số tăng trong năm	***402.687.359.748***	***10.540.932.454***	***3.178.073.132***	***7.930.004.971***	***424.336.370.305***
Khấu hao trong năm	402.687.359.748	10.540.932.454	3.178.073.132	7.930.004.971	424.336.370.305
Số giảm trong năm	***1.965.581.585***	**-**	***141.445.455***	**-**	***2.107.027.040***
Thanh lý, nhượng bán	1.965.581.585	-	141.445.455	-	2.107.027.040
Giảm khác	-	-	-	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	**2.639.448.928.162**	**44.166.398.198**	**30.572.820.534**	**69.621.585.505**	**2.783.809.732.399**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2025	**27.690.637.625.196**	**45.189.918.455**	**15.222.716.364**	**34.902.241.319**	**27.785.952.501.334**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	**27.294.492.896.620**	**90.458.506.859**	**12.044.643.232**	**39.126.644.941**	**27.436.122.691.652**

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (tiếp theo)

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 26.583.012.549.137 VND
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 82.623.451.140 VND

Nguyên giá tạm tính của tài sản hình thành từ dự án BOT như sau:

Nguyên giá tạm tính của Dự án đầu tư xây dựng hầm đường bộ qua Đèo Cả:

- Hạng mục hầm Cổ Mã và đường dẫn là 2.992.880.835.815 VND;
- Hạng mục hầm Đèo Cả là 6.220.196.483.721 VND;
- Hạng mục hầm Cù Mông là 2.899.493.719.951 VND;
- Hạng mục hầm Hải Vân là 5.157.961.026.372 VND.

Nguyên giá tạm tính của dự án hạng mục tuyến cao tốc Bắc Giang – Tp. Lạng Sơn đoạn KM45+100 – KM 108 + 500 là 10.418.774.500.843 VND.

Nguyên giá tạm tính của dự án Hầm đường bộ Phước Tượng và Phú Gia, QL1A, tỉnh Thừa Thiên Huế là 1.382.180.765.104 VND.

- Đối với dự án đầu tư theo hình thức Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (B.O.T) thời gian trích khấu hao tài sản cố định được xác định là thời gian khai thác hoàn vốn đầu tư của chủ đầu tư tại dự án. Việc trích khấu hao tài sản cố định hình thành từ dự án theo tỷ lệ tương ứng với doanh thu hàng năm phù hợp với thời gian khai thác thu phí hoàn vốn của dự án (tương tự như phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm).
- Nguyên giá tài sản cố định hình thành từ nguồn vốn nhà nước hỗ trợ chờ quyết toán với nguyên giá tạm tính là: 4.058.170.835.815 VND (nguyên giá này không trích khấu hao). Trong đó:
  + Hạng mục hầm Cổ Mã (không gồm GPMB, TĐC) là 2.992.880.835.815 VND;
  + Hạng mục hầm Đèo Cả (Phần vốn NSNN) là 1.065.290.000.000 VND.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2025	**5.918.181.818**	**11.796.594.556**	**17.714.776.374**
Số tăng trong năm	***8.870.370.370***	***21.956.002.206***	**30.826.372.576**
Thuê trong năm	8.870.370.370	21.956.002.206	30.826.372.576
Số giảm trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	**14.788.552.188**	**33.752.596.762**	**48.541.148.950**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2025	**1.264.593.861**	**2.374.921.910**	**3.639.515.771**
Số tăng trong năm	***1.255.029.462***	***1.995.000.970***	**3.250.030.432**
Khấu hao trong năm	1.255.029.462	1.995.000.970	3.250.030.432
Số giảm trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	**2.519.623.323**	**4.369.922.880**	**6.889.546.203**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2025	**4.653.587.957**	**9.421.672.646**	**14.075.260.603**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	**12.268.928.865**	**29.382.673.882**	**41.651.602.747**

- Tiền thuê phát sinh thêm được ghi nhận là chi phí trong năm: 1.318.655.870 VND
- Căn cứ để xác định tiền thuê phát sinh thêm: Các hợp đồng thuê tài chính
- Điều khoản gia hạn thuê hoặc quyền được mua tài sản: Sau khi kết thúc hợp đồng thuê tài chính, bên thuê có quyền mua lại tài sản theo thỏa thuận trong hợp đồng.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm vi tính VND	Khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2025	**376.603.041**	**4.609.468.050**	**183.403.472**	**5.169.474.563**
Số tăng trong năm	**7.569.274.113**	**-**	**-**	**7.569.274.113**
Mua trong năm	7.569.274.113	-	-	7.569.274.113
Số giảm trong năm	**376.603.041**	**-**	**-**	**376.603.041**
Thanh lý, nhượng bán	376.603.041	-	-	376.603.041
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	**7.569.274.113**	**4.609.468.050**	**183.403.472**	**12.362.145.635**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2025	**62.802.889**	**1.836.216.927**	**183.403.472**	**2.082.423.288**
Số tăng trong năm	**5.685.346**	**578.138.184**	**-**	**583.823.530**
Khấu hao trong năm	5.685.346	578.138.184	-	583.823.530
Số giảm trong năm	**68.488.235**	**-**	**-**	**68.488.235**
Thanh lý, nhượng bán	68.488.235	-	-	68.488.235
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	**-**	**2.414.355.111**	**183.403.472**	**2.597.758.583**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2025	**313.800.152**	**2.773.251.123**	**-**	**3.087.051.275**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	**7.569.274.113**	**2.195.112.939**	**-**	**9.764.387.052**

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 0 VND
- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng: 0 VND

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	31.12.2025 VND	01.01.2025 VND
Mua sắm tài sản cố định	2.924.166.667	1.731.481.481
Xây dựng cơ bản dở dang	451.946.812	9.344.443.482
Cộng	**3.376.113.479**	**11.075.924.963**

14. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	31.12.2025 VND	01.01.2025 VND
Số dư đầu năm	**11.661.398.495**	**14.116.429.759**
Phân bổ trong năm	(2.455.031.264)	(2.455.031.264)
Số dư cuối năm	**9.206.367.231**	**11.661.398.495**

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

a) Phải trả người bán ngắn hạn

	31.12.2025		01.01.2025	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên liên quan	**281.078.120.044**	**281.078.120.044**	**316.418.109.595**	**316.418.109.595**
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	237.460.884.591	237.460.884.591	255.201.333.193	255.201.333.193
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	31.647.657.478	31.647.657.478	17.850.311.355	17.850.311.355
Công ty Cổ phần An Ninh Đèo Cả	6.995.350.495	6.995.350.495	13.724.616.640	13.724.616.640
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả	4.974.227.480	4.974.227.480	29.641.848.407	29.641.848.407
Bên khác	**756.121.675.670**	**756.121.675.670**	**586.433.016.779**	**586.433.016.779**
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	94.028.490.100	94.028.490.100	110.174.790.905	110.174.790.905
Công ty TNHH Hòa Hiệp	56.746.314.256	56.746.314.256	56.746.314.256	56.746.314.256
Công ty TNHH MTV Minh Đăng	55.680.525.242	55.680.525.242	55.680.525.242	55.680.525.242
Công ty Cổ phần Giao thông Xây dựng Số 1	44.808.674.638	44.808.674.638	19.705.171.053	19.705.171.053
Công ty TNHH MTV Xây dựng 470	28.171.947.611	28.171.947.611	28.971.947.611	28.971.947.611
Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Đồng Hới	19.412.948.492	19.412.948.492	20.233.539.459	20.233.539.459
Tổng Công ty Xây dựng Lũng Lô	14.475.384.233	14.475.384.233	12.000.378.308	12.000.378.308
Công ty TNHH Xây dựng Đồng Khánh	14.325.259.079	14.325.259.079	2.150.775.132	2.150.775.132
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp	10.150.796.936	10.150.796.936	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Hoàng Long	9.826.427.702	9.826.427.702	9.826.427.702	9.826.427.702
Công ty Cổ phần Đầu tư truyền thông Việt	9.283.562.120	9.283.562.120	7.088.960.120	7.088.960.120
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trí Nam	8.151.710.240	8.151.710.240	10.151.710.240	10.151.710.240
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Thép Nam Phát	4.432.150.201	4.432.150.201	-	-
Đối tượng khác	386.627.484.820	386.627.484.820	240.458.692.923	240.458.692.923
Cộng	**1.037.199.795.714**	**1.037.199.795.714**	**902.851.126.374**	**902.851.126.374**

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN (tiếp theo)

b) Phải trả người bán dài hạn

	31.12.2025		01.01.2025	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên liên quan	**2.719.148.000**	**2.719.148.000**	**2.719.148.000**	**2.719.148.000**
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	2.719.148.000	2.719.148.000	2.719.148.000	2.719.148.000
Bên khác	**258.126.607.724**	**258.126.607.724**	**282.809.463.856**	**282.809.463.856**
Chi nhánh Công ty TNHH MTV BCA Thăng Long - Xí nghiệp Đại Việt	70.878.208.908	70.878.208.908	71.873.463.105	71.873.463.105
Công ty TNHH APAVE Châu Á - Thái Bình Dương	19.146.941.214	19.146.941.214	19.146.941.214	19.146.941.214
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Công nghiệp Á Châu	18.019.220.715	18.019.220.715	18.019.220.715	18.019.220.715
Công ty TNHH NIPPON KOEI Việt Nam Internationalllc	11.152.384.741	11.152.384.741	11.770.805.441	11.770.805.441
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư 492	8.594.572.647	8.594.572.647	8.594.572.647	8.594.572.647
Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam	6.649.125.023	6.649.125.023	6.649.125.023	6.649.125.023
Công ty TNHH MTV BCA - Thăng Long	-	-	13.598.789.078	13.598.789.078
Đối tượng khác	123.686.154.476	123.686.154.476	133.156.546.633	133.156.546.633
Cộng	**260.845.755.724**	**260.845.755.724**	**285.528.611.856**	**285.528.611.856**

Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31.12.2025 VND	01.01.2025 VND
Bên liên quan	**442.890.297**	**-**
Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh Giai đoạn 2	442.890.297	-
Bên khác	**102.348.333.163**	**4.719.425.163**
Ban quản lý dự án 85	67.022.908.000	-
Ban Quản lý dự án đường Hồ Chí Minh	30.706.000.000	-
Tổng Công ty Xây dựng Lũng Lô	2.475.005.925	2.475.005.925
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Ngầm	1.495.821.371	1.495.821.371
Đối tượng khác	648.597.867	748.597.867
Cộng	**102.791.223.460**	**4.719.425.163**

b) Người mua trả tiền trước dài hạn

	31.12.2025 VND	01.01.2025 VND
Bên liên quan	**507.937.125.175**	**100.000.000.000**
Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh (i)	166.582.125.175	100.000.000.000
Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh Giai đoạn 2 (ii)	341.355.000.000	-
Bên khác	**-**	**132.651.836.038**
Ban Quản lý dự án 2	-	104.617.867.660
Ban quản lý các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng ưu tiên Thành phố Đà Nẵng	-	28.033.968.378
Cộng	**507.937.125.175**	**232.651.836.038**

(i) (ii) Khoản tiền tạm ứng của Công ty Cổ phần cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh thi công xây dựng đường cao tốc thuộc dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Đồng Đăng (tỉnh Lạng Sơn) – Trà Lĩnh (tỉnh Cao Bằng).

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

a) Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01.01.2025 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	31.12.2025 VND
Thuế giá trị gia tăng	28.663.939.396	166.181.740.630	167.248.852.514	27.596.827.512
Thuế thu nhập doanh nghiệp	64.439.435.304	108.636.155.078	88.232.257.827	84.843.332.555
Thuế thu nhập cá nhân	210.377.477	2.163.267.214	1.876.381.996	497.262.695
Thuế tài nguyên	-	10.978.500	10.978.500	-
Các khoản thuế khác	-	216.154.977	216.154.977	-
Cộng	**93.313.752.177**	**277.208.296.399**	**257.584.625.814**	**112.937.422.762**

b) Thuế và các khoản phải thu nhà nước

	01.01.2025 VND	Số phải thu trong năm VND	Số đã thực thu trong năm VND	31.12.2025 VND
Thuế giá trị gia tăng	2.976.716.732	-	-	2.976.716.732
Cộng	**2.976.716.732**	**-**	**-**	**2.976.716.732**

Công ty tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về nộp thuế. Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG

	31.12.2025 VND	01.01.2025 VND
Tiền lương phải trả	31.738.474.878	27.297.574.185
Cộng	**31.738.474.878**	**27.297.574.185**

Tiền lương phải trả người lao động sẽ được chi trả từ ngày 01 đến ngày 10 của tháng kế tiếp theo quy định tại Quy chế tiền lương và các chế độ khác chi trả cho người lao động.

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

a) Chi phí phải trả ngắn hạn

	31.12.2025 VND	01.01.2025 VND
Chi phí lãi vay phải trả	48.451.427.000	220.763.753.000
Trích trước chi phí trung tu, đại tu Hầm	205.919.142.733	203.597.439.524
Trích trước chi phí gói thầu xây dựng	55.523.003.997	136.741.215.341
Trích trước chi phí lãi vay	2.397.223.648	2.252.647.779
Các khoản khác	23.050.008.112	23.847.214.688
Cộng	**335.340.805.490**	**587.202.270.332**

b) Chi phí phải trả dài hạn

	31.12.2025 VND	01.01.2025 VND
Chi phí lãi vay phải trả	6.257.308.071.034	5.355.252.245.622
Trích trước chi phí lãi vay	31.427.566.177	32.744.774.963
Các khoản khác	287.546.719.539	283.860.392.304
Cộng	**6.576.282.356.750**	**5.671.857.412.889**

Chi phí lãi vay phải trả ngắn hạn, dài hạn chủ yếu là khoản lãi vay phát sinh tại các công ty con liên quan đến các dự án BOT (dự án cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn và dự án hầm Đèo Cả - Cổ Mã - Cù Mông - Hải Vân), sẽ được chi trả bằng nguồn thu phí và tiến độ chi trả theo dòng tiền thực tế của dự án.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ B 09 - DN/HN
Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

20. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

a) Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	31.12.2025 VND	01.01.2025 VND
Doanh thu nhận trước	1.194.181.818	1.100.000.000
Cộng	**1.194.181.818**	**1.100.000.000**

b) Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

	31.12.2025 VND	01.01.2025 VND
Doanh thu nhận trước	5.535.100.416	6.600.000.000
Các khoản khác	5.688.736.196	49.932.236
Cộng	**11.223.836.612**	**6.649.932.236**

21. PHẢI TRẢ KHÁC

a) Phải trả khác ngắn hạn

	31.12.2025 VND	01.01.2025 VND
Bảo đảm thực hiện hợp đồng bảo hành, khối lượng chờ quyết toán	**366.973.300.059**	**379.592.398.186**
Bên khác	**366.973.300.059**	**379.592.398.186**
Công ty Cổ phần Sông đà 10	71.817.270.281	71.817.270.281
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	65.626.091.401	65.626.091.401
Tổng công ty Xây dựng Lũng Lô	51.646.434.240	51.646.434.240
Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đẩu	51.066.578.889	51.066.578.889
Công ty Cổ phần Xây dựng Công Trình Ngầm	43.169.306.865	43.169.306.865
Công ty TNHH MTV BCA - Thăng Long	11.361.794.592	25.049.711.952
Đối tượng khác	72.285.823.791	71.217.004.558
Phải trả về chuyển nhượng cổ phần	**495.400.000.000**	**507.900.000.000**
Bên liên quan	**495.400.000.000**	**507.900.000.000**
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả (*)	495.400.000.000	507.900.000.000
Các khoản khác	**92.136.187.598**	**88.164.223.183**
Bên liên quan	**4.766.647.791**	**-**
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	4.679.845.956	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	86.801.835	-
Bên khác	**87.369.539.807**	**88.164.223.183**
Đối tượng khác	*87.369.539.807*	*88.164.223.183*
Cộng	**954.509.487.657**	**975.656.621.369**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ B 09 - DN/HN
Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

21. PHẢI TRẢ KHÁC (tiếp theo)

a) Phải trả khác ngắn hạn (tiếp theo)

(*) Căn cứ hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số: 2806/2024/CNCP-ICV ngày 28/06/2024; 01/2024/HĐCNCP/DCG-HHV ngày 26/12/2024 và 2512/2024/HĐCNCP/DCG-HHV ngày 25/12/2024.

b) Phải trả khác dài hạn

	31.12.2025 VND	01.01.2025 VND
Gói thầu Hợp phần quốc lộ 1 - Bảo hành chờ quyết toán	22.144.480.775	22.144.480.775
Bảo đảm thực hiện hợp đồng các nhà thầu	10.467.834.734	10.467.834.734
Phải trả khác	2.668.161.116	6.210.451.116
Cộng	**35.280.476.625**	**38.822.766.625**

Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Tại ngày 31.12.2025 VND	Phát sinh trong năm			Vay dài hạn đến hạn trả(*) VND	Tại ngày 01.01.2025 VND
		Tăng VND	Giảm VND	Chuyển (*) VND		
Bên khác	**979.820.050.821**	**1.046.119.292.209**	**1.594.368.255.615**	**-**	**447.364.976.678**	**1.080.704.037.549**
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Nội	460.000.000.000	-	702.787.488.000	-	358.787.488.000	804.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	249.314.788.307	423.478.335.836	282.159.527.316	-	1.562.526.176	106.433.453.611
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Thăng Long Hà Nội	97.179.453.664	256.625.595.451	230.054.901.816	-	4.435.132.564	66.173.627.465
Ngân hàng TMCP Việt Á - CN Hà Nội	69.079.000.000	-	66.667.000.000	-	69.079.000.000	66.667.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	90.745.978.912	-	305.424.251.735	-	-	30.154.869.725
Công ty TNHH Cho thuê Tài Chính Quốc tế Việt Nam	4.171.446.540	-	-	-	4.171.446.540	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Hà Nội	3.780.000.000	-	3.780.000.000	-	3.780.000.000	3.780.000.000
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	3.142.630.026	-	1.772.608.776	-	3.142.630.026	1.772.608.776
Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV - Sumi Trust Chi nhánh Đà Nẵng	1.722.477.972	-	1.722.477.972	-	1.722.477.972	1.722.477.972
Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu - Chi nhánh Đà Nẵng	684.275.400	-	-	-	684.275.400	684.275.400
Cộng	**979.820.050.821**	**1.046.119.292.209**	**1.594.368.255.615**	**-**	**447.364.976.678**	**1.080.704.037.549**

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (tiếp theo)

Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có

(*) Thông tin về vay dài hạn đến hạn trả:

Hợp đồng tín dụng	*Số dư nợ vay*	*Ngày đáo hạn*	*Bên cho vay*
Số 02-2013-HDTDDA/NHCT106-DEOCA	84.777.012.000	Năm 2026	Ngân hàng Vietinbank - CN Hà Nội
Số 01/2017-HĐTDDA/NHCT106-BOT BGLS	172.660.000.000	Năm 2026	Ngân hàng Vietinbank - CN Hà Nội
Số 01/2016-HĐTDDA/NHCT106-DEOCA	140.765.500.000	Năm 2026	Ngân hàng Vietinbank - CN Hà Nội
Số 23072014/HDDH; Phụ lục 1-9. Thông báo cơ cấu nợ số 23072014/HĐDH/SĐBS-06	69.079.000.000	Năm 2026	Ngân hàng TMCP Việt Á - CN Hà Nội
Số 01/2015-HDTDDA/NHCT106-DEOCA	96.866.000.000	Năm 2026	Ngân hàng Vietinbank - CN Hà Nội
Số 02/2015-HDTDDA/NHCT106-DEOCA	45.933.000.000	Năm 2026	Ngân hàng Vietinbank - CN Hà Nội
Các khế ước nhận nợ trung hạn của HHV	19.498.488.678	Năm 2026	Các ngân hàng và Công ty cho thuê tài chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Tại ngày 31.12.2025 VND	Phát sinh trong năm			Tại ngày 01.01.2025 VND
		Tăng VND	Giảm VND	Vay dài hạn đến hạn trả(*) VND	
Trên 1 năm đến 5 năm	**40.166.357.445**	**32.463.886.807**	**5.319.847.137**	**19.498.488.678**	**32.520.806.453**
Bên khác	**40.166.357.445**	**32.463.886.807**	**5.319.847.137**	**19.498.488.678**	**32.520.806.453**
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Thăng Long Hà Nội	6.856.038.738	-	-	4.435.132.564	11.291.171.302
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Hà Nội	6.335.000.000	-	-	3.780.000.000	10.115.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	2.209.834.978	-	-	1.562.526.176	3.772.361.154
Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu - Chi nhánh Đà Nẵng	2.380.686.850	3.728.900.000	663.937.750	684.275.400	-
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam	15.295.316.505	23.746.286.807	4.279.523.762	4.171.446.540	-
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH BIDV - Sumi Trust Chi nhánh Đà Nẵng	2.488.421.165	-	-	1.722.477.972	4.210.899.137
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	4.601.059.209	4.988.700.000	376.385.625	3.142.630.026	3.131.374.860
Trên 5 năm	**17.439.002.860.110**	**-**	**12.660.000.000**	**427.866.488.000**	**17.879.529.348.110**
Bên khác	**17.439.002.860.110**	**-**	**12.660.000.000**	**427.866.488.000**	**17.879.529.348.110**
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Nội	16.665.427.727.777	-	12.660.000.000	358.787.488.000	17.036.875.215.777
Ngân hàng TMCP Việt Á - CN Hà Nội	773.575.132.333	-	-	69.079.000.000	842.654.132.333
Cộng	**17.479.169.217.555**	**32.463.886.807**	**17.979.847.137**	**447.364.976.678**	**17.912.050.154.563**

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có

(*) Các khoản nợ thuê tài chính đã thanh toán

Thời hạn	Kỳ 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025			Kỳ 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Trên 1 năm đến 5 năm	**10.133.589.755**	**1.318.655.870**	**8.814.933.885**	**4.429.463.618**	**934.376.870**	**3.495.086.748**
Bên khác						
Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	2.613.671.450	464. 677.049	2.148.994.401	2.225.653.136	453.044.360	1.772.608.776
Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV - SUMI TRUST Chi nhánh Đà Nẵng	2.090.432.582	367.954.610	1.722.477.972	2.203.810.482	481.332.510	1.722.477.972
Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu - Chi nhánh Đà Nẵng	776.621.991	112.684.241	663.937.750	-	-	-
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam	4.652.863.732	373.339.970	4.279.523.762			
Cộng	**10.133.589.755**	**1.318.655.870**	**8.814.933.885**	**4.429.463.618**	**934.376.870**	**3.495.086.748**

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Thông tin trình bày bổ sung các hợp đồng vay ngắn hạn:

STT	Bên cho vay	Hạn mức/Số tiền vay (VND)	Thời hạn vay	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
1	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	200.000.000.000	Theo từng lần nhận nợ nhưng không quá 9 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	- Phương tiện vận tải, cổ phiếu, bất động sản; - Quyền đòi nợ từ các hợp đồng do Vietinbank cấp tín dụng.
		100.000.000.000	Theo từng lần nhận nợ nhưng không quá 6 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	
2	Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Thăng Long Hà Nội	800.000.000.000	Theo từng lần nhận nợ nhưng không quá 10 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	- Hợp đồng tiền gửi, bất động sản, phương tiện vận tải; - Quyền đòi nợ từ các hợp đồng do ngân hàng TMCP Tiên phong cấp tín dụng; - Bảo Lãnh của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả.
3	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	1.000.000.000.000	Theo từng lần nhận nợ nhưng không quá 10 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	- Hợp đồng tiền gửi; - Quyền đòi nợ từ các hợp đồng do ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng cấp tín dụng.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Thông tin trình bày bổ sung các hợp đồng vay dài hạn:

STT	Bên cho vay	Hạn mức/Số tiền vay (VND)	Thời hạn vay	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
1	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	41.804.000.000	60-72 tháng	8%/năm đến ngày 27/1/2022, sau đó điều chỉnh linh hoạt theo từng khế ước nhận nợ	Tài sản hình thành từ vốn vay
2	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - CN Nam Hà Nội	18.935.000.000	60 tháng	Theo hợp đồng vay	Tài sản hình thành từ vốn vay
3	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	9.312.000.000	60 tháng	8%/năm và được điều chỉnh 3 tháng 1 lần	Tài sản hình thành từ vốn vay
4	Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu - Chi nhánh Đà Nẵng	3.728.900.000	60 tháng	7,2%-8%/năm	Ký cược
5	Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam	23.746.286.807	57-60 tháng	6,8%/năm	Ký cược
6	Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	15.368.991.049	48-60 tháng	7,25-7,35%/năm; 10,80%/năm - 10,95%/năm	Ký cược
7	Công ty Cho thuê Tài chính TNHH BIDV - Sumi Trust Chi nhánh Đà Nẵng	9.477.000.000	60 tháng	6,3%/năm - 7,2%/năm	Ký cược

(*) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội và Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội là khoản vay phát sinh tại các công ty con liên quan đến các dự án BOT (Đèo Cả- Cù Mông - Hải Vân, Bắc Giang - Lạng Sơn, Phước Tượng - Phú Gia), được trả theo phương án tài chính dựa trên nguồn thu phí hằng năm của các dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

22. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Thông tin trình bày bổ sung các hợp đồng vay dài hạn (tiếp theo):

STT	Bên cho vay	Hạn mức/Số tiền vay (VND)	Thời hạn vay	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
8	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	2.500.000.000.000	Thời hạn vay là 204 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian giải ngân là 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	Theo từng giấy nhận nợ	Quyền thu phí của Dự án BOT
		4.182.000.000.000	Thời hạn vay là 20 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian giải ngân là 4 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên.	Theo từng giấy nhận nợ	Quyền thu phí của Dự án BOT
		4.800.000.000.000	180 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	Quyền thu phí của Dự án BOT
		1.190.000.000.000	Thời hạn vay là 192 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian giải ngân là 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.	Theo từng giấy nhận nợ	Quyền thu phí của Dự án BOT
9	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	10.169.000.000.000	Thời hạn vay là 26 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên đến năm 2043, thời gian giải ngân là 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	Theo từng giấy nhận nợ	Toàn bộ quyền tài sản phát sinh theo hợp đồng dự án BOT
10	Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội	1.148.942.000.000	233 tháng	Theo thông báo từng lần	Quyền thu phí của Dự án BOT; Phần vốn góp của Công ty TNHH Hà Thành và Công ty CP ĐTMT Hà Thành vào Công ty CP Phước Tượng Phú Gia BOT

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ B 09 - DN/HN
Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

23. THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31.12.2025 VND	01.01.2025 VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	10.398.576.090	7.057.060.974
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	**10.398.576.090**	**7.057.060.974**

b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31.12.2025 VND	01.01.2025 VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	147.148.740.256	150.225.085.973
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	**147.148.740.256**	**150.225.085.973**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ B 09 - DN/HN
Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Nguồn kinh phí và quỹ khác (*) VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01.01.2024	**3.293.503.510.000**	**(876.900.000)**	**8.822.456.079**	**-**	**921.898.501.789**	**1.236.745.448.794**	**3.272.808.312.802**	**8.732.901.329.464**
Tăng vốn trong năm	823.298.180.000	6.956.562.000	-	-	-	-	-	830.254.742.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	426.416.159.039	68.688.669.026	-	495.104.828.065
Trả thù lao cho HĐQT&BKS	-	-	-	-	(1.908.000.000)	-	-	(1.908.000.000)
Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	-	-	-	1.739.172.300	(1.739.172.300)	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	900.281.000.000	900.281.000.000
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(165.005.440.257)	(165.005.440.257)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	205.753.590.000	-	-	-	(205.753.590.000)	-	-	-
Thay đổi lợi ích cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	160.201.713.654	-	137.998.490.823
Tại ngày 31.12.2024	**4.322.555.280.000**	**6.079.662.000**	**8.822.456.079**	**1.739.172.300**	**1.116.710.675.697**	**1.465.635.831.474**	**4.008.083.872.545**	**10.929.626.950.095**
Tại ngày 01.01.2025	**4.322.555.280.000**	**6.079.662.000**	**8.822.456.079**	**1.739.172.300**	**1.116.710.675.697**	**1.465.635.831.474**	**4.008.083.872.545**	**10.929.626.950.095**
Tăng vốn trong năm	415.000.000.000	(715.600.000)	-	-	-	-	-	414.284.400.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	580.772.601.633	90.410.948.484	-	671.183.550.117
Trích quỹ Đầu tư phát triển (1)	-	-	5.000.000.000	-	(5.000.000.000)	-	-	-
Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (2)	-	-	-	(1.739.172.300)	(236.774.750.000)	-	-	-
Chia cổ tức bằng cổ phiếu (3)	236.774.750.000	-	1.739.172.300	-	-	-	165.009.000.000	165.009.000.000
Tăng khác (4)	-	-	-	-	(8.964.955.333)	1.438.611.466	-	(7.526.343.867)
Thay đổi lợi ích cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-				
Tại ngày 31.12.2025	**4.974.330.030.000**	**5.364.062.000**	**15.561.628.379**	**-**	**1.446.743.571.997**	**1.557.485.391.424**	**4.173.092.872.545**	**12.172.577.556.345**

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31.12.2025 VND	%	01.01.2025 VND	%
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả (*)	61.184.630.000	1,23%	58.271.080.000	1,35%
Hồ Minh Hoàng	21.234.150.000	0,43%	20.223.000.000	0,47%
Công ty CP Đầu tư Hải Thạch B.O.T	730.218.810.000	14,68%	695.446.490.000	16,09%
Đối tượng khác	4.161.692.440.000	83,66%	3.548.614.710.000	82,09%
Cộng	**4.974.330.030.000**	**100,00%**	**4.322.555.280.000**	**100,00%**

(*) Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả trở thành Công ty mẹ của Công ty thông qua quyền sở hữu, quyền biểu quyết trực tiếp và gián tiếp tại các Công ty con đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả với tỷ lệ quyền sở hữu và biểu quyết như sau:

	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
Quyền sở hữu trực tiếp	1,23%	1,23%
Quyền sở hữu và biểu quyết gián tiếp	14,65%	14,68%
- Công ty CP Đầu tư Hải Thạch B.O.T	*14,65%*	*14,68%*
Cộng	**15,88%**	**15,91%**

Hiện tại, Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả (DCG) đang nắm tỷ lệ quyền biểu quyết là 15,91% tuy nhiên DCG vẫn là Công ty mẹ do đang nắm quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của Công ty thông qua việc nắm đa số thành viên trong Hội Đồng Quản trị.

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2025 VND	2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:		
- Vốn góp đầu năm	4.322.555.280.000	3.293.503.510.000
- Vốn góp tăng trong năm	651.774.750.000	1.029.051.770.000
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	4.974.330.030.000	4.322.555.280.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	236.774.750.000	205.753.590.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ B 09 - DN/HN
Địa chỉ: Km 11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

(*) Đây là nguồn vốn Ngân sách Nhà nước được cấp theo Hợp đồng dự án số 26/HĐXD-DEOCA ngày 08/11/2012 và các phụ lục hợp đồng kèm theo, được cập nhật vào tổng mức đầu tư của Dự án tại quyết định số 400/QĐ-BGTVT ngày 04/3/2019 về việc phê duyệt điều chỉnh phương án tài chính dự án hầm đường bộ qua Đèo Cả (bao gồm hầm Đèo Cả, hầm Cổ Mã, hầm Cù Mông và hầm Hải Vân); Theo đó, nguồn vốn này được giao cho Doanh nghiệp dự án thực hiện dự án BOT nhằm đảm bảo phương án tài chính đã ký với cơ quan chức năng có thẩm quyền.

(1) Theo nghị quyết số 02/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/05/2025, HĐQT đã thông qua việc trích quỹ đầu tư phát triển của Công ty với số tiền là 5.000.000.000 VND.

(2) Theo nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/05/2025, HĐQT đã thông qua việc chuyển toàn bộ quỹ dự trữ vốn điều lệ vào Quỹ đầu tư phát triển của Công ty.

(3) Theo nghị quyết số 02/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/05/2025, HĐQT đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức năm 2024 bằng cổ phiếu. Kết quả phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2025 là vốn điều lệ tăng từ 4.737.555.280.000 VND lên 4.974.330.030.000 VND.

(4) Ngày 07/01/2025, Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả nhận được khoản hỗ trợ từ Nhà nước là 165.009.000.000 VND (đợt 2) từ nguồn vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 tại Quyết định số 1738/QĐ-TT ngày 29/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ 1.180 tỷ đồng và Quyết định số 397/QĐ-BGTVT ngày 05/04/2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh Dự án hầm đường bộ qua Đèo Cả và hầm Cổ Mã, hầm Cù Mông và hầm Hải Vân theo hình thức BOT). Khoản hỗ trợ này được sử dụng một phần để hoàn trả phần vốn vay của ngân hàng tài trợ vốn dựa án, phần còn lại được dùng để giải ngân tiếp tục vào dự án.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

Cổ phiếu

	31.12.2025 Cổ phiếu	01.01.2025 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	497.433.003	432.255.528
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	497.433.003	432.255.528
+ Cổ phiếu phổ thông	497.433.003	432.255.528
Số lượng cổ phiếu đã mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	497.433.003	432.255.528
+ Cổ phiếu phổ thông	497.433.003	432.255.528

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2025 VND	2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**3.801.371.595.413**	**3.308.251.591.277**
Doanh thu các trạm thu phí BOT	2.178.643.136.112	1.909.160.130.563
Doanh thu xây lắp	1.318.850.022.126	1.151.845.561.043
Doanh thu duy tu bảo dưỡng hầm, đường	120.166.035.481	65.507.830.764
Doanh thu cung cấp dịch vụ trung chuyển	21.506.544.378	20.325.723.896
Doanh thu khác	162.205.857.316	161.412.345.011
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	**3.801.371.595.413**	**3.308.251.591.277**
Trong đó doanh thu đối với các bên liên quan	***852.982.165.931***	***564.164.078.589***
Doanh thu xây lắp	*747.066.705.422*	*415.390.961.684*
Doanh thu duy tu bảo dưỡng hầm, đường	*58.685.787.350*	*46.846.339.620*
Doanh thu khác	*47.229.673.159*	*101.926.777.285*

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2025 VND	2024 VND
Giá vốn các trạm thu phí BOT	706.549.739.971	657.227.029.096
Giá vốn xây lắp	1.239.386.644.314	1.111.234.228.563
Giá vốn duy tu bảo dưỡng hầm, đường	88.576.961.236	34.744.223.806
Giá vốn cung cấp dịch vụ trung chuyển	14.284.175.025	15.212.158.978
Giá vốn khác	136.658.793.690	148.631.558.492
Cộng	**2.185.456.314.236**	**1.967.049.198.935**

3. DOANH THU TÀI CHÍNH

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2025 VND	2024 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.686.764.205	9.427.054.537
Lãi từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	51.584.069.977	38.564.448.692
Cộng	**58.270.834.182**	**47.991.503.229**

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2025 VND	2024 VND
Chi phí lãi vay	905.259.434.662	796.572.521.099
Chi phí tài chính khác	11.836.417.588	17.754.626.380
Cộng	**917.095.852.250**	**814.327.147.479**

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)

5. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2025 VND	2024 VND
Chi phí nhân viên	33.410.541.887	32.001.061.506
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.816.104.369	16.101.454.824
Phân bổ lợi thế thương mại	2.455.031.264	2.455.031.264
Chi phí khấu hao	2.527.044.970	2.270.773.155
Chi phí khác	26.114.412.595	18.910.122.315
Cộng	**78.323.135.085**	**71.738.443.064**

6. THU NHẬP KHÁC

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2025 VND	2024 VND
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	3.730.847.469	275.002.893
Các khoản thu nhập khác	1.485.531.270	4.826.217.272
Lãi từ giao dịch mua giá rẻ	-	18.524.428.536
Cộng	**5.216.378.739**	**23.625.648.701**

7. CHI PHÍ KHÁC

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2025 VND	2024 VND
Các khoản chi phí khác	1.168.273.414	6.014.750.991
Cộng	**1.168.273.414**	**6.014.750.991**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ B 09 - DN/HN
Địa chỉ: Km11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)

8. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2025 VND	2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	900.872.961.915	619.376.335.416
Chi phí nhân công	509.078.957.425	688.669.002.018
Chi phí khấu hao tài sản cố định	430.625.255.531	348.937.233.697
Chi phí dịch vụ mua ngoài	314.385.356.956	217.174.205.201
Chi phí khác bằng tiền	98.762.616.880	147.843.270.449
Cộng	**2.253.725.148.707**	**2.022.000.046.781**

9. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2025 VND	2024 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	108.603.051.500	84.243.373.880
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	33.103.578	4.728.243.671
Chi phí thuế TNDN hiện hành	**108.636.155.078**	**88.971.617.551**

10. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2025 VND	2024 VND
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(6.417.860.834)	(5.509.354.268)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	**(6.417.860.834)**	**(5.509.354.268)**

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)

11. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2025 VND	2024 VND
Lợi nhuận sau thuế cho Cổ đông của Công ty	580.772.601.633	426.416.159.039
Số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông của Công ty sở hữu cổ phiếu phổ thông	**580.772.601.633**	**426.416.159.039**
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm	467.424.526	416.007.469
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**1.242**	**1.025**

12. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Ngày 01/10/2025, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả ban hành Nghị quyết số 46/2025/NQ-HĐQT và Nghị quyết số 47/2025/NQ-HĐQT thông qua các nội dung liên quan đến đợt chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu năm 2025 theo Nghị quyết số 03/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/5/2025 của Đại hội đồng cổ đông Công ty. Theo đó, Hội đồng quản trị đã phê duyệt phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành tối đa là 49.743.300 cổ phiếu.

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2025 VND	2024 VND
Lợi nhuận sau thuế cho Cổ đông của Công ty	580.772.601.633	426.416.159.039
Số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông của Công ty sở hữu cổ phiếu phổ thông	**580.772.601.633**	**426.416.159.039**
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm	467.424.526	416.007.469
Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành		149.347.273
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	**1.242**	**754**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ B 09 - DN/HN
Địa chỉ: Km11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

1. **Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong tương lai:** Không có
2. **Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng**: Không có.
3. **Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2025 VND	2024 VND
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	1.046.119.292.209	484.325.689.987

4. **Số tiền thực trả gốc trong năm**

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2025 VND	2024 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	1.594.368.255.615	1.772.220.761.360
Tiền trả nợ vay dưới hình thức khác	21.474.933.885	3.495.086.748
Cộng	**1.615.843.189.500**	**1.775.715.848.108**

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. **Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:**

a) Cam kết thuê hoạt động (*)

Công ty hiện đang thuê văn phòng, thuê phương tiện, thiết bị theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc năm kế toán, các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	2025 VND	2024 VND
Từ 1 năm trở xuống	11.421.536.006	25.181.803.304
Trên 1 năm đến 5 năm	8.028.690.000	32.348.667.590
Tổng cộng	**19.450.226.006**	**57.530.470.894**

b) Cam kết cho thuê hoạt động (*)

Công ty hiện đang cho thuê mặt bằng, phương tiện, thiết bị theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc năm kế toán, các khoản tiền tối thiểu phải thu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	2025 VND	2024 VND
Từ 1 năm trở xuống	24.295.575.285	18.900.672.280
Trên 1 năm đến 5 năm	121.477.876.425	94.503.361.400
Tổng cộng	**145.773.451.710**	**113.404.033.680**

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác (tiếp theo):

(*) Khoản mục này được trình bày bổ sung thông tin số năm trước và năm này nhằm cung cấp thêm thông tin trình bày Thuyết minh báo cáo tài chính.

c) Cam kết vốn

Theo thỏa thuận tại Hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (Hợp đồng BOT) số 01/HĐ.BOT-UBND giữa UBND tỉnh Cao Bằng (Cơ quan nhà nước có thẩm quyền) với liên doanh Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả - Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam - Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả - Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình 568 (Nhà đầu tư) và Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh (Doanh nghiệp dự án). Vào ngày kết thúc năm kế toán, các khoản tiền cam kết phải góp vốn trong tương lai được trình bày như sau

	2025 VND	2024 VND
Từ 1 năm trở xuống	20.000.000.000	-
Trên 1 năm đến 5 năm	50.381.522.958	209.119.500.000
Trên 5 năm	507.270.477.042	-
Cộng	**577.652.000.000**	**209.119.500.000**

d) Cam kết khác

Theo thỏa thuận tại Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2023/HĐHTKD/BOT CLVH-HHV ngày 20/09/2023 và các phụ lục liên quan; Theo thỏa thuận tại Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2024/HĐHTKD/BOT DDTL-HHV ngày 24/12/2024 và các phụ lục liên quan. Vào ngày kết thúc năm kế toán, các khoản tiền cam kết phải trả về hợp tác kinh doanh trong tương lai được trình bày như sau:

	2025 VND	2024 VND
Từ 1 năm trở xuống	226.140.000	226.140.000
Cộng	**226.140.000**	**226.140.000**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ B 09 - DN/HN
Địa chỉ: Km11+500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

2. Thông tin về các bên liên quan: Xem phụ lục 1

3. Những sự kiện phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2025

Ngày 19/03/2026 Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có Văn bản số 2153/UBCK-QLCB thông báo đã nhận được tài liệu báo cáo của Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả về kết quả đợt phát hành thêm 49.733.293 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Theo đó vào ngày 24/03/2026, Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả đã hoàn tất thủ tục đăng ký tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết số 55/2025/NQ – HĐQT ngày 12/12/2025 về việc triển khai đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2025 tăng vốn điều lệ từ 4.974.330.030.000 VND lên 5.471.662.960.000 VND và đã được Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 38 ghi nhận vốn điều lệ mới.

Ngày 09/02/2026, Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐQT thông qua việc thành lập Xí nghiệp Quản lý, vận hành Đường cao tốc Quảng Ngãi – Hoài Nhơn - Chi nhánh Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả tại Gia Lai. Xí nghiệp là đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc và đã được Sở tài chính tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh ngày 11/02/2026.

Ngày 09/02/2026, Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐQT thông qua việc thành lập Xí nghiệp Quản lý, vận hành Đường cao tốc Chí Thạnh – Vân Phong - Chi nhánh Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả tại Đắk Lắk. Xí nghiệp là đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc và đã được Sở tài chính tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh ngày 23/02/2026.

Thông qua kết quả đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ 2025, Công ty đã huy động được số tiền 415.000.000.000 VND. Cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này Công ty chưa sử dụng hết số vốn điều lệ thu được từ đợt chào bán, số tiền còn lại được phép sử dụng là 194.202.000.000 VND.

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định ngoài sự kiện nêu trên, Công ty không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2025 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

4. Thông tin bộ phận (tiếp theo)

a) Báo cáo chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh

Nhằm phục vụ cho công tác quản lý của Công ty, Công ty được tổ chức quản lý và hạch toán theo các đơn vị sản phẩm và lĩnh vực kinh doanh do đó báo cáo bộ phận theo các sản phẩm sản xuất và cung cấp dịch vụ như sau:

	Kỳ 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024					
	Thu phí trạm BOT VND	Hoạt động xây lắp VND	Dịch vụ trung chuyển VND	Duy tu bảo dưỡng cầu, đường VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.909.160.130.563	1.151.845.561.043	20.325.723.896	65.507.830.764	161.412.345.011	3.308.251.591.277
Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	**1.909.160.130.563**	**1.151.845.561.043**	**20.325.723.896**	**65.507.830.764**	**161.412.345.011**	**3.308.251.591.277**
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	1.251.933.101.467	40.611.332.480	5.113.564.918	30.763.606.958	12.780.786.519	1.341.202.392.342
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận						(71.738.443.064)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						**1.269.463.949.278**
Doanh thu hoạt động tài chính						47.991.503.229
Chi phí tài chính						(814.327.147.479)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh						57.827.888.610
Thu nhập khác						23.625.648.701
Chi phí khác						(6.014.750.991)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						(88.971.617.551)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						5.509.354.268
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp						**495.104.828.065**
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác						(258.541.184.587)
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn						(348.937.233.697)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

4. Thông tin bộ phận (tiếp theo)

a) Báo cáo chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Kỳ 12 tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025					
	Thu phí trạm BOT VND	Hoạt động xây lắp VND	Dịch vụ trung chuyển VND	Duy tu bảo dưỡng cầu, đường VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	2.178.643.136.112	1.318.850.022.126	21.506.544.378	120.166.035.481	162.205.857.316	3.801.371.595.413
Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	**2.178.643.136.112**	**1.318.850.022.126**	**21.506.544.378**	**120.166.035.481**	**162.205.857.316**	**3.801.371.595.413**
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	1.472.093.396.141	79.463.377.812	7.222.369.353	31.589.074.245	25.547.063.626	1.615.915.281.177
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận						(78.323.135.085)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh						**1.537.592.146.092**
Doanh thu hoạt động tài chính						58.270.834.182
Chi phí tài chính						(917.095.852.250)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh						90.586.611.012
Thu nhập khác						5.216.378.739
Chi phí khác						(1.168.273.414)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành						(108.636.155.078)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại						6.417.860.834
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp						**671.183.550.117**
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác						(74.724.430.391)
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn						(430.625.255.531)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

4. Thông tin bộ phận (tiếp theo)

a) Báo cáo chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

- Tài sản và nợ phải trả bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

01.01.2025	Thu phí trạm BOT VND	Hoạt động xây lắp VND	Duy tu bảo dưỡng cầu, đường VND	Dịch vụ trung chuyển VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng VND
Tài sản bộ phận	35.317.671.994.443	760.897.807.752	56.219.096.515	9.517.591.464	57.145.598.479	36.201.452.088.653
Tài sản không phân bổ						2.704.908.643.586
Tổng tài sản	**35.317.671.994.443**	**760.897.807.752**	**56.219.096.515**	**9.517.591.464**	**57.145.598.479**	**38.906.360.732.239**
Nợ phải trả bộ phận	26.299.157.550.253	533.771.130.220	10.933.673.620	-	38.120.986.510	26.881.983.340.603
Nợ phải trả không phân bổ						1.094.750.441.541
Tổng nợ phải trả	**26.299.157.550.253**	**533.771.130.220**	**10.933.673.620**	**-**	**38.120.986.510**	**27.976.733.782.144**

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

4. Thông tin bộ phận (tiếp theo)

a) Báo cáo chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

- Tài sản và nợ phải trả bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

31.12.2025	Thu phí trạm BOT VND	Hoạt động xây lắp VND	Duy tu bảo dưỡng cầu, đường VND	Dịch vụ trung chuyển VND	Hoạt động khác VND	Tổng cộng VND
Tài sản bộ phận	35.890.505.367.786	1.038.462.149.467	74.643.734.186	7.236.167.713	59.499.900.462	37.070.347.319.614
Tài sản không phân bổ						3.681.728.362.843
Tổng tài sản	**35.890.505.367.786**	**1.038.462.149.467**	**74.643.734.186**	**7.236.167.713**	**59.499.900.462**	**40.752.075.682.457**
Nợ phải trả bộ phận	26.295.442.244.045	433.222.983.495	18.314.235.086	-	50.600.689.330	26.797.580.151.956
Nợ phải trả không phân bổ						1.781.917.974.156
Tổng nợ phải trả	**26.295.442.244.045**	**433.222.983.495**	**18.314.235.086**	**-**	**50.600.689.330**	**28.579.498.126.112**

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

4. Thông tin bộ phận (tiếp theo)

b) Báo cáo thứ yếu theo Khu vực địa lý

Năm 2024	Bắc Giang, Lạng Sơn	Huế	Đà Nẵng	Phú Yên, Khánh Hòa	Địa bàn khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	460.956.608.333	492.181.121.535	231.879.273.269	1.231.439.658.241	891.794.929.899	3.308.251.591.277
Tài sản bộ phận	14.031.626.408.797	1.350.911.499.915	9.316.292.474.535	14.176.738.659.864	30.791.689.128	38.906.360.732.239
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác						(258.541.184.587)

Năm 2025	Bắc Giang, Lạng Sơn	Huế	Đà Nẵng	Phú Yên, Khánh Hòa	Địa bàn khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	582.843.401.850	573.621.738.891	272.118.803.545	1.218.551.642.454	1.154.236.008.673	3.801.371.595.413
Tài sản bộ phận	14.498.481.780.948	1.295.055.648.348	10.599.512.389.592	14.335.194.322.015	23.831.541.554	40.752.075.682.457
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác						(74.724.430.391)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

a) Tài sản tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	31.12.2025		01.01.2025		31.12.2025	01.01.2025
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	586.763.423.469	-	308.933.876.437	-	586.763.423.469	308.933.876.437
Phải thu khách hàng	810.846.568.945	(11.035.892.482)	629.018.879.802	(11.035.892.482)	799.810.676.463	617.982.987.320
Trả trước cho người bán	417.633.684.187	(1.301.620.413)	367.557.269.758	(1.301.620.413)	416.332.063.774	366.255.649.345
Phải thu về cho vay	7.000.000.000	-	6.000.000.000	-	7.000.000.000	6.000.000.000
Các khoản phải thu khác	557.619.697.003	(873.033.836)	829.113.369.727	(873.033.836)	556.746.663.167	828.240.335.891
Đầu tư tài chính ngắn hạn	14.567.111.018	-	6.432.529.990	-	14.567.111.018	6.432.529.990
Đầu tư tài chính dài hạn	2.159.353.542.677	-	1.088.617.731.665	-	2.159.353.542.677	1.088.617.731.665
Cộng	**4.553.784.027.299**	**(13.210.546.731)**	**3.235.673.657.379**	**(13.210.546.731)**	**4.540.573.480.568**	**3.222.463.110.648**

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	31.12.2025		01.01.2025		31.12.2025	01.01.2025
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND	VND	VND
Phải trả cho người bán (i)	1.298.045.551.438	-	1.188.379.738.230	-	1.298.045.551.438	1.188.379.738.230
Người mua trả tiền trước	102.791.223.460	-	4.719.425.163	-	102.791.223.460	4.719.425.163
Vay và nợ (ii)	18.458.989.268.376	-	18.992.754.192.112	-	18.458.989.268.376	18.992.754.192.112
Phải trả người lao động	31.738.474.878	-	27.297.574.185	-	31.738.474.878	27.297.574.185
Các khoản phải trả khác	989.789.964.282	-	1.014.479.387.994	-	989.789.964.282	1.014.479.387.994
Cộng	**20.881.354.482.434**	**-**	**21.227.630.317.684**	**-**	**20.881.354.482.434**	**21.227.630.317.684**

(i) Khoản phải trả cho người bán chủ yếu là các khoản tiền bảo hành và tiền giữ lại chờ quyết toán tại các doanh nghiệp dự án hạ tầng giao thông theo hình thức BOT (dự án cao tốc Bắc Giang Lạng Sơn, dự án hầm đường bộ qua Đèo Cả) chưa đến hạn chi trả.

(ii) Vay và nợ chủ yếu là các khoản nợ vay dài hạn của các công ty con tại các tổ chức tính dụng tài trợ cho dự án hạ tầng giao thông đường bộ theo hình thức BOT (dự án cao tốc Bắc Giang Lạng Sơn, dự án hầm đường bộ qua Đèo Cả, dự án hầm đường bộ Phước Tượng - Phú Gia). Các khoản vay này được bảo đảm bằng quyền thu phí của các dự án. Hiện nay, các dự án nay đều đã hình thành tài sản và được đưa vào khai thác, vận hành thu phí với doanh thu tăng trưởng ổn định hằng năm. Nguồn trả nợ đến từ nguồn thu phí của chính các dự án với lịch trả nợ được xây dựng phù hợp với dòng tiền thực tế của từng dự án.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính (tiếp theo)

b) Nợ phải trả tài chính (tiếp theo)

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán, người lao động, cổ phiếu chuyển đổi và các khoản phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có năm hạn ngắn.

- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm kế toán. Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết. Tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

6. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty

a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

- Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

- Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp

b) Rủi ro thanh toán

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

6. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty (tiếp theo)

b) Rủi ro thanh toán (tiếp theo)

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 đến 05 năm VND	Trên 05 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025				
Phải trả cho người bán	1.037.199.795.714	260.845.755.724	-	1.298.045.551.438
Người mua trả tiền trước	102.791.223.460	507.937.125.175	-	610.728.348.635
Vay và nợ	979.820.050.821	9.920.224.810.380	7.558.944.407.175	18.458.989.268.376
Chi phí phải trả	335.340.805.490	6.576.282.356.750	-	6.911.623.162.240
Các khoản phải trả phải nộp khác	1.100.379.567.115	41.004.313.237	5.500.000.000	1.146.883.880.352
Cộng	**3.555.531.442.600**	**17.306.294.361.266**	**7.564.444.407.175**	**28.426.270.211.041**

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

6. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty (tiếp theo)

c) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, trái phiếu doanh nghiệp, các khoản đặt cọc và các khoản đầu tư tài chính.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

- Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Do Công ty được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là đồng Việt Nam, đồng tiền giao dịch chính của Công ty cũng là đồng Việt Nam. Do đó, rủi ro về ngoại tệ của Công ty là không trọng yếu. Tại thời điểm cuối năm, Công ty không có số dư gốc ngoại tệ nên Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ.

- Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

- Rủi ro về giá

+ Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư dẫn đến giá trị khoản dự phòng giảm giá đầu tư có thể tăng/giảm. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Tổng Giám đốc cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.
Công ty sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động giá cổ phiếu đến kết quả kinh doanh khi có các hướng dẫn chi tiết bởi các cơ quan quản lý.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

6. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty (tiếp theo)

c) Rủi ro thị trường (tiếp theo)

- Rủi ro về giá (tiếp theo)

+ Rủi ro về giá bất động sản

Công ty đã xác định được rủi ro sau liên quan đến danh mục đầu tư bất động sản:

Việc chi phí của các dự án phát triển có thể tăng nếu có sự chậm trễ trong quá trình lập kế hoạch. Để hạn chế rủi ro này Công ty thuê các chuyên gia cố vấn chuyên về các yêu cầu lập kế hoạch cụ thể trong phạm vi dự án nhằm giảm các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình lập kế hoạch.

Rủi ro giá trị hợp lý của doanh mục đầu tư bất động sản do các yếu tố cơ bản của thị trường và người mua.

d) Tài sản đảm bảo (*)

- Tài sản thế chấp cho các khoản vay từ ngân hàng

Công ty đã sử dụng tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình, quyền sử dụng đất, trái phiếu, quyền đòi nợ từ các hợp đồng do ngân hàng cấp tín dụng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay từ Ngân hàng. Giá trị sổ sách của các tài sản thế chấp như sau:

	2025 VND	01.01.2025 VND
Tài sản cố định vô hình	-	313.814.138
Trái phiếu	-	2.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	41.341.747.335	9.658.388.481
Tài sản cố định hữu hình	26.583.012.549.137	27.031.312.377.750
Cộng	**26.624.354.296.472**	**27.043.284.580.369**

Ngoài những tài sản thế chấp nêu trên, các khoản vay từ ngân hàng còn được đảm bảo bằng quyền thu phí đường bộ tại các doanh nghiệp dự án BOT; quyền đòi nợ hình thành trong tương lai và quyền đòi nợ đã hình thành từ các hợp đồng xây lắp, hợp đồng khai thác, quản lý, vận hành và bảo trình các tuyến đường bộ, đường hầm liên quan.

(*) Khoản mục này được trình bày bổ sung thông tin số đầu năm và cuối năm nhằm cung cấp thêm thông tin trình bày Thuyết minh báo cáo tài chính.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

7. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

8. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2024 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCs).

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Thay mặt Ban Tổng Giám đốc Tổng Giám đốc
NGUYỄN THANH HẢI	LÊ CÔNG NGHĨA	NGÔ TRƯỜNG NAM

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

1. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan:

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

- ***Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan***: Không phát sinh
- ***Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan***: Không có.
- ***Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:***

		Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2025 VND	2024 VND
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát		**2.028.000.000**	**2.088.000.000**
Hồ Minh Hoàng	Chủ tịch HĐQT	360.000.000	360.000.000
Nguyễn Tấn Đông	Phó Chủ tịch HĐQT	240.000.000	240.000.000
Nguyễn Hữu Hùng	Phó Chủ tịch HĐQT	180.000.000	240.000.000
Võ Thụy Linh	Thành viên HĐQT	180.000.000	180.000.000
Trần Chủng	Thành viên HĐQT	180.000.000	180.000.000
Nguyễn Quang Huy	Thành viên HĐQT	180.000.000	180.000.000
Hồ Quang Lợi	Thành viên độc lập HĐQT	180.000.000	180.000.000
Hoàng Văn Hải	Thành viên độc lập HĐQT	180.000.000	180.000.000
Nguyễn Minh Giang	Trưởng Ban kiểm soát	180.000.000	180.000.000
Cam Thị Minh Hải	Kiểm soát viên	84.000.000	84.000.000
Phan Thị Mai	Kiểm soát viên	84.000.000	84.000.000

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

1. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan (tiếp theo):

- ***Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt (tiếp theo):***

		Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2025 VND	2024 VND
Tiền lương		**4.179.830.699**	**4.287.400.000**
Nguyễn Quang Huy	Tổng giám đốc	350.000.000	910.000.000
Ngọ Trường Nam	Tổng giám đốc	735.000.000	140.000.000
Trần Văn Chí	Phó Tổng giám đốc	715.000.000	715.000.000
Võ Ngọc Trung	Phó Tổng giám đốc	520.000.000	520.000.000
Lê Châu Thắng	Phó Tổng giám đốc	494.000.000	482.000.000
Trần Văn Dũng	Phó Tổng giám đốc	559.000.000	547.000.000
Nguyễn Quỳnh Mai	Phó Tổng giám đốc	296.439.394	455.000.000
Nguyễn Văn Ân	Phó Tổng giám đốc	215.652.174	518.400.000
Lê Công Nghĩa	Kế toán trưởng	294.739.131	-

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

2. Giao dịch với các bên liên quan khác:

Danh sách các bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	Công ty liên kết, công ty có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Hữu Hùng, TGĐ kiêm người đại diện theo pháp luật Ngọ Trường Nam, Trưởng Ban kiểm soát Nguyễn Minh Giang, Kiểm soát viên Phan Thị Mai
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm – Vĩnh Hảo	Công ty liên kết, Công ty có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Tấn Đông
Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh	Công ty liên kết, Công ty có liên quan của Phó chủ tịch HĐQT Nguyễn Hữu Hùng, Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy
Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh - Giai đoạn 2	Công ty có liên quan của Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần BOT Hưng Phát	Công ty con của Công ty mẹ
Công ty CP Đầu tư Hải Thạch B.O.T	Cổ đông lớn, Công ty có liên quan của Thành viên HĐQT Võ Thụy Linh
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty con của Công ty mẹ, Công ty có liên quan của Thành viên HĐQT Trần Chủng, Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy, Phó TGĐ Nguyễn Văn Ân
Công ty Cổ phần Đầu tư VINALOG	Công ty có liên quan của Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy (Đến ngày 12/08/2025)
Công ty Cổ phần An ninh Đèo Cả	Công ty con của Công ty mẹ, Công ty có liên quan của Trưởng Ban kiểm soát Nguyễn Minh Giang
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Công ty có liên quan của Chủ tịch HĐQT Hồ Minh Hoàng, Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Tấn Đông, Thành viên HĐQT Võ Thụy Linh
Công ty Cổ phần Đèo Cả Capital	Công ty có liên quan của Chủ tịch HĐQT Hồ Minh Hoàng
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng Cầu đường Sài Gòn - Phú Yên	Công ty có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Tấn Đông, Trưởng Ban kiểm soát Nguyễn Minh Giang
Công ty Cổ phần Cao tốc Hữu Nghị- Chi Lăng	Công ty có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Hữu Hùng
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	Công ty có liên quan của Trưởng Ban kiểm soát Nguyễn Minh Giang (Đến ngày 22/09/2025)
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả	Công ty có liên quan của PTGĐ Lê Châu Thắng; Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy; Phó TGĐ Trần Văn Chí; Phó TGĐ Nguyễn Quỳnh Mai; Phó TGĐ Nguyễn Văn Ân; Phụ trách quản trị kiêm thư ký công ty Trần Tấn Huy.
Công ty TNHH Hạ tầng Đô thị Đèo Cả	Công ty có liên quan của Phó chủ tịch HĐQT Nguyễn Hữu Hùng, Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy, Trưởng Ban Kiểm soát Nguyễn Minh Giang
Hồ Minh Hoàng	Chủ tịch HĐQT

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

2. Giao dịch với các bên liên quan khác (tiếp theo)

Tóm tắt hoạt động của các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết trong năm:

Công ty con

Tên Công ty	*Tỷ lệ lợi ích*	*Tỷ lệ quyền biểu quyết*	*Lợi nhuận sau thuế*	*Lợi nhuận chưa phân phối*
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	65,04%	65,04%	149.606.704.343	369.866.719.643
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	74,24%	74,24%	149.385.447.794	4.905.904.872
Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	99,37%	99,37%	35.731.352.341	35.731.352.341

Công ty liên doanh, liên kết

Tên Công ty	*Tỷ lệ lợi ích*	*Tỷ lệ quyền biểu quyết*	*Lợi nhuận sau thuế*	*Lợi nhuận chưa phân phối*
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	47,42%	50,00%	55.131.008.769	544.755.947.808
Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh	42,31%	40,00%		
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	38,00%	38,00%	171.614.495.733	220.362.991.881
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị	31,60%	31,60%	(992.603.563)	(2.414.098.443)

Tóm tắt hoạt động của khoản đầu tư vào các công ty khác trong năm:

Tên Công ty	*Tỷ lệ lợi ích*	*Tỷ lệ quyền biểu quyết*	*Lợi nhuận sau thuế*	*Lợi nhuận chưa phân phối*
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	15,37%	15,37%	297.554.220.664	465.087.419.765
Công ty TNHH Hạ tầng Đô thị Đèo Cả	17,78%	17,78%		

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

2. Giao dịch với các bên liên quan khác (tiếp theo)

Trong năm, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	2024 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty con của Công ty mẹ, Công ty có liên quan của Thành viên HĐQT Trần Chủng, Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy, Phó TGĐ Nguyễn Văn Ân	Bán hàng hóa, dịch vụ	86.437.510.114	599.572.392
		Mua hàng hóa, dịch vụ	75.774.596.984	89.003.826.675
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị	Công ty liên kết	Thu lại tiền góp vốn	5.688.000.000	10.116.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	Công ty liên kết, công ty có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Hữu Hùng, TGĐ kiêm người đại diện theo pháp luật Ngọ Trường Nam, Trưởng Ban kiểm soát Nguyễn Minh Giang, Kiểm soát viên Phan Thị Mai	Bán hàng hóa, dịch vụ	2.599.989.814	2.295.537.037
		Nhận cổ tức	8.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	Công ty mẹ	Bán hàng hóa, dịch vụ	701.265.429.874	377.053.428.864
		Mua hàng hóa, dịch vụ	153.024.421.454	68.414.576.800
		Nhận chuyển nhượng cổ phần	-	517.900.000.000
Công ty Cổ phần An ninh Đèo Cả	Công ty con của Công ty mẹ, Công ty có liên quan của Trưởng Ban kiểm soát Nguyễn Minh Giang	Mua hàng hóa, dịch vụ	32.990.490.535	29.126.281.830

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

2. Giao dịch với các bên liên quan khác (tiếp theo)

Trong năm, Công ty có phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan Các nghiệp vụ chủ yếu như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 VND	2024 VND
Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh	Công ty liên kết, Công ty có liên quan của Phó chủ tịch HĐQT Nguyễn Hữu Hùng, Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy	Góp vốn	204.473.200.000	7.500.000.000
		Đặt cọc góp vốn	248.643.272.861	64.302.099.206
		Hoàn trả tiền đặt cọc	102.050.172.067	-
		Chi tiền hợp tác kinh doanh	284.800.800.000	-
		Hoàn tiền hợp tác kinh doanh	203.283.800.000	-
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Công ty có liên quan của Chủ tịch HĐQT Hồ Minh Hoàng, Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Tấn Đông, Thành viên HĐQT Võ Thụy Linh	Bán hàng hóa, dịch vụ	11.750.521.610	7.700.203.509
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường cao tốc Đèo Cả	Công ty có liên quan của PTGĐ Lê Châu Thắng; Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy; Phó TGĐ Trần Văn Chí; Phó TGĐ Nguyễn Quỳnh Mai; Phó TGĐ Nguyễn Văn Ân; Phụ trách quản trị kiêm thư ký công ty Trần Tấn Huy.	Bán hàng hóa, dịch vụ	928.104.334	1.356.909.082
		Mua hàng hóa, dịch vụ	13.865.025.445	38.099.828.705
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	Công ty liên kết, Công ty có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Tấn Đông	Bán hàng hóa, dịch vụ	50.000.610.185	175.158.427.705
		Chi tiền hợp tác kinh doanh	-	413.773.860.000
		Thu tiền lợi nhuận từ hợp tác kinh doanh	69.242.734.118	-
		Lợi nhuận từ hợp tác kinh doanh	51.584.069.977	38.564.448.692
		Thanh toán tiền gốc hợp tác kinh doanh	455.589.793.336	-
Công ty TNHH Hạ tầng Đô thị Đèo Cả	Công ty có liên quan của Phó chủ tịch HĐQT Nguyễn Hữu Hùng, Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy, Trưởng Ban Kiểm soát Nguyễn Minh Giang	Góp vốn	800.000.000.000	-

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

3. Công nợ với các bên liên quan khác (tiếp theo)

Trong năm, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	31.12.2025 VND	01.01.2025 VND
PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN			**504.684.762.510**	**381.952.072.308**
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	Công ty liên kết, công ty có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Hữu Hùng, TGĐ kiêm người đại diện theo pháp luật Ngọ Trường Nam, Trưởng Ban kiểm soát Nguyễn Minh Giang, Kiểm soát viên Phan Thị Mai	Trung tu hầm, đường	1.150.582.495	1.537.414.900
		Vận hành các trạm thu phí	3.647.065.400	3.647.065.400
		Thi công xây lắp	244.609.500	244.609.500
		Duy tu bảo dưỡng hầm, đường	1.655.543.900	1.150.582.495
		Cộng	**6.697.801.295**	**6.579.672.295**
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	Công ty mẹ	Thi công xây lắp	254.985.126.957	213.453.819.549
		Cộng	**254.985.126.957**	**213.453.819.549**
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường cao tốc Đèo Cả	Công ty có liên quan của PTGĐ Lê Châu Thắng; Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy; Phó TGĐ Trần Văn Chí; Phó TGĐ Nguyễn Quỳnh Mai; Phó TGĐ Nguyễn Văn Ân; Phụ trách quản trị kiêm thư ký công ty Trần Tấn Huy.	Thuê xe	730.978.138	2.935.663.301
		Cộng	**730.978.138**	**2.935.663.301**
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty con của Công ty mẹ, Công ty có liên quan của Thành viên HĐQT Trần Chủng, Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy, Phó TGĐ Nguyễn Văn Ân	Dịch vụ khác	3.684.240.000	637.938.182
		Thi công xây lắp	37.651.942.831	-
		Cộng	**41.336.182.831**	**637.938.182**

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

3. Công nợ với các bên liên quan khác (tiếp theo)

Trong năm, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	31.12.2025 VND	01.01.2025 VND
PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN (tiếp theo)				
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Công ty có liên quan của Chủ tịch HĐQT Hồ Minh Hoàng, Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Tấn Đông, Thành viên HĐQT Võ Thụy Linh	Duy tu bảo dưỡng hầm, đường	15.248.299.647	13.158.482.562
		Thuê xe	388.363.635	388.363.635
		Cộng	**15.636.663.282**	**13.546.846.197**
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	Công ty liên kết, Công ty có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Tấn Đông	Thi công xây lắp	127.567.935.784	144.798.132.784
		Duy tu bảo dưỡng hầm, đường	23.069.617.770	-
		Thuê xe	337.500.000	-
		Cộng	**150.975.053.554**	**144.798.132.784**
Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh	Công ty liên kết, Công ty có liên quan của Phó chủ tịch HĐQT Nguyễn Hữu Hùng, Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy	Thi công xây lắp	34.322.956.453	-
		Cộng	**34.322.956.453**	-

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

3. Công nợ với các bên liên quan khác (tiếp theo)

Trong năm, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	31.12.2025 VND	01.01.2025 VND
PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC			**12.782.778.880**	**91.192.934.288**
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	Công ty mẹ	Đặt cọc tiền vé máy bay	100.000.000	100.000.000
		Phải thu khác	6.008.780.880	23.875.003.994
		Cộng	**6.108.780.880**	**23.975.003.994**
Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh	Công ty liên kết, Công ty có liên quan của Phó chủ tịch HĐQT Nguyễn Hữu Hùng, Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy	Đặt cọc góp vốn	6.422.000.000	64.302.099.206
		Cộng	**6.422.000.000**	**64.302.099.206**
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty con của Công ty mẹ, Công ty có liên quan của Thành viên HĐQT Trần Chủng, Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy, Phó TGĐ Nguyễn Văn Ân	Thi công xây lắp	251.998.000	251.998.000
		Cộng	**251.998.000**	**251.998.000**
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	Công ty liên kết, Công ty có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Tấn Đông	Phải thu khác	-	**2.663.833.088**
		Cộng	-	2.663.833.088

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

3. Công nợ với các bên liên quan khác (tiếp theo)

Trong năm, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	31.12.2025 VND	01.01.2025 VND
PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC			**160.372.513.304**	**558.696.413.227**
Công ty Cổ phần BOT Hưng Phát	Công ty con của Công ty mẹ	Tạm ứng cổ tức	38.015.562.045	44.608.004.491
		Cộng	**38.015.562.045**	**44.608.004.491**
Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh	Công ty liên kết, Công ty có liên quan của Phó chủ tịch HĐQT Nguyễn Hữu Hùng, Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy	Hợp tác kinh doanh	81.517.000.000	-
		Cộng	**81.517.000.000**	**-**
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm – Vĩnh Hảo	Công ty liên kết, Công ty có liên quan của Phó Chủ tịch HĐQT Nguyễn Tấn Đông	Hợp tác kinh doanh	18.184.066.664	473.773.860.000
		Lợi nhuận từ hợp tác kinh doanh	22.655.884.595	40.314.548.736
		Cộng	**40.839.951.259**	**514.088.408.736**
PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN			**280.867.760.044**	**316.418.109.595**
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	Công ty mẹ	Thi công xây lắp	190.253.668.973	225.568.624.637
		Mua vật tư	23.505.619.537	8.269.076.086
		Cung cấp công nghệ thông tin	674.795.250	586.624.500
		Vé máy bay, khác	22.816.440.831	20.777.007.970
		Cộng	**237.250.524.591**	**255.201.333.193**
Công ty Cổ phần An ninh Đèo Cả	Công ty con của Công ty mẹ, Công ty có liên quan của Trưởng Ban kiểm soát Nguyễn Minh Giang	Cung cấp dịch vụ	6.995.350.495	13.724.616.640
		Cộng	**6.995.350.495**	**13.724.616.640**

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

3. Công nợ với các bên liên quan khác (tiếp theo)

Trong năm, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	31.12.2025 VND	01.01.2025 VND
PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN (tiếp theo)				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty con của Công ty mẹ, Công ty có liên quan của Thành viên HĐQT Trần Chủng, Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy, Phó TGĐ Nguyễn Văn Ân	Cung cấp vật tư	31.647.657.478	17.850.311.355
		Cộng	**31.647.657.478**	**17.850.311.355**
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường cao tốc Đèo Cả	Công ty có liên quan của PTGĐ Lê Châu Thắng; Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy; Phó TGĐ Trần Văn Chí; Phó TGĐ Nguyễn Quỳnh Mai; Phó TGĐ Nguyễn Văn Ân; Phụ trách quản trị kiêm thư ký công ty Trần Tấn Huy.	Cung cấp dịch vụ	4.974.227.480	29.641.848.407
		Cộng	**4.974.227.480**	**29.641.848.407**
PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN DÀI HẠN			**2.719.148.000**	**2.719.148.000**
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty con của Công ty mẹ, Công ty có liên quan của Thành viên HĐQT Trần Chủng, Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy, Phó TGĐ Nguyễn Văn Ân	Thi công xây lắp	2.719.148.000	2.719.148.000
		Cộng	**2.719.148.000**	**2.719.148.000**
NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN				
Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh – Giai đoạn 2	Công ty có liên quan của Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	442.890.297	-
		Cộng	**442.890.297**	-

-

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

3. Công nợ với các bên liên quan khác (tiếp theo)

Trong năm, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	31.12.2025 VND	01.01.2025 VND
NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC DÀI HẠN			**507.937.125.175**	**100.000.000.000**
Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh	Công ty liên kết, Công ty có liên quan của Phó chủ tịch HĐQT Nguyễn Hữu Hùng, Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy	Người mua trả tiền trước dài hạn	166.582.125.175	100.000.000.000
		Cộng	**166.582.125.175**	**100.000.000.000**
Công ty Cổ phần Cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh - Giai đoạn 2	Công ty có liên quan của Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy	Người mua trả tiền trước dài hạn	341.355.000.000	-
		Cộng	**341.355.000.000**	-
PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC			**500.166.647.791**	**507.900.000.000**
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	Công ty con của Công ty mẹ, Công ty có liên quan của Thành viên HĐQT Trần Chủng, Thành viên HĐQT Nguyễn Quang Huy, Phó TGĐ Nguyễn Văn Ân	Cung cấp vật tư	86.801.835	-
		Cộng	**86.801.835**	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả	Công ty mẹ	Nhận chuyển nhượng cổ phần	495.400.000.000	507.900.000.000
		Phải trả ngắn hạn khác	4.679.845.956	-
		Cộng	**500.079.845.956**	**507.900.000.000**

Ghi chú: Các giao dịch với bên liên quan đã thực hiện đúng theo quy định tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán và quy định pháp lý có liên quan.

DEOCA
INFRASTRUCTURE

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐÈO CẢ

Trụ sở chính Km11 + 500 tuyến đường dẫn phía Nam hầm Hải Vân, phường Hải Vân, thành phố Đà Nẵng

Điện thoại 0236 3730 574 **Email** info@hhv.com.vn

Fax 0236 3842 713 **Website** https://www.hhv.com.vn/